

BÀI 1: TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN**Soạn bài 1 NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG****ĐỌC HIỂU**

CH1. Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh như thế nào?

Trả lời:

Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một không gian hoang sơ.

CH2: Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng gì về chú Võ Tòng?

Trả lời:

Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng về chú Võ Tòng là một người có lối sống dân dã, phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên, là một người gan dạ.

CH3: Chỉ ra dấu hiệu về sự chuyển đổi ngôi kể.

Trả lời:

Dấu hiệu về sự chuyển đổi ngôi kể:

- Đoạn trên đang là ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi" - An, gọi Võ Tòng là "chú".
- Đoạn dưới người kể chuyện ngôi thứ ba, gọi Võ Tòng là "gã".

CH4: Chuyện Võ Tòng đánh hổ hé mở điều gì về tính cách, cuộc đời nhân vật?

Trả lời:

Chuyện Võ Tòng đánh hổ hé mở về tính cách và cuộc đời của Võ Tòng:

- Cuộc đời: Cũng từng có vợ con, là người hiền lành, yêu quý vợ rất mực.
- Tính cách: thẳng thắn, bộc trực, gan dạ có chút liều lĩnh.

CH5. So sánh hành vi chống trả tên địa chủ ngang ngược với việc đánh hổ của Võ Tòng.

Trả lời:

Hành vi chống trả tên địa chủ ngang ngược với việc đánh hổ của Võ Tòng đều thể hiện sự gan dạ, thẳng thắn và sức mạnh của Võ Tòng.

CH6. Câu nói cảm ơn trang trọng của ông Hai và lời đáp của chú Võ Tòng thể hiện điều gì?

Trả lời:

Câu nói cảm ơn trang trọng của ông Hai và lời đáp của chú Võ Tòng thể hiện sự tôn trọng của hai người dành cho nhau.

B. Bài tập và hướng dẫn giải**CÂU HỎI:**

Câu 1. Văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng kể về việc gì? Đoạn trích có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhan đề văn bản gợi cho em những suy nghĩ gì?

- Văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng kể về việc ông Hai dẫn An đi gặp chú Võ Tòng.

- Nhan đề văn bản gợi cho em suy nghĩ về một người đàn ông sống một mình giữa rừng hoang. Người đàn ông đó hẳn phải là người rất dũng cảm, khỏe mạnh mới có thể chống chọi lại thú dữ ở rừng. Người đàn ông sống giữa rừng cũng cho thấy tính cách không thích ồn ào, có phần lánh đời.

Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật Võ Tòng được nhà văn thể hiện trên những phương diện nào? Hãy vẽ hoặc miêu tả bằng lời về nhân vật Võ Tòng theo hình dung của em.

- Đặc điểm tính cách nhân vật Võ Tòng được nhà văn thể hiện trên những phương diện:
 - Ngoại hình
 - Ngôn ngữ
 - Cử chỉ, hành động
 - Suy nghĩ
- Miêu tả bằng lời về nhân vật Võ Tòng theo hình dung của em: thân hình rám nắng, vạm vỡ, có một vết sẹo dài từ má xuống cổ, tóc và râu dài.

Câu 3. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.

Tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng "tôi") với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng: giúp cho nhân vật Võ Tòng hiện lên một cách đa chiều, được nhìn nhận trong con mắt của nhiều nhân vật.

Câu 4. Hãy nêu ra một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt,...) trong văn bản để thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ.

Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt,...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:

- Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (tía, má, khô nai, xuồng,...)
- Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ
- Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, gan dạ, tình cảm
- Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng

Câu 5. Qua văn bản, em hiểu thêm được gì về con người và thiên nhiên của vùng đất phương Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất và lí giải vì sao.

- Qua văn bản, em hiểu được con người Nam Bộ có tính cách bộc trực, thẳng thắn, gan dạ và tình cảm, có lối sống phóng khoáng. Thiên nhiên Nam Bộ giàu có, trù phú, hoang sơ.
- Một chi tiết mà em thích nhất: chú Võ Tòng giết hổ khi ở thế bị động. Em thích chi tiết này vì nó cho thấy sự gan dạ, dũng mãnh của chú Võ Tòng. Đồng thời, nó cũng làm em liên tưởng đến nhân vật Võ Tòng trong Thủy hử truyện, cũng có sức mạnh vô song và giết chết hổ.

Câu 6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) nêu lên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng.

Văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng là đoạn trích trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của nhà văn Đoàn Giỏi. Văn bản đã thành công trong việc miêu tả nhân vật Võ Tòng bằng cách sử dụng nhiều ngôi kể và những tình tiết đặc sắc. Đó là ngôi kể thứ nhất xưng "tôi" của nhân vật An, và ngôi kể thứ ba của người kể chuyện. Cách kể này cho người đọc một cái nhìn đa chiều về Võ Tòng. Trong mắt cậu bé An, chú Võ Tòng là

người cởi mở, phóng khoáng, vui tính. Trong mắt người kể chuyện và người dân, Võ Tòng là một người gan dạ, có phần ngang tàng, liều lĩnh nhưng vô cùng tốt bụng và đáng quý. Đoàn Giỏi cũng đã thành công trong việc thể hiện đặc trưng Nam Bộ bằng cách miêu tả tính cách nhân vật, quang cảnh thiên nhiên cùng giọng văn, từ ngữ đậm chất Nam Bộ.

Soạn bài 1 BÀI HỌC CUỐI CÙNG

ĐỌC HIỂU

CH1. Tại sao thầy Ha-men lại nói: "... con bị trừng phạt thế là đủ rồi...?"

Trả lời:

Thầy Ha-men lại nói: "... con bị trừng phạt thế là đủ rồi..." vì:

- Phrăng đã nhiều lần chịu phạt
- Với thầy Ha-men hiện tại, hình phạt không phải là cách dạy dỗ tốt với học sinh của mình
- Việc không được tiếp tục học tiếng Pháp đã là một hình phạt quá nặng nề không chỉ với riêng Phrăng.

CH2. Em có suy nghĩ gì về những dòng chữ in đậm sau: "khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù"?

Trả lời:

Những dòng chữ in đậm sau: "khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chùng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù" cho em suy nghĩ tiếng nói của một dân tộc chính là nơi lưu giữ ký ức, bản sắc của dân tộc đó, là điều sống còn của một dân tộc. Những dòng chữ in đậm trên cũng giống như cách nói của Phạm Quỳnh về Truyện Kiều: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn."

CH3. Bản khoăn của cậu bé Phrăng về các con chim bồ câu trên mái nhà trường gợi cho em những suy nghĩ gì?

Trả lời:

Bản khoăn của cậu bé Phrăng về các con chim bồ câu trên mái nhà trường gợi cho em những suy nghĩ:

- Sự trong sáng của một cậu bé
- Sự áp bức của quân Phổ đối với người Pháp

B. Bài tập và hướng dẫn giải

CÂU HỎI

Câu 1. Em hiểu thế nào về nhan đề Buổi học cuối cùng? Người kể lại câu chuyện là ai? Chỉ ra tác dụng của ngôi kể này.

Em hiểu nhan đề Buổi học cuối cùng nói về buổi học Pháp văn cuối cùng của các học sinh ở vùng An-dát. Đó là buổi học cuối cùng bằng tiếng mẹ đẻ, tiếng của "Tổ quốc đang ra đi", vì hôm sau họ sẽ phải học bằng tiếng Đức.

Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật thầy Ha-men được nhà văn khắc họa từ những phương diện nào? Hãy nêu ra một số biểu hiện cụ thể trong văn bản.

Đặc điểm tính cách nhân vật thầy Ha-men được nhà văn khắc họa từ những phương diện:

- Ngoại hình: mặc chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn và đội cái mũ trong bằng lụa đen thêu mà chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng.
- Cử chỉ, hành động: chuẩn bị những tờ mẫu tập viết mới tinh, trên có viết bằng chữ rông thật đẹp.
- Lời nói: Dịu dàng nói với Phrăng khi cậu vào muộn hay không hiểu bài
- Suy nghĩ:
 - Tiếc nuối vì những lần muốn đi câu cá mà không ngại cho học sinh nghỉ học
 - Tiếc nuối vì phải rời xa nơi đã gắn bó từ bốn mươi năm
 - Sự sống còn của một dân tộc chính là ở ngôn ngữ

Câu 3. Phân tích một số chi tiết cụ thể (suy nghĩ, cách nhìn nhận về thầy Ha-men và thái độ đối với việc học tiếng Pháp) để làm rõ diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong "buổi học cuối cùng".

Phân tích một số chi tiết cụ thể (suy nghĩ, cách nhìn nhận về thầy Ha-men và thái độ đối với việc học tiếng Pháp) để làm rõ diễn biến tâm trạng của nhân vật "tôi" trong "buổi học cuối cùng":

- Thấy thầy Ha-men ăn mặc trang trọng, nói năng dịu dàng.
- Nhận thấy lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng.
- Tiếc nuối vì đã không chăm chỉ học hành.
- Thương, tội nghiệp thầy.

=> Diễn biến tâm trạng: cố gắng đi học => thấy lớp học có điều khác thường => nhận ra sẽ không còn được học tiếng Pháp và cảm thấy tiếc nuối => thương thầy => chăm chú nghe giảng, học bài.

Câu 4. Phần (5) của văn bản Buổi học cuối cùng có nhiều chi tiết miêu tả đặc sắc: thầy Ha-men "người tái nhợt", "nghẹn ngào, không nói được hết câu", "cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cô viết thật to: NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!" và "đầu dựa vào tường", "chẳng nói", chỉ "giơ tay ra hiệu",... Các chi tiết này đã giúp tác giả khắc họa được tâm trạng gì của thầy Ha-men?

Phần (5) của văn bản Buổi học cuối cùng có nhiều chi tiết miêu tả đặc sắc: thầy Ha-men "người tái nhợt", "nghẹn ngào, không nói được hết câu", "cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cô viết thật to: NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!" và "đầu dựa vào tường", "chẳng nói", chỉ "giơ tay ra hiệu",... Các chi tiết này đã giúp tác giả khắc họa được tâm trạng đau buồn, xúc động, thất thần của thầy Ha-men khi buổi học cuối cùng tiếng của "Tổ quốc đang ra đi" đã kết thúc, đã đến lúc thầy phải rời vùng An-dát đã gắn bó từ lâu.

Câu 5. Câu chuyện đã bồi đắp cho em những phẩm chất nào? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện?

- Câu chuyện đã bồi đắp cho em những phẩm chất:
 - Chăm chỉ, cần cù, việc hôm nay không để ngày mai.
 - Yêu quê hương, đất nước từ những điều bình thường, giản dị, gần gũi.
- Em rút ra bài học: chăm chỉ, cần cù, chịu khó, cố gắng học tập.

Câu 6. Trong truyện Buổi học cuối cùng, em thích nhất nhân vật hoặc chi tiết, hình ảnh nào? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) giải thích lí do vì sao em thích.

Trong truyện Buổi học cuối cùng, em thích nhất là chi tiết cả lớp im lặng tập viết, chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy.

Đoạn văn (6 - 8 dòng) giải thích lí do em thích chi tiết đó:

Trong truyện ngắn Buổi học cuối cùng của An-phông-xơ Đô-đê, để lại trong tôi ấn tượng nhiều hơn cả chính là chi tiết cả lớp học im lặng tập viết, chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Lớp học phải tập trung lắm mới có thể im lặng. Cũng phải vì tập trung lắm, im lặng lắm nên những tiếng sột soạt trên giấy vốn nhỏ, lại được nghe thấy rõ mồn một và được miêu tả. Chi tiết cho thấy cái nhìn tinh tế của nhà văn về cuộc sống. Đồng thời cũng cho thấy sự nghiêm trang của một lớp học vùng An-dát trong buổi học Pháp văn - tiếng mẹ đẻ của họ lần cuối cùng. Sự nghiêm trang ấy thể hiện lòng biết ơn, tôn trọng với người thầy đã gắn bó với họ suốt 40 năm, đồng thời cũng thể hiện tình yêu, lòng tôn kính với quê hương, Tổ quốc.

Soạn bài 1 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TRANG 26

Câu 1. Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu dưới đây (ở đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng của Đoàn Giỏi). Các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì trong việc phản ánh con người, sự vật?

- Tía thấy con ngủ say, tía không gọi.
- Điều đó, má nuôi tôi quả quyết...
- Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chú!
- Bả không thua anh em ta một bước nào đâu.

Câu	Từ ngữ địa phương	Vùng miền
a	Tía	Nam Bộ
b	má	Nam Bộ
c	giùm	Nam Bộ
d	Bả	Nam Bộ

=> Những từ ngữ địa phương có tác dụng phản ánh lối sống, cách nói, giao tiếp của người ở địa phương đó.

Câu 2. Những từ nào trong các câu dưới đây là từ địa phương? Chúng được sử dụng ở vùng miền nào? Giải thích nghĩa của các từ địa phương đó và nêu tác dụng của việc sử dụng chúng trong đoạn trích Dọc đường xứ Nghệ của Sơn Tùng.

- Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nó hằn là mắt tiên, cha nhể?
- Đến ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ.
- Việc đời đã đón dân, mi lại "thông minh" dớ dẩn nốt.

Câu	Từ ngữ địa phương	Vùng miền	Nghĩa của từ ngữ địa phương
a	nó, nhể	Trung Bộ	ấy, nhỉ
b	ni	Trung Bộ	này

c	dở dạn, mi	Trung Bộ	dở dẩn, mầy
---	------------	----------	-------------

=> Tác dụng của việc sử dụng chúng trong đoạn trích Dọc đường xứ Nghệ của Sơn Tùng: giúp cho ngôn ngữ của văn bản phù hợp với nội dung của văn bản, thể hiện vốn từ ngữ của tác giả.

Câu 3. Viết đúng và luyện phát âm một số từ có đặc điểm sau:

a) Từ có tiếng chứa phụ âm đầu là l, n, v:

- l, ví dụ: lo lắng, lạnh lùng,...
- n, ví dụ: no nê, nao núng,...
- v, ví dụ: vội vàng, vắng vẻ,...

b) Từ có tiếng chứa vần với âm cuối là n, t:

- n, ví dụ: bàn bạc, bền bỉ, ngăn cản,...
- t, ví dụ: bắt bớ, luật lệ, buốt giá,...

c) Từ có tiếng chứa có thanh hỏi, thanh ngã:

- Thanh hỏi, ví dụ: tỉ mỉ, nghỉ ngơi,...
- Thanh ngã, ví dụ: nghĩ ngợi, mãi mãi,...

Viết đúng và luyện phát âm một số từ có đặc điểm sau:

a) Từ có tiếng chứa phụ âm đầu là l, n, v:

- l, ví dụ: lo lắng, lạnh lùng,...
- n, ví dụ: no nê, nao núng,...
- v, ví dụ: vội vàng, vắng vẻ,...

b) Từ có tiếng chứa vần với âm cuối là n, t:

- n, ví dụ: bàn bạc, bền bỉ, ngăn cản,...
- t, ví dụ: bắt bớ, luật lệ, buốt giá,...

c) Từ có tiếng chứa có thanh hỏi, thanh ngã:

- Thanh hỏi, ví dụ: tỉ mỉ, nghỉ ngơi,...
- Thanh ngã, ví dụ: nghĩ ngợi, mãi mãi,...

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.

Trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng, tác giả Đoàn Giỏi đã sử dụng các từ ngữ địa phương Nam Bộ rất phù hợp với nội dung được đề cập đến. Cụ thể, văn bản được trích trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam. Những từ ngữ Nam Bộ đã góp phần tạo nên một không gian Nam Bộ sống động, chân thật. Nói cách khác, là hình thức ngôn ngữ và nội dung được đề cập hoàn toàn phù hợp, bổ trợ cho nhau. Nếu như Đất rừng phương Nam được viết bằng từ ngữ toàn dân, chắc chắn người đọc sẽ không khỏi thắc mắc tại sao viết về phương Nam mà tác giả lại không có chút am hiểu nào về từ ngữ địa phương nơi đây. Điều đó hẳn sẽ không thể tạo được thành công cho tác phẩm Đất rừng phương Nam như nó vốn có.

Soạn bài 1 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU DỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ

ĐỌC HIỂU

- Cậu bé Côn phê phán điều nào và coi trọng giá trị gì qua sự đánh giá về An Dương Vương?

- Ý nghĩa của các địa danh được nhắc tới ở đây là gì?
- Ý nghĩa câu về mà bà ngoại cậu bé Côn đã đọc là gì?

Trả lời:

- Qua sự đánh giá về An Dương Vương, cậu bé Côn phê phán và coi trọng:
 - Phê phán: sự thành thật, ruột để ngoài da của cha con An Dương Vương không thể giúp giữ nước.
 - Coi trọng: tự chém con gái và tự xử án mình bằng hành động nhảy xuống biển về tội để mất nước chứ không cam chịu nộp mình cho giặc.
- Ý nghĩa của các địa danh được nhắc tới ở đây là để ghi nhớ công ơn đánh giặc của vị tướng quân.
- Ý nghĩa câu về mà bà ngoại cậu bé Côn đã đọc là quan lại cần phải lấy dân làm gốc, vì dân thì mọi thời đều có, còn chức tước chỉ là nhất thời; thương hay hại dân, dân đều ghi nhớ muôn đời.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Câu chuyện được kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể ấy trong văn bản Dọc đường xứ Nghệ.

- Được kể theo ngôi thứ ba.
- Tác dụng : Giúp câu chuyện được kể từ cái nhìn toàn cảnh của người kể chuyện ngôi thứ ba (người kể chuyện toàn tri). Bất cứ điều gì từ các nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba này đều nắm rõ.

Câu 2. Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn, suy nghĩ như thế nào? Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?

- Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn lương thiện và suy nghĩ thấu đáo, lo xa về những việc trọng đại.
- Nhân vật Côn có tính cách ngoan ngoãn, hiếu học.

Câu 3. Trong đoạn trích, cụ Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người bằng cách nào? Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật cụ Phó bảng?

- Trong đoạn trích, cụ Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người bằng cách kể và giảng giải cho các con về các câu chuyện đời trước.
- Tính cách của cụ Phó bảng: ân cần, từ tốn, khí tiết.

Câu 4. Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em những suy nghĩ gì?

=> Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em suy nghĩ về việc cha ông ta đã bảo vệ đất nước từ ngàn xưa.

SOẠN BÀI 1 VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**1. Định hướng**

Đọc văn bản trên và suy nghĩ để trao đổi:

- Văn bản kể lại sự việc gì? Ai là người kể chuyện?
- Sự việc ấy liên quan đến nhân vật hay sự kiện lịch sử nào?
- Những câu văn nào thể hiện sự kết hợp yếu tố miêu tả với tự sự?

Trả lời:

- Văn bản kể lại sự việc nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài hát Tiến quân ca và được cộng đồng đón nhận.
- Người kể chuyện: người kể chuyện ngôi thứ ba - tác giả bài viết: Ngọc An.
- Sự việc ấy liên quan đến:
 - + Nhân vật: nhạc sĩ Văn Cao.
 - + Sự kiện lịch sử: kháng Nhật, cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, cuộc mít tinh vào ngày 19-8.
 - Những câu văn nào thể hiện sự kết hợp yếu tố miêu tả với tự sự:
 - + Lúc đó, ông rất háo hức muốn được nhận "một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang", nhưng nhiệm vụ mà ông được giao là sáng tác nghệ thuật.
 - + Nhưng với tất cả lòng nhiệt huyết của chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội, Văn Cao thấy mình như đang "sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc", ông đã viết nên những giai điệu và ca từ của Tiến quân ca.
 - + Có lẽ lúc đó, Văn Cao không ngờ rằng chỉ một thời gian ngắn sau, lần đầu tiên, vào ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hòa nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn.
 - + Bài hát Tiến quân ca đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi.
 - + Anh là người đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát. Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hàng vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên, và cũng là một lần duy nhất.
 - + Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. Thực hành

Bài tập: Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

Vào năm 1946, anh trai của Bác Hồ là cụ Nguyễn Sinh Khiêm đã từ Nghệ An ra Hà Nội để thăm Bác. Ban đầu, cụ Nguyễn Sinh Khiêm đi bộ từ Nam Đàn ra ga Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu quãng đường chừng 70 cây số. Lúc cụ lấy vé, ai cũng tưởng cụ là Bác Hồ cải trang để vi hành. Lúc đó các cán bộ ở huyện Quỳnh Lưu cũng tưởng như vậy và cảm thấy xúc động.

Ra đến ga Hàng Cỏ, vừa bước qua khỏi cổng ga thì đồng bào ở đây lại nhanh chóng vây kín lấy cụ, khẳng định đây là Cụ Hồ cải trang để vi hành. Cụ Nguyễn Sinh Khiêm đã đính chính: "Thưa bà con, tôi là một người dân xứ Nghệ, ra thăm Thủ đô, không phải Cụ Hồ". Nhưng đồng bào không tin, mỗi lúc kéo đến một đông. Lúc này, một chiến sĩ công an phát hiện thấy tình hình lạ đã gọi điện báo cáo lãnh đạo Nha Công an Trung ương. Nội dung báo cáo nêu rõ: "Có một cụ già nói giọng Nghệ Tĩnh, có râu, khuôn mặt rất giống Bác Hồ, nhân dân tin là Bác Hồ nên vây kín chưa đi được. Nhiều khả năng đây là người anh ruột của Bác'.

Lúc ấy, đồng chí Lê Giản - Tổng Giám đốc Nha Công an Trung ương nghe báo cáo liền cử người và xe ra ga Hàng Cỏ để đón người khách. Có lẽ vì muốn tránh đám đông

nên cụ Nguyễn Sinh Khiêm đã đồng ý lên xe. Khi đồng chí Lê Giản mạnh dạn thưa chuyện: "Thưa bác, bác ra thăm Hồ Chủ tịch mà không thông báo trước để chúng cháu cho xe đón đỡ vất vả", cụ Nguyễn Sinh Khiêm trả lời ngay: "Ông làm chức trách Nhà nước mà ăn nói buồn cười. Lẽ đời thì em thăm anh, chứ anh nào thấy em làm to lại ra thăm. Tôi ra đây là thăm Thủ đô nước Việt Nam mới xem thế nào, chứ không phải thăm em làm Chủ tịch nước."

Khi biết người anh Nguyễn Sinh Khiêm ra Hà Nội, Bác Hồ lặng đi, xúc động. Vì hoàn cảnh lúc đó Bác Hồ chưa thể gặp anh mình ngày, đã nhờ người tiếp anh trai và mua rượu. Đến đêm, trời mưa, Bác Hồ hóa trang mặc áo the, đội ô đi cùng hai đồng chí đến phòng làm việc của đồng chí Lê Giản ở phố Trần Hưng Đạo có cửa ra vào phía phố Dã Tượng, bác Hồ cởi áo the, vào gặp anh trai. Vừa thấy anh trai, Bác Hồ chạy đến ôm lấy anh khẽ kêu lên: "Anh Cả!". Cụ Nguyễn Sinh Khiêm cũng ôm lấy Bác Hồ rồi nghẹn ngào thốt lên: "Chú râu đã dài thế này à?". Rồi hai anh em ôm nhau khóc. Người thư kí nhẹ nhàng khép cửa lại rồi nhẹ nhàng lui ra...

Đề 2: Dựa vào văn bản ở mục "Định hướng", em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát "Tiến quân ca".

Ngày nay, bài hát Tiến quân ca đã quá quen thuộc và gần gũi với tất cả người dân Việt Nam vì đó là Quốc ca. Nhưng bài hát đó đã ra đời như thế nào thì không phải ai cũng rõ. Tôi xin kể lại câu chuyện về sự kiện lịch sử ấy.

Trước khi sáng tác bài hát Tiến quân ca, đã có lúc tôi tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. Tôi thực sự đã rất buồn chán và thất vọng. Bạn bè tôi đều cho rằng tôi là người tài hoa, hiểu biết cả hội họa, thơ ca và âm nhạc. Nhưng sự thất vọng khiến tôi muốn từ bỏ tất cả. Thật may lúc đó tôi đã gặp lại người anh Ph. D. Nhờ Ph. D mà tôi được gặp lại anh Vũ Quý, một người anh từ lâu đã luôn dõi theo con đường nghệ thuật của tôi. Sau buổi nói chuyện với anh Vũ Quý, tôi đã tìm thấy một con đường đi mới, tìm được lí tưởng sống, đó là con đường cách mạng.

Tôi đã rất háo hức muốn được nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang. Nhưng nhiệm vụ mà tôi nhận được là sáng tác nghệ thuật. Khi ấy khóa quân chính kháng Nhật sắp mở, cần một bài hát cổ vũ tinh thần cho quân đội cách mạng. Trước đây, tôi đã sáng tác nhiều bài hát thể hiện lòng yêu nước như Đống Đa, Thăng Long hành khúc ca, Tiếng rừng,... nhưng tôi chưa từng viết một bài ca cách mạng.

Tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào, tôi chỉ biết đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết chiến khu, chỉ biết những con đường ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ theo thói quen tôi đi. Tôi chưa gặp các chiến sĩ cách mạng của chúng ta trong khóa quân chính đầu tiên ấy để biết họ hát như thế nào. Vậy là, bằng tất cả lòng nhiệt huyết yêu nước, trên căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền, tôi đã cảm tưởng như mình sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc. Ở căn gác nhỏ của sự tưởng tượng ấy, tôi đã viết nên giai điệu và ca từ của Tiến quân ca.

Anh Ph. D - người chứng kiến sự ra đời của Tiến quân ca, anh Vũ Quý - người đầu tiên được biết đến bài hát và Nguyễn Đình Thi - người đầu tiên xướng âm ca khúc, đã vô cùng xúc động. Họ như được tiếp thêm lòng tin và ý chí.

Tôi cũng không ngờ rằng chỉ một thời gian ngắn sau, lần đầu tiên, vào ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, bài hát của tôi đã được hàng

ngàn người hòa nhịp cất cao tiếng hát trước Quang trường Nhà hát Lớn. Bài Tiến quân ca đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi. Ở cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng đã thay băng vàng của chính phủ Trần Trọng Kim. Trong một lúc, những tờ truyền đơn in Tiến quân ca được phát cho từng người trong hàng ngũ các công chức dự mít tinh. Tôi đã đứng lẫn vào đám đông quần chúng trước cửa Nhà hát Lớn. Tôi đã nghe giọng hát quen thuộc của bạn tôi, anh Ph. D, qua loa phóng thanh. Anh là người đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát. Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hàng vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên, và cũng là một lần duy nhất.

Lần thứ hai bài hát của tôi được vang lên là trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát Tiến quân ca. Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.

Bài hát Tiến quân ca đã ra đời như thế. Sau đó, bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay. Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc.

SOẠN BÀI 1 TỰ ĐÁNH GIÁ BỐ CỦA XI-MÔNG

CH1. Truyện BỐ của Xi-mông có sự kết hợp phương thức tự sự với phương thức nào?

- A. Biểu cảm
- B. Nghị luận
- C. Thuyết minh
- D. Miêu tả

Trả lời:

- D. Miêu tả

CH2. Người kể trong văn bản BỐ của Xi-mông là ai?

- A. Bác công nhân Phi-líp
- B. Chị Blăng-sốt
- C. Xi-mông
- D. Người kể vắng mặt

Trả lời:

- D. Người kể vắng mặt

CH3. Xi-mông ở trong trạng thái nào khi đuổi bắt con nhái?

- A. Đau khổ đến muốn chết
- B. Rất buồn ngủ và mệt mỏi
- C. Vừa đau buồn lại chột vui
- D. Rất vui thích đuổi bắt con nhái

Trả lời:

- B. Rất buồn ngủ và mệt mỏi

CH4. Phương án nào dưới đây thể hiện đầy đủ nhất tâm trạng của Xi-mông khi em thổ lộ với bác công nhân Phi-líp voiws mong muốn có một ông bố?

- A. Vừa đau khổ, vừa khát khao, hi vọng

- B. Tuyệt vọng vì không có bố
C. Đau khổ vì bị chế giễu, bắt nạt

D. Hi vọng bác Phi-líp nhận lời

Trả lời:

- A. Vừa đau khổ, vừa khát khao, hi vọng

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 5. Phương án nào nêu nhận xét đúng về sự xuất hiện của "ông bố" Phi-líp trong cuộc đời Xi-mông?

- A. Là kết quả của phép màu kì diệu
B. Bất ngờ nhưng hợp lí và cảm động
C. Đã được dự báo từ trước
D. Là tự nhiên, do bác Phi-líp có ý từ lâu

- B. Bất ngờ nhưng hợp lí và cảm động

Câu 6. Theo em, nguyên nhân chính dẫn đến việc lũ trẻ trêu chọc, hành hạ bé Xi-mông là gì?

- A. Vì muốn tạo trò vui
B. Vì thói vô cảm, độc ác
C. Vì định kiến của người lớn
D. Vì thiếu sự hiểu biết, cảm thông

- D. Vì thiếu sự hiểu biết, đồng cảm

Câu 7. Vì sao bác Phi-líp nhận lời làm bố của Xi-mông?

- A. Vì lời đề nghị của Xi-mông quá bất ngờ
B. Vì hoàn cảnh gia đình của thiếu phụ Blăng-sốt
C. Vì cảm thông và muốn giúp đỡ mẹ con Xi-mông
D. Vì bác khỏe mạnh và thường hay giúp đỡ người khác

- C. Vì cảm thông và muốn giúp đỡ mẹ con Xi-mông

Câu 8. Lời nhắn gửi chung nhất của câu chuyện này là gì?

- A. Không nên trêu chọc, giễu cợt Xi-mông
B. Hãy cảm thông, chia sẻ với mẹ con Xi-mông
C. Hãy đối xử nhân hậu với những người thiệt thòi, đau khổ
D. Mong Xi-mông được hạnh phúc và có một ông bố

- C. Hãy đối xử nhân hậu với những người thiệt thòi, đau khổ

Câu 9. Ý nghĩa của yếu tố "nhân" trong hai từ in đậm ở câu sau có giống nhau không? Em hãy giải thích vì sao.

"Một bác công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn em với vẻ nhân hậu."

Ý nghĩa của yếu tố "nhân" trong hai từ in đậm ở câu trên không giống nhau. Vì:

+ "Nhân" trong "công nhân" có nghĩa là người.

+ "Nhân" trong "nhân hậu" có nghĩa là khoan dung, yêu thương, lương thiện.

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em trước sự việc Xi-mông đột ngột đề nghị bác Phi-líp làm bố của mình.

Tác phẩm Bố của Xi-mông là một tác phẩm có giá trị nhân đạo sâu sắc. Xi-mông vốn không biết bố mình là ai, nói cách khác như cách em tự nhận là không có bố. Chính

vì điều này mà Xi-mông bị các bạn trêu chọc, khiến cậu cảm thấy rất buồn và có những ý nghĩ tiêu cực như muốn tự tử. Đằng sau những ý nghĩ tiêu cực đó, là một trái tim đang tổn thương, đang cần được vỗ về, là một trái tim khát khao có được một người bố. Chính bác Phi-líp đã khích lệ Xi-mông. Điều này hẳn đã làm cho Xi-mông cảm nhận được sự ấm áp mà trước nay em hằng ao ước. Xi-mông đột ngột đề nghị bác Phi-líp làm bố của mình vì đó là khát vọng thẳm sâu bên trong của cậu bé khi muốn có một người bố và có một người thực sự rất phù hợp để làm bố cậu. Việc Xi-mông đề nghị bác Phi-líp làm bố của mình cho thấy khát vọng của một cậu bé ngây thơ, bé bỏng, cũng gọi cho người đọc về lối sống nhân ái, bao dung.

BÀI 2: THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

SOẠN BÀI 2 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN MẸ

1. CHUẨN BỊ

CH1. Bài thơ được chia làm mấy khổ? Vần trong bài thơ được gieo như thế nào? Các dòng thơ được ngắt nhịp ra sao?

Trả lời:

- Bài thơ được chia làm 5 khổ.
- Vần trong bài thơ được gieo theo vần chân cách.
- Các dòng thơ được ngắt nhịp: 2/2, 1/3, 1/2/1.

CH2. Bài thơ viết về ai và về điều gì? Ai là người đang bày tỏ cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ trong bài thơ?

Trả lời:

- Bài thơ viết về người mẹ và về điều mẹ đã già khiến người con cảm thấy buồn thương.
- Người đang bày tỏ cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ trong bài thơ là chủ thể trữ tình - tác giả.

CH3. Bài thơ có những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật nào đặc sắc? Tác dụng của chúng là gì?

Trả lời:

- Bài thơ có những từ ngữ đặc sắc như: Câu gần với giời - Mẹ thì gần đất, một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ, Mây bay về xa...
- Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong bài thơ là: So sánh, hoán dụ, nói giảm nói tránh, câu hỏi tu từ.
- Tác dụng của chúng là: Nhằm tăng sức gợi cảm, gợi hình cho diễn đạt, tạo ấn tượng với người đọc về cảm xúc, hình ảnh trong tác phẩm.

CH4. Ngoài bài thơ Lượm của Tố Hữu (đã học ở lớp 6), em còn biết thêm bài thơ bốn chữ nào khác không? Đọc trước bài thơ Mẹ; tìm hiểu thêm về tác giả Đỗ Trung Lai.

Trả lời:

Ngoài bài thơ Lượm của Tố Hữu, em còn biết các bài thơ bốn chữ khác như: Hạt gạo làng ta của Trần Đăng Khoa, Đồng dao mùa xuân của Nguyễn Khoa Điềm

Đôi nét về nhà thơ Đỗ Trung Lai: Đỗ Trung Lai sinh năm 1950 tại xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây, nay là thành phố Hà Nội. Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1991.

Ông Tốt nghiệp khoa Vật lý, Đại học Quốc Gia Hà Nội. Nhà thơ Đỗ Trung Lai từng làm giáo viên trường Văn hoá quân đội, phóng viên rồi Phó trưởng phòng báo Quân đội Nhân dân cuối tuần. Ngoài làm thơ, làm báo, Đỗ Trung Lai còn vẽ tranh. Ông được nhận Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng (1994) với tập thơ "Đêm sông Cầu".

CH5. Mỗi khi nghĩ về mẹ, em thường có cảm xúc gì? Hãy chia sẻ cảm xúc đó với các bạn.

Trả lời:

- Mẹ là người yêu em nhất trên cuộc đời này. Từ bé tới giờ, mẹ luôn là người quan tâm, lo lắng cho em. Đặc biệt, mẹ luôn yêu thương em một cách vô điều kiện. Vì tình yêu mẹ dành cho em nên em cảm thấy rất hạnh phúc và luôn biết ơn cũng như yêu quý, tự hào về mẹ.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Các từ ngữ nói về "mẹ" và "cau" ở khổ 1 và 2 có mối quan hệ với nhau như thế nào về nghĩa?

- Các từ ngữ nói về "mẹ" và "cau" ở khổ 1 và 2 có sự đối lập nhau về nghĩa. Ví dụ như lưng mẹ thì còng - cau thì vẫn thẳng, cau xanh ròn - mẹ đầu bạc trắng hay cau gần với giới - mẹ thì gần đất... Việc sử dụng các từ ngữ đối lập làm cho tác giả nói về việc mẹ đã già yếu nhẹ nhàng hơn.

Câu 2. Dòng 18 dùng để hỏi hay bộc lộ cảm xúc?

- Dòng 18 dùng trong bài thơ là một câu hỏi tu từ. Do đó, nó dùng để bộc lộ cảm xúc chứ không phải để hỏi. Sao mẹ ta già? Vốn dĩ, tác giả biết việc "già" là quy luật tự nhiên, không một ai sống trên đời mà không già đi. Nhưng vì thương mẹ ngày càng già yếu nên nhà thơ đã dùng một câu hỏi tu từ để bộc lộ cảm xúc của mình.

CÂU HỎI

Câu 1. Qua bài thơ Mẹ, chỉ ra đặc điểm của thể thơ bốn chữ ở các yếu tố: số tiếng và nhịp ở các dòng thơ, vần của bài thơ.

- Qua bài thơ Mẹ, chỉ ra đặc điểm của thể thơ bốn chữ là: Mỗi bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng có bốn chữ. Cách ngắt nhịp tự do, có thể là nhịp 2/2, 1/3 hoặc 3/1. Cách gieo vần cũng tự do.

Câu 2. Bài thơ Mẹ là lời của ai, bộc lộ cảm xúc gì? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ.

Bài thơ Mẹ là lời của tác giả. Bài thơ bộc lộ những tình cảm của tác giả đối với mẹ của mình. Đặc biệt, bài thơ thể hiện được tình yêu thương và sự xót xa của tác giả đối với mẹ, nhất là khi mẹ ngày càng già đi.

Cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ: Bài thơ đã cho ta thấy thời gian tác động đến con người nhiều như thế nào. Con người với quy luật ngày càng lớn lên, càng già đi và sẽ có một ngày đi về với đất mẹ, để lại trên cuộc đời những người thân yêu, ruột thịt.

Do đó, khi chúng ta vẫn còn sống, còn nhìn thấy nhau thì hãy yêu thương và trân quý nhau nhiều hơn.

Câu 3. Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về "mẹ" và "cau" trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng "mẹ" và "cau", tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

Mẹ	Cau
Còng/ bạc trắng/ngày một thấp/	Thẳng/xanh rờn/ngày càng cao

=> Để thể hiện hình tượng "mẹ" và "cau", tác giả sử dụng những biện pháp tu từ: so sánh và đối lập. Nó có tác dụng làm nổi bật sự già yếu của mẹ, tạo ấn tượng với người đọc về hình ảnh, cảm xúc trong bài thơ.

Câu 4. Chỉ ra và phân tích các câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ. Em hiểu nội dung của hai dòng thơ cuối bài như thế nào?

Những câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ:

+ Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

- Phân tích: 2 câu thơ đầu trong khổ thơ, tác giả sử dụng hình ảnh miếng cau khô thiếu sức sống để so sánh với người mẹ đã già yếu theo thời gian. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc thương xót mẹ trong các câu thơ tiếp theo.

+ Ngẩng hỏi trời vậy

Sao mẹ ta già?

- Phân tích: Từ tình thương yêu tác giả dành cho mẹ, người con không đành lòng và không thể chấp nhận được sự thật là mẹ đã già vậy lên muốn gào thét lên, muốn phản kháng lại quy luật của tự nhiên.

- Em hiểu nội dung của hai dòng thơ cuối bài:

Không một lời đáp

Mây bay về xa

Quy luật sinh, lão, bệnh, tử là quy luật của tự nhiên không thể thay đổi. Hình ảnh Mây bay về xa cũng giống như một ngày nào đó người mẹ sẽ rời xa người con để đi về một phương xa khác. Điều này làm cho câu thơ và cả bài thơ mang một nỗi buồn man mác.

Câu 5. Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để khắc họa hình tượng người mẹ, em thích nhất hình ảnh nào? Tại sao?

Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để khắc họa hình tượng người mẹ, em thích nhất hình ảnh "Mẹ - đầu bạc trắng". Tại vì nó gợi cho em nhớ đến hình ảnh những bà tiên hiền lành trong các câu chuyện cổ tích luôn luôn giúp đỡ những người yếu thế. Mẹ - cũng chính là bà tiên đáng quý, đáng yêu trong chuyện cổ tích.

Câu 6. Quan sát ông bà của mình qua năm tháng, em thấy ông bà ngày càng già đi, tóc ngày càng thêm bạc, sức khỏe ngày càng yếu hơn, trí nhớ cũng ngày càng kém, tai ngày càng nặng, khó nghe...

Nhận ra những thay đổi này lòng em không khỏi mang nỗi buồn man mác. Em chỉ mong ông bà luôn luôn mạnh khỏe, không yếu không đau, không bệnh không tật để sông vui vẻ cùng con cháu.

SOẠN BÀI 2 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ÔNG ĐỒ**1. CHUẨN BỊ**

CH1. Ngoài bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ (đã học ở lớp 6), em còn biết thêm bài thơ năm chữ nào khác không? Đọc trước bài thơ Ông đồ; tìm hiểu thêm về tác giả Vũ Đình Liên.

Trả lời:

- Ngoài bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ (đã học ở lớp 6), em còn biết thêm bài thơ năm chữ nào khác: Ông đồ (Vũ Đình Liên), Đánh thức trâu (Trần Đăng Khoa), Bắt nạt (Nguyễn Thế Hoàng Linh),...

- Tác giả Vũ Đình Liên (1913 - 1996):

+ Sinh tại Hà Nội, quê gốc ở Hải Dương.

+ Đỗ tú tài năm 1932, từng dạy học ở các trường: trường tư thực Thăng Long, trường Gia Long, trường nữ sinh Hoài Đức để kiếm sống. Ông học thêm trường Luật đồ bằng cử nhân, về sau làm công chức ở Nha Thương chính (còn gọi là sở Đoan) Hà Nội.

+ Năm 1936, ông được biết đến với bài thơ "Ông đồ" đăng trên báo Tinh Hoa.

+ Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người và niềm hoài cổ.

+ Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.

+ Ông đồ là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài Ông đồ, Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào Thơ mới.

CH2. Tìm hiểu thêm về chữ Nho và nghệ thuật viết chữ Nho (thư pháp).

Trả lời:

- Chữ Nho, chính xác hơn là chữ Hán (phồn thể) là chữ có nguồn gốc từ Trung Quốc. Từng là văn tự được sử dụng chung tại các nước như: Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc. Chữ Hán được truyền bá vào Việt Nam với vai trò là văn tự chính thống.

- Nghệ thuật viết chữ Nho (thư pháp):

+ Là nghệ thuật thư pháp lấy chữ Hán làm chất liệu, là một sản phẩm song hành cùng quá trình chữ Hán được truyền bá. Các nước Trung, Nhật, Việt, Triều-Hàn đều từng tồn tại thư pháp chữ Hán.

+ "Thư pháp không phải là việc viết chữ đẹp, nó cũng không sinh ra từ những người chỉ học Hán học, thư pháp và viết đẹp đủ lực thư, mà nó chỉ sinh ra từ danh nhân. Danh nhân dù chữ nghĩa có loạc choạc đôi chút, thì chữ nghĩa cũng có thần thái, có đời sống nhân thế ở đó [...]" (Phan Cẩm Thượng - lời giới thiệu sách Lịch sử thư pháp Việt Nam của Nguyễn Sử)

B. Bài tập và hướng dẫn giải**2. ĐỌC HIỂU**

Câu 1. Xác định vần và nhịp của bài thơ.

- Văn: văn chân cách, văn liền.
- Nhịp thơ: 2/3, 3/2, 1/2/2.

Câu 2. Cảnh và người ở phần đầu bài thơ hiện lên như thế nào?

Cảnh và người ở phần đầu bài thơ hiện lên:

- Cảnh: đông đúc, tấp nập
- Người: ông đồ già, người thuê viết chữ tằm tắc ngợi khen ông đồ

Câu 3. Tài năng viết chữ của ông đồ được thể hiện ở chi tiết nào?

- Tài năng viết chữ của ông đồ được thể hiện ở chi tiết ông được những người thuê viết tằm tắc khen tài: "Hoa tay thảo những nét/ Như phượng múa, rồng bay."

Câu 4. Từ "nhưng" ở dòng 9 có vai trò gì?

- Từ "nhưng" ở dòng 9 có vai trò thay đổi nội dung biểu hiện trong bài thơ, cho thấy sự đối lập cảnh và người ở phần đầu với phần sau của bài thơ.

Câu 5. Các hình ảnh ở khổ thơ cuối có gì khác so với khổ thơ đầu?

Khổ thơ đầu

Khổ thơ cuối

Mỗi năm Tết đến đều thấy ông đồ

Năm nay Tết đến không thấy ông đồ

CÂU HỎI

Câu 1. Bài thơ Ông đồ viết về ai và về việc gì? Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ? Đó là cảm xúc, suy nghĩ gì?

- Bài thơ Ông đồ viết về ông đồ già và việc xin chữ đầu năm.
- Chủ thể trữ tình là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ. Cảm xúc, suy nghĩ đó là cảm xúc tiếc, thương cảm và hoài niệm.

Câu 2. Nội dung bài thơ được trình bày theo trình tự nào? Cách trình bày ấy có tác dụng gì?

- Nội dung bài thơ được trình bày theo trình tự thời gian. Cách trình bày ấy có tác dụng khiến người đọc dễ dàng nắm được mạch tuyến tính của văn bản.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích sự khác nhau của hình ảnh ông đồ ở các khổ thơ 1, 2 so với các khổ thơ 3, 4. Sự khác nhau ấy nói lên điều gì?

Hình ảnh ông đồ ở khổ thơ 1, 2

Hình ảnh ông đồ ở khổ thơ 3, 4

- Bày mực tàu, giấy đỏ bên phố đông người qua

- Vẫn bày mực tàu, giấy đỏ bên phố đông người qua không ai để ý, đoái hoài

- Được nhiều người thuê viết và được họ tằm tắc khen tài

- Không ai thuê viết chữ, chỉ có lá vàng trên giấy mưa bụi

=> Sự khác nhau giữa hình ảnh ông đồ ở các khổ thơ 1, 2 so với các khổ thơ 3, 4 nói lên sự thay đổi của xã hội đối với việc xin chữ đầu năm, rộng lớn hơn là sự chuyển mình của xã hội cùng với sự thờ ơ những giá trị đẹp đẽ của rất nhiều lớp người "muôn năm cũ".

Câu 4. Trong bài thơ, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của những biện pháp đó.

- Trong bài thơ, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ:

+ Nhân hóa: "Giấy đỏ buồn không thấm/ Mực đọng trong nghiên sầu".

→ Tác dụng:

- mực và nghiên trở nên có tri giác, có hồn, cũng biết sầu
- mực và nghiên có hồn, trở thành vật đại diện cho nghệ thuật thư pháp, có hệ thống quy tắc, lịch sử rõ ràng, có những tinh túy, vẻ đẹp riêng
- tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt, cho thấy việc lãng quên những giá trị truyền thống không chỉ khiến văn hóa mai một, làm buồn lòng những thế hệ trước mà đến cả những vật tưởng như vô tri, vô giác cũng phải buồn.

+ Câu hỏi tu từ:

- "Người thuê viết nay đâu?"
- "Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?"

→ Tác dụng:

- thể hiện sự chê trách những người đã bỏ quên giá trị xưa cũ
- khơi gợi cảm nhận và suy nghĩ trong lòng người đọc về những giá trị xưa cũ đang bị lãng quên

Câu 5. Nêu cảm nhận của em về các câu thơ sau:

- Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu...
- Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Theo em, những câu thơ đó tả cảnh hay tả tình? Vì sao?

Các câu thơ:

- Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu...
- Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

đều cho thấy nỗi buồn của cảnh vật. Đó là cảnh khiến con người cảm thấy cô đơn. Các câu thơ trên chỉ tả cảnh, không hề có một chữ nào nói đến hình ảnh con người. Nhưng cách tả cảnh này đã cho thấy được tâm trạng của ông đồ trong bức tranh xuân ấy, đồng thời cho thấy được tình cảm, tâm trạng của tác giả Vũ Đình Liên khi nhìn thấy những giá trị truyền thống đang bị mai một. Có thể nói nghệ thuật trong các câu thơ trên chính là tả cảnh ngụ tình.

Như vậy, các câu thơ trên là các câu thơ tả cảnh ngụ tình.

Câu 6. Qua bài thơ Ông đồ, em hiểu gì về tục "xin chữ" mỗi dịp Tết đến, xuân về? Nếu vẽ minh họa cho bài thơ, em sẽ vẽ hình ảnh nào?

- Tục xin chữ đầu năm thể hiện việc coi trọng chữ nghĩa, tri thức. Xin chữ với hi vọng may mắn, bình an,...
 - Nếu vẽ minh họa cho bài thơ, em sẽ chọn vẽ một trong các hình ảnh:
- + Ông đồ ngồi một mình trên phố đông người qua, giữa tiết trời mưa phùn, nhớ lại kỉ niệm về người người đi xin chữ.
- + Hình ảnh năm mới, mọi người vẫn tấp nập nhưng có một sạp viết chữ để trống.

SOẠN BÀI 2 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 48)

CH1. Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì.

Trả lời:

- Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa:

- Lung mẹ còng đối lập với cau vẫn thẳng
- Cau - ngọn xanh rờn đối lập với mẹ - đầu bạc trắng
- Cau ngày càng cao đối lập với mẹ ngày một thấp
- Cau gần với trời đối lập với mẹ thì gần đất

=> Tác dụng của cách bố trí như vậy cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi. Cách bố trí này làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ, cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi, đồng thời khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc.

CH2. Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

(Đỗ Trung Lai)

Trả lời:

Trong khổ thơ "Một miếng... được lệ", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để miêu tả hình ảnh người mẹ. Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn". Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy buồn, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Câu hỏi "Sao mẹ ta già?" trong bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai) có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện tình cảm của tác giả?

- Câu hỏi "Sao mẹ ta già?" trong bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai) là một câu hỏi tu từ mang ý trách cứ cùng khát vọng mẹ được trẻ mãi, sống bên cạnh chủ thể trữ tình.

Tuy nhiên, ý trách cứ ở đây có nhiều hơn khát vọng mẹ được trẻ mãi. Ý trách cứ này trong câu hỏi bề ngoài có sự gai góc khi dám xưng với giới là "ta". "Ta" ở đây không

chỉ là ngôi thứ nhất, chỉ bản thân người nói, mà còn là một sự khẳng định mang tính tự tôn. "Ta" thể hiện cho người khác biết cần có sự tôn trọng. Ấy vậy mà sự tôn trọng mong có được ấy đổi lại vẫn là mẹ phải già đi. Ẩn đằng sau sự gai góc trong câu thơ là một nỗi buồn, sự xúc động. Cái gai góc của chữ "ta" tưởng che đậy được nỗi buồn, nhưng lại càng làm cho nỗi buồn trở nên nổi bật, càng cho thấy được tình cảm mà chủ thể trữ tình dành cho mẹ. Vì thương mẹ mà buồn, mà trách cứ ông giời dù cho ai chẳng biết sinh, lão, bệnh, tử vốn là lẽ thường của đời người.

Câu 2. Tìm các câu hỏi trong bài thơ Ông đồ (Vũ Đình Liên). Tác giả sử dụng những câu hỏi đó để biểu đạt điều gì?

- Các câu hỏi trong bài thơ Ông đồ (Vũ Đình Liên):

- "Người thuê viết nay đâu?"
- "Những người muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?"

=> Các câu hỏi trong bài thơ Ông đồ (Vũ Đình Liên) đều là câu hỏi tu từ được tác giả sử dụng để nhấn mạnh sự phai nhạt của lòng người đối với tục xin chữ đầu năm đồng thời thể hiện cảm xúc xót xa cho giá trị của những thế hệ đi trước không còn chỗ trong đời sống đương thời. Việc sử dụng câu hỏi tu từ còn làm khơi gợi cảm xúc và suy nghĩ trong lòng người đọc về những giá trị truyền thống, về hồn cốt, tinh thần của "những người muôn năm cũ", là một cách để khẳng định ngầm những giá trị và hy vọng xã hội sẽ biết trân trọng, gìn giữ, phát huy những giá trị đó.

SOẠN BÀI 2 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU TIẾNG GÀ TRƯA

1. CHUẨN BỊ

- Đọc trước bài thơ Tiếng gà trưa; tìm hiểu thêm về tác giả Xuân Quỳnh.
- Chia sẻ cùng bạn bè về kỉ niệm với những người thân trong gia đình mà em nhớ nhất.

Trả lời:

Xuân Quỳnh (1942 - 1988) quê ở làng La Khê, ven thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam. Thơ Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị trong đời sống gia đình và cuộc sống thường ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đậm thắm. Năm 2001, Xuân Quỳnh được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Bài Tiếng gà trưa được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, in lần đầu trong tập thơ Hoa dọc chiến hào (1968) của Xuân Quỳnh.

Chia sẻ cùng bạn bè về kỉ niệm với những người thân trong gia đình mà em nhớ nhất: Em nhớ nhất nhất là hè năm lớp 3, em được mẹ cho về quê thăm ông ngoại. Em về quê, chơi với ông, và các chị hàng xóm. Em được xem bể cá của ông, được chơi trò chơi Chiếc nón kì diệu cùng ông.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Đọc lướt bài thơ, chỉ ra dòng nào không phải năm chữ. Số dòng trong mỗi khổ có giống nhau không?

- Dòng thơ không phải năm chữ: "Tiếng gà trưa".
- Số dòng trong mỗi khổ không giống nhau.

Câu 2. Xác định vần và nhịp của bài thơ.

Vần và nhịp của bài thơ:

- Vần: vần hỗn hợp.
- Nhịp: 1/4, 2/3, 3/2.

CÂU HỎI

Câu 1. Cảm xúc nào xuyên suốt bài thơ Tiếng gà trưa? Cảm xúc đó được khơi gợi từ điều gì? Em hiểu người xưng "cháu" trong bài thơ là ai?

- Cảm xúc nào xuyên suốt bài thơ Tiếng gà trưa là sự bồi hồi, xao xuyến.
- Cảm xúc đó được khơi gợi từ tiếng gà trưa nhảy ổ trên đường hành quân xa. Em hiểu người xưng "cháu" trong bài thơ là chiến sĩ chống Mỹ.

Câu 2. Dòng thơ "Tiếng gà trưa" được lặp lại mấy lần trong bài thơ? "Tiếng gà trưa" đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ? Em ấn tượng với hình ảnh hoặc kỉ niệm nào nhất? Vì sao?

Dòng thơ "Tiếng gà trưa" được lặp lại 4 lần trong bài thơ.

"Tiếng gà trưa" đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ:

- Con gà mái mơ với ổ trứng
- Lăn bị bà mắng vì nhìn gà đẻ
- Người bà chắt chiu từng quả trứng, chăm lo quần áo mới cho cháu

=> Em ấn tượng với hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng nhất, vì nó cho thấy sự dành dụm của bà từ những điều giản dị nhất, để cho người cháu có được bộ quần áo mới. Đó chính là tình cảm của người bà dành cho người cháu.

Câu 3. Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết nào? Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về người bà và những tình cảm người cháu dành cho bà?

- Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết:

- Bà mắng cháu vì nhìn gà đẻ trứng
- Tay bà khum soi trứng, chắt chiu từng quả.
- Khi gió mùa đông tới, bà lo đàn gà to vì bà chỉ mong bán được gà cho cháu bộ quần áo mới.

- Qua đó, em có cảm người bà là người yêu thương, chăm lo cho người cháu; người cháu cũng rất yêu thương, mong nhớ bà.

Câu 4. Theo em, vì sao chúng ta luôn nghĩ về những người thân trong gia đình mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn?

Chúng ta luôn nghĩ về những người thân trong gia đình mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn vì:

- Khi xa nhà hoặc gặp khó khăn là lúc chúng ta cần một nơi chốn để nương tựa, động viên tinh thần nhiều nhất.
- Những người thân trong gia đình là những người gần gũi nhất với chúng ta, yêu thương, quan tâm chúng ta nhiều nhất và sẵn sàng hi sinh vì chúng ta.

SOẠN BÀI 2 VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

Hãy viết một đoạn văn bộc lộ cảm xúc của em sau khi đọc một trong các bài thơ: Mẹ (Đỗ Trung Lai), Ông đồ (Vũ Đình Liên), Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh).

Trả lời:

- **Đoạn văn 1: Bộc lộ cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai)**

Bài thơ Mẹ của Đỗ Trung Lai là một bài thơ viết về người mẹ với những hình ảnh đối lập giàu sức biểu cảm. Ở khổ thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp so sánh để chỉ ra sự đối lập giữa hình ảnh "mẹ" và "cau": "Lung mẹ còng ròi/ Cau thì vẫn thẳng", "Cau - ngọn xanh rờn/ Mẹ - đầu bạc trắng". Hai hình ảnh, hai màu sắc trái ngược đã nhấn mạnh và làm nổi bật tâm trạng thẳng thốt cũng như nỗi đau thâm lặng, quặn thắt trong lòng tác giả khi nhận ra mẹ đã già. Các khổ thơ cứ nối tiếp nhau với hai hình ảnh song song là mẹ và cau ấy. Để rồi tiếp theo đó, tác giả miêu tả mẹ gián tiếp bằng cách so sánh: "Một miếng cau khô/ Khô gầy như mẹ". Cách miêu tả này không những gây xúc động mà còn tinh tế và có thể coi là một cách để chủ thể trữ tình lãng tránh khỏi nỗi buồn của chính mình trước hình ảnh mẹ đã già. Cả bài thơ với hai hình ảnh đối sánh là "mẹ" và "cau" đã làm nổi bật hình ảnh người mẹ và tình thương mẹ sâu sắc của nhà thơ.

- **Đoạn văn 2: Bộc lộ cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ Ông đồ (Vũ Đình Liên)**

Bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên là một bài thơ ngũ ngôn bình dị mà cô đọng, đầy gợi cảm. Trong bài thơ, tôi ấn tượng nhất với hình ảnh: "Giấy đỏ buồn không thấm/ Mực đọng trong nghiên sầu". Khi đọc hai câu thơ này, người ta dễ dàng nhận thấy ở đây có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Vì giấy, mực nghiên là những vật vô tri, vô giác giờ đây lại cũng biết buồn. Vậy là những vật dụng liên quan đến thư pháp, liên quan đến một vẻ đẹp truyền thống của ông cha đã trở thành một điều gì đó thiêng liêng, tinh túy, vì chúng có "hồn". Đây có lẽ là một trong những nét nghĩa đầu tiên của hai câu thơ này. Vậy còn nét nghĩa thứ hai? Nếu để ý, ta sẽ thấy hai câu thơ chỉ thuần tả cảnh mà không tả người. Cảnh vật ở đây có hồn, như nhuộm màu tâm trạng. Không có một từ ngữ nào nói về con người và trạng thái tâm lý của họ, nhưng "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"! Chính là vì thế, vì người không vui nên cảnh mới buồn. Nói cách khác, bóc lột nghĩa sử dụng biện pháp nhân hóa, ta sẽ thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Vậy là chỉ hai câu thơ tưởng như đơn giản, mà có tới hai tầng ý nghĩa. Điều đó đã cho thấy sự cô đọng, gợi cảm trong bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên.

- **Đoạn văn 3: Bộc lộ cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ Tiếng gà trưa (Xuân Quỳnh)**

Bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh là một bài thơ nói về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình bà cháu trong bài thơ, nói rộng hơn là tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước. Người cháu ra đi chiến đấu vì lòng yêu Tổ quốc. "Tổ quốc" là một từ thật thiêng liêng nhưng cũng hết sức trừu tượng. "Tổ quốc" có trong mình "xóm làng thân thuộc". "Tổ quốc" có trong mình những kỉ niệm với bà, giản dị như tiếng gà cục tác. Như vậy, có thể nói "Tổ quốc" thiêng liêng, trừu tượng nhưng cũng thật giản dị, gần gũi. Bài thơ Tiếng gà trưa đã nói về tình cảm và kỉ niệm đẹp

đế của người cháu với bà của mình. Chính vì tình cảm, kỉ niệm đó mà người cháu "chiến đấu hôm nay". Tình cảm đã khiến người ta có sức mạnh để bảo vệ những điều bình dị mà thiêng liêng. Đó là điều được gọi ra trong tôi sau khi đọc bài thơ.

SOẠN BÀI 2 TỰ ĐÁNH GIÁ MỘT MÌNH TRONG MƯA

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
- B. Bốn chữ
- C. Năm chữ
- D. Tự do

Trả lời:

- B. Bốn chữ

Câu 2. Các dòng trong bài thơ chủ yếu được ngắt nhịp như thế nào?

- A. 1/3
- B. 3/1
- C. 2/2
- D. 1/1/2

Trả lời:

- C. 2/2

Câu 3. Cách gieo vần của bài thơ thuộc loại nào?

- A. Vần liền
- B. Vần cách
- C. Vần hỗn hợp
- D. Vần chân

Trả lời:

- C. Vần hỗn hợp

Câu 4. Bài thơ có thể được xếp vào nhóm đề tài nào?

- A. Tình mẹ con
- B. Tình cha con
- C. Tình bà cháu
- D. Tình vợ chồng

Trả lời:

- A. Tình mẹ con

Câu 5. Hình ảnh "cò" trong bài thơ có thể tượng trưng cho ai?

- A. Người mẹ
- B. Người cha
- C. Người vợ
- D. Người chồng

Trả lời:

- A. Người mẹ

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 6. Bài thơ không nhằm nhấn mạnh đặc điểm nào của "cò"?

- A. Vất vả, chịu thương chịu khó
- B. Thương con, hi sinh vì con
- C. Cô đơn, lẻ loi một mình
- D. Đảm đang, tháo vát

- D. Đảm đang, tháo vát

Câu 7. Qua bài thơ, tác giả chủ yếu dành cho "cò" thái độ, tình cảm gì?

- A. Kính trọng, nể phục
- B. Đồng cảm, xót thương
- C. Ngưỡng mộ, ngợi ca
- D. Yêu mến, sẻ chia

- D. Yêu mến, sẻ chia

Câu 8. Biện pháp tu từ nào không có trong bài thơ trên?

- A. Ẩn dụ
- B. Tương phản
- C. So sánh
- D. Điệp cấu trúc

- C. So sánh

Câu 9. Từ nào sau đây là từ ghép?

- A. Lặn đận
- B. Bơ vơ
- C. Khắc khoải
- D. Lặn lội

- D. Lặn lội

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Một mình trong mưa.

Bài thơ Một mình trong mưa là một bài thơ ẩn dụ về hình ảnh người mẹ một mình nuôi con. Bài thơ đã gây xúc động khi đề hình ảnh "cò" đối lập với những hình ảnh thuộc phạm trù thế giới tự nhiên. Nói cách khác, đó là hình ảnh người mẹ phải một mình đối diện với những khó nhọc, vất vả trong cuộc sống. Qua bài thơ, người ta có thể thấy được sự chia sẻ yêu mến và sẻ chia của tác giả với "cò" - người mẹ. Sẽ có đâu đó trong bài thơ là sự đồng cảm, xót thương. Tuy nhiên với hai câu thơ: "Cò đừng mỏi cánh/ Cố về với con" thì bài thơ thực sự là lời động viên, yêu mến và chia sẻ.

BÀI 3: TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG

SOẠN BÀI 3 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN BẠCH TUỘC

1. Chuẩn bị

- Tác giả viết về ai, về sự kiện (đề tài) gì?
- Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?

Trả lời:

- Tác giả viết về trận chiến giữa người trên tàu No-ti-lót và những con bạch tuộc.

- Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời: Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.

B. Bài tập và hướng dẫn giải**2. Đọc hiểu**

Câu 1. Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích?

- Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích:

+ Dựa vào những hiểu biết và thành tựu khoa học:

- Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm
- Bạch tuộc đã được phát hiện

+ Không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên:

- Cuộc thám hiểm bằng tàu ngầm mà không phải bằng một phương tiện thần kì
- Giao chiến với bạch tuộc bằng vũ khí và sức lực của con người, không có sự trợ giúp của thần linh

Câu 2. Từ nhan đề Bạch tuộc, em hãy dự đoán nội dung chính của văn bản.

- Từ nhan đề Bạch tuộc, em dự đoán nội dung chính của văn bản sẽ có liên quan đến con bạch tuộc. Đó có thể là trận chiến với bạch tuộc, hoặc là sự phát hiện ra loài bạch tuộc,...

Câu 3. Lời kể của nhân vật "tôi" ở đây có tác dụng gì?

- Lời kể của nhân vật "tôi" ở đây có tác dụng giới thiệu về con bạch tuộc.

Câu 4. Chuyện gì xảy ra với con tàu?

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.

Câu 5. Cuộc giáp chiến kết thúc thế nào?

- Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu.

Câu 6. Tại sao mất Nê-mô ưả lệ?

- Mất Nê-mô ưả lệ vì một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi.

CÂU HỎI

Câu 1. Đoạn trích Bạch tuộc kể lại sự kiện gì? Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống nào?

- Đoạn trích Bạch tuộc kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lốt với những con bạch tuộc.
- Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.

Câu 2. Nêu ra một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.

Một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.
- Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn.
- Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.

Câu 3. Những chi tiết nào trong đoạn trích Bạch tuộc cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu khoa học?

Những chi tiết nào trong đoạn trích Bạch tuộc cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu khoa học:

- Đi biển bằng tàu ngầm.
- Đèn trên boong tàu phát sáng.

Câu 4. Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong văn bản như thế nào?

- Mọi người dùng rìu và dao nhọn để chiến đấu với bạch tuộc.
- Khi một thủy thủ bị bạch tuộc quấn, mọi người đã lao vào chặt các vòi của nó.
- Nê-mô cứu thoát Nét Len trong gang tấc. Giáo sư A-rôn-nác cũng lao vào cứu Nét Len.
- Nê-mô úa lè khi thủy thủ bị bạch tuộc quấn mãi mãi ở dưới lòng đại dương.

Câu 5. Nhân vật nào trong đoạn trích Bạch tuộc để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (khoảng 4 - 5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này.

- Nhân vật nào trong đoạn trích Bạch tuộc để lại cho em nhiều ấn tượng nhất là nhân vật giáo sư A-rôn-nác.
- Miêu tả chân dung nhân vật này: Trong tưởng tượng của em, giáo sư A-rôn-nác là một người uyên bác. Ông có một bộ râu quai nón cùng mái tóc xoắn đẹp đẽ. Người ông hơi mập mạp. Ông đeo kính, hay đọc sách, ghi chép những điều mình suy nghĩ và khám phá được. Ông cũng rất thân thiện, cởi mở với mọi người. Dựa vào hiểu biết của mình, ông đã giảng giải nhiều kiến thức cho người khác.

Câu 6. Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?

- Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống cần phải hiểu được khó khăn, thử thách, phải dũng cảm đối đầu và sẽ nhờ cậy người khác khi thực sự cần sự trợ giúp.

Câu 1. Đại tá có tin vào ý tưởng của viên trung sĩ không?

- Đại tá không tin vào ý tưởng của viên trung sĩ.

Câu 2. Tại sao đại tá lại khuyên viên trung sĩ đến gặp bác sĩ Mét-thiu?

- Đại tá lại khuyên viên trung sĩ đến gặp bác sĩ Mét-thiu vì đại tá cho rằng những ý tưởng của viên trung sĩ là ảo tưởng, cho rằng viên trung sĩ bị chiến tranh tác động đến tinh thần.

SOẠN BÀI 3 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CHẤT LÀM GI

1. CHUẨN BỊ

Đọc trước truyện ngắn Chất làm gỉ, tìm hiểu thêm các tư liệu về truyện khoa học viễn tưởng và tác giả Ray Brét-bơ-ry - nhà văn Mỹ nổi tiếng về truyện khoa học viễn tưởng,

đã được nhận các giải thưởng O Hen-ry (O Henry) và Ben-gia-min Franh-klin (Benjamin Franklin).

Trả lời:

Rây Brét-bơ-ry (Ray Bradbury) (22/08/1920- 05/06/2012) là một nhà văn, nhà biên kịch người Mỹ nổi tiếng nhất thế kỷ XX.

New York Times gọi Bradbury là "nhà văn chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc đưa khoa học viễn tưởng hiện đại vào dòng văn học chính thống."

Ông có một phát biểu hay: "Yêu và ở lại với tình yêu. Làm những gì bạn yêu thích, đừng làm điều gì khác ngoài nó. Đừng viết vì tiền. Hãy viết vì bạn yêu điều gì đó. Nếu bạn viết vì tiền, bạn sẽ không viết được bất cứ thứ gì đáng đọc." ("Fall in love and stay in love. Do what you love, don't do anything else. Don't write for money. Write because you love to do something. If you write for money, you won't write anything worth reading") (Từ cuộc phỏng vấn với Breandan Dowling năm 2002).

2. ĐỌC HIỂU

- Đại tá muốn làm gì với viên trung sĩ?

- Viên trung sĩ muốn gì?

Trả lời:

- Đại tá muốn chuyển viên trung sĩ đi nơi khác.

Viên trung sĩ muốn sống không có chiến tranh, muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quái vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hố có lấp đầy nhựa đường.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 3.

Viên trung sĩ đã nêu các dự định gì của mình?

Đến lúc này, đại tá có tin những điều viên trung sĩ nói không?

- Viên trung sĩ đã nêu các dự định của mình: Phá hủy các vũ khí chiến tranh bằng chất làm gỉ, đầu tiên là khắp châu Mỹ trong vài ngày, sau đó sẽ sang châu Âu. Trong vòng một tháng, sẽ làm cho cả thế giới tránh được thảm họa chiến tranh.
- Đến lúc này (khi đại tá đưa cho viên trung sĩ phiếu khám bệnh), đại tá vẫn không tin những điều viên trung sĩ nói.

Câu 5. Vì sao người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá?

- Người lính gác không thể làm theo lệnh của đại tá vì khẩu súng của người lính gác đã biến thành vụn sắt gỉ màu vàng.

Câu 6. Kết thúc truyện có gì đặc sắc? Liệu đại tá có làm gì được viên trung sĩ không?

- Kết thúc truyện đặc sắc ở chỗ, đại tá đã không dùng đến vũ khí bằng sắt, thép mà dùng vũ khí bằng gỗ để tóm viên trung sĩ. Đại tá có thể làm gì được viên trung sĩ vì đại tá có sức khỏe và vũ khí gỗ chắc nịch. Đại tá cũng có thể không làm gì được viên trung sĩ vì anh ta đã có sự chuẩn bị từ trước.

CÂU HỎI

Câu 1. Truyện kể về sự kiện gì? Có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?

- Truyện kể về các sự kiện:

- Đại tá muốn điều chuyển viên trung sĩ đến nơi khác.
 - Viên trung sĩ nói về ý tưởng của mình.
 - Ý tưởng của viên trung sĩ được chứng minh và đại tá muốn tiêu diệt viên trung sĩ.
- Truyện có những nhân vật: đại tá, viên trung sĩ, bác sĩ Mét-thiu, người lính gác
- Nhân vật chính trong truyện là viên trung sĩ.
- Câu 2.** Em hiểu "chất làm gỉ" là gì? Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào? Đoạn văn nào trong văn bản Chất làm gỉ nêu lên những kiến thức khoa học liên quan đến ý tưởng ấy?
- Em hiểu "chất làm gỉ" ở đây là chất tạo ra phản ứng khiến cho các loại vũ khí bằng kim loại đều bị gỉ, tan thành bụi.
 - Ý tưởng làm hoen gỉ các vật bằng kim loại của viên trung sĩ dựa trên cơ sở cấu trúc của các nguyên tử xác định.
 - Đoạn văn nào trong văn bản Chất làm gỉ nêu lên những kiến thức khoa học liên quan đến ý tưởng ấy: "- Không, tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy ... tôi có thể bắt nó tan vụn ra thành bụi ngay".
- Câu 3.** Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở những đoạn văn nào?
- Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của chất làm gỉ được tác giả thể hiện rõ ở những đoạn văn:
- "- Tôi muốn sống không có chiến tranh... như vậy đó".
 - "- Không, tôi nói hoàn toàn ... thành bụi ngay".
 - "Ông sờ các túi áo... những chiếc lớp cao su lăn đi một cách vô định trên mặt đường".
- Câu 4.** Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa gì?
- Ý tưởng dùng chất làm gỉ để vô hiệu hóa tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa nhân văn, muốn cho thế giới không có chiến tranh, tránh được các thảm họa do chiến tranh gây ra.
- Câu 5.** Hãy nêu nhận xét của em về tính cách nhân vật đại tá trong truyện ngắn.
- Tính cách nhân vật đại tá trong truyện ngắn: thiếu tin tưởng người khác, thiếu sự đồng cảm, lắng nghe, có sự kích động
- Câu 6.** Truyện thể hiện ước mơ gì của người viết? Điều đó còn có ý nghĩa với xã hội hiện nay không? Vì sao?
- Truyện thể hiện ước mơ của người viết về một thế giới hòa bình và sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Điều đó còn nguyên ý nghĩa với xã hội hiện nay. Vì xã hội hiện nay vẫn cần có sự phát triển của khoa học công nghệ, đồng thời cần gìn giữ được hòa bình.

SOẠN BÀI 3 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 69)

- Câu 1.** Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại nào và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm.
- a) Con vật khủng khiếp quá! (Véc-nơ)

- b) Đứng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong... (Véc-nơ)
 c) Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. (Véc-nơ)
 d) ... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay. (Brét-bơ-ry)

Trả lời:

Câu	Phó từ	Đi kèm loại từ	Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm
a	quá	tính từ	bổ sung mức độ cho từ trung tâm: khủng khiếp.
b	đang	động từ	bổ sung ý nghĩa tiếp diễn cho hành động đỗ của con tàu.
c	lại	động từ	bổ sung ý nghĩa lặp lại cho hành động mọc đuôi của bạch tuộc.
d	đừng	động từ	bổ sung ý nghĩa cầu khiến cho động từ để tâm.

Câu 2. Tìm số từ trong những câu dưới đây. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm. Chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép.

- a) Ở bên phải cửa sổ xuất hiện bảy con bạch tuộc nữa. (Véc-nơ)
 b) Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu. (Véc-nơ)
 c) Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. (Véc-nơ)
 d) ... Căn Háp (Hab) có hệ thống liên lạc phụ thứ hai và thứ ba. (En-di Uya)

Trả lời:

Câu	Số từ	Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung tâm	Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu
a	bảy	bổ sung ý nghĩa số lượng	x
b	hai mươi	bổ sung ý nghĩa số lượng	mười → mười
c	mười lăm	bổ sung ý nghĩa số lượng	năm → lăm
d	hai, ba	bổ sung ý nghĩa thứ tự	x

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 3. Các tổ hợp "số từ + danh từ" in đậm trong những câu dưới đây giúp em hình dung về loài bạch tuộc như thế nào?

- a) Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. (Véc-nơ)
 b) Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. (Véc-nơ)
 c) Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. (Véc-nơ)
 a) Số lượng và kích thước của con bạch tuộc. (Số lượng: một con; kích thước: tám mét)
 b) Số lượng khối thịt và cân nặng của con bạch tuộc. (Số lượng khối thịt: một; cân nặng: hai mươi, hai lăm tấn).
 c) Số lượng vòi của bạch tuộc. (Bạch tuộc có tám vòi, trong đó có bảy vòi đã bị chặt đứt).

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Bạch tuộc, trong đó có sử dụng phó từ và số từ. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm trong đoạn văn đó.

Sau khi học xong văn bản Bạch tuộc, tôi cảm thấy trí tưởng tượng của con người thực là phong phú. Ở thời điểm tác phẩm ra đời, tàu ngầm vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm sơ khai và chúng ta mới chỉ biết sơ qua về loài bạch tuộc. Thế nhưng Véc-nơ, tác giả của Hai vạn dặm dưới đáy biển đã đưa vào tác phẩm của mình những tưởng tượng phong phú đi trước thời gian. Những tưởng tượng đó đã khiến tôi khâm phục sự sáng tạo của con người.

- Phó từ: đang
- Số từ: hai vạn
- Nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm: bổ sung ý nghĩa số lượng của chiều sâu dưới đáy biển.

SOẠN BÀI 3 VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích "Bạch tuộc: (Véc-nơ) đã học.

Trong đoạn trích Bạch tuộc, em ấn tượng nhất là thuyền trưởng Nê-mô, một người vừa có vẻ đẹp của thể lực lẫn tinh thần.

Thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích Bạch tuộc hiện lên là một người sẵn sàng chiến đấu với lũ bạch tuộc, nói cách khác, ông là một người quyết đoán, gan dạ. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với những con bạch tuộc bằng rìu và đã chém đứt các vòi của chúng. Khi Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, giáo sư A-rôn-nác đã lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước giáo sư. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật, và thế là Nét thoát chết trong gang tấc. Ở chi tiết này, có thể thấy sức mạnh cùng sự nhanh nhẹn của một thuyền trưởng. Phải có sức khỏe về thể chất, Nê-mô mới có thể sẵn sàng chiến đấu với lũ "quái vật" này và có những hành động vô cùng nhanh như vậy.

Nê-mô không chỉ là một người có vẻ đẹp về thể lực mà còn có cả vẻ đẹp về tinh thần. Vì sao ông phải chiến đấu với lũ bạch tuộc? Đó không chỉ còn là vì lũ bạch tuộc khiến con tàu No-ti-lôt không đi được mà còn vì những con người trên chiếc tàu ấy. Nếu không chiến đấu với lũ bạch tuộc, sẽ không có cơ hội nào để cứu người thủy thủ kia, không có cơ hội nào để cứu Nét Len. Việc Nê-mô chặt đứt vòi bạch tuộc hay rìu của ông cắm phập vào mồm quái vật vừa cho thấy sức mạnh thể chất của ông, nhưng cũng nói lên sự giận dữ của ông với lũ "quái vật" dám động vào những người trên tàu. Nói cách khác, đó là tình cảm giữa người với người, tình cảm của những người đã thân thiết dành cho nhau. Tôi nhớ nhất là chi tiết mắt Nê-mô ứa lệ khi nghĩ về "biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình". Tôi ấn tượng bởi đó là sự xúc động của một con người dành cho một con người, của người có quê hương dành cho đồng hương của mình, của một thuyền trưởng dành cho thuyền viên. Tôi còn ấn tượng bởi ông không khóc nức nở,

không khóc thành tiếng hay một sự xúc động thái quá. Ở đây, Nê-mô chỉ "ứa nước mắt", những giọt nước mắt của ông cứ trào ra, ông không hề kêu lên hay cố tình thể hiện mà nó là cảm xúc chất chứa đến hồi bộc phát. Chi tiết này là một chi tiết đắt giá nói lên vẻ đẹp tinh thần của Nê-mô.

Nhân vật Nê-mô với sự gan dạ, quyết đoán và tình thương người đã để lại trong tôi sự cảm phục và ngưỡng mộ. Ông cũng cho tôi hiểu về sức mạnh của con người, sức mạnh của tinh thần đồng đội. Chính Nê-mô đã cho tôi biết cách cần phải rèn luyện bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần.

SOẠN BÀI 3 TỰ ĐÁNH GIÁ MỘT TRĂM DẶM DƯỚI MẶT ĐẤT

Câu 1. Nội dung chính của đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?

- A. Kể lại những câu chuyện phiêu lưu và thám hiểm miệng núi lửa
- B. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất
- C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ
- D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái Đất

Trả lời:

- C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích Một trăm dặm dưới mặt đất là gì?

- A. Kể lại câu chuyện A-xen bị tai nạn, rơi vào một chiếc hang rộng vô cùng
- B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất
- C. Kể lại việc vì sao cậu bé A-xen lại bị rơi vào chiếc hang rộng vô cùng
- D. Kể lại cảnh cậu bé A-xen khám phá ra bí mật của vùng biển Lin-đen-brốc

Trả lời:

- B. Kể lại câu chuyện vị giáo sư đã khám phá ra chiếc hang trong lòng đất

Câu 3. Không gian trong đoạn trích là không gian nào?

- A. Trong hang và trên mặt đất
- B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ
- C. Bãi biển và bầu trời
- D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

Trả lời:

- B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ

Câu 4. Vì sao biển ngầm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?

- A. Tên biển đã có từ thời xa xưa
- B. Do người dân địa phương đặt từ lâu
- C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó
- D. Lấy tên từ một truyền thuyết về biển cả

Trả lời:

- C. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó

Câu 5. Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả cảnh nào?

- A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông
- B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng

C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn

D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương

Trả lời:

- A. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 6. Phương án nào nêu nhận xét đúng về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

- A. Sử dụng nhiều chi tiết thần kì, hoang đường, không có thực
- B. Sử dụng nhiều cảnh tượng mang yếu tố thần linh, siêu nhiên
- C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học
- D. Tạo ra tình huống li kì chỉ có trong truyện thần thoại, truyền thuyết

- C. Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học

Câu 7. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?

- A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.
- B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngẩn nhìn, ngẩn nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!
- C. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!
- D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

- A. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

Câu 8. Câu nào sau đây chứa số từ?

- A. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!
- B. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngẩn nhìn, ngẩn nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!
- C. ... Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!
- D. Không lẽ cháu bị điên vì cháy thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

- C. Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!

Câu 9. Câu văn "Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động." đã sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

B. So sánh

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trả lời câu hỏi: Vì sao cuối đoạn trích, nhân vật "tôi" lại "ngẩn nhìn, ngẩn nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!"?

Phần cuối đoạn trích Một trăm dặm dưới mặt đất, nhân vật "tôi" đã "ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi!". Sự ngắm nhìn, ngắm nghĩ có chút sùng sốt và kinh hãi ấy là do vẻ đẹp trong lòng hang dưới mặt đất quá sức tưởng tượng của nhân vật "tôi". Vẻ đẹp thiên nhiên dưới lòng đất đẹp đến nỗi trí tưởng tượng của nhân vật "tôi" hoàn toàn bất lực, và "tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người". Cái ngớ ngàng, sùng sốt của nhân vật tôi chắc chắn là do nhìn thấy cảnh đẹp ngoài sức tưởng tượng; và có lẽ trong lòng anh cũng đang reo lên những cảm xúc lẫn lộn về sự kì vĩ của tạo hóa.

BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

SOẠN BÀI 4 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN "ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM"

1. CHUẨN BỊ

Câu 1:

- Văn bản viết về vấn đề gì? Nhan đề văn bản thể hiện vấn đề ấy như thế nào?
- Mục đích của văn bản là gì?

Trả lời:

- Văn bản viết về thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam. Nhan đề văn bản đã nêu rõ vấn đề được thể hiện trong văn bản.
- Mục đích của văn bản là cho thấy đặc điểm của thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam.

Câu 2.

- Các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?
- Đọc trước văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam", tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn Bùi Hồng.

Trả lời:

- Các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản: bằng chứng để chứng minh cho lí lẽ; lí lẽ để chứng minh cho ý kiến.
- Thông tin về nhà văn Bùi Hồng:
 - + Bùi Văn Hồng (05/12/1931), quê ở Phù Việt, Thạch Hà, Hà Tĩnh.
 - + Tham gia công tác Đoàn từ 8/1945; công tác tuyên huấn, tổ chức Đảng ở quê từ 1948.
 - + Bắt đầu viết và in các truyện ký, phê bình sách từ 1951.
 - + Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp ngành Văn. Từng làm Trưởng ban và Tổng biên tập NXB Kim Đồng.
 - + Tác phẩm chính: Trên đất Cẩm Bình (truyện ký, 1968); Cá rôn ron không vâng lời mẹ (truyện đồng thoại, 1969); Hoa trái đầu mùa (phê bình tiểu luận, 1987); Mười năm ghi nhận (phê bình tiểu luận, 1997); Cô gái bú sữa bình (truyện ký, 2001); Hương cây - mỗi tình đầu của tôi (truyện ngắn - 2002); Từ mục đồng đến Kim Đồng (tức Mười năm ghi nhận, có bổ sung, 2002); Mai đây đi hết con đường... (chân dung và hồi ức, 2007)
 - + Giải thưởng văn học: Tặng thưởng của Ủy ban Thiếu niên nhi đồng và Hội Nhà văn Việt Nam cho tập Trên đất Cẩm Bình (truyện ký, 1968).

B. Bài tập và hướng dẫn giải**2. ĐỌC HIỂU**

- Phần (1) nêu khái quát đặc điểm gì của truyện Đất rừng phương Nam?
- Mở đầu phần (2), tác giả cho biết nhà văn Đoàn Giỏi có điểm mạnh gì?
 - Phần (1) nêu khái quát đặc điểm hình thức của truyện Đất rừng phương Nam: kết cấu chương hồi truyền thống, dễ đọc, dễ hiểu, hợp với đại chúng trẻ em.
 - Mở đầu phần (2), tác giả cho biết nhà văn Đoàn Giỏi có điểm mạnh: viết văn dựa trên vốn sống phong phú khiến người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Câu 1.

- Phân biệt lí lẽ và bằng chứng của người viết.
- Những dòng chữ in nghiêng ở đoạn này (cuối đoạn 2) này lấy từ tác phẩm của ai?
- Phân biệt lí lẽ và bằng chứng của người viết:
 - Lí lẽ: "Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm nười đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác".
 - Bằng chứng: "ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc xuồng tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi".
- Những dòng chữ in nghiêng ở đoạn này (cuối đoạn 2) này lấy từ tác phẩm của Đoàn Giỏi.

Câu 2.

- Phân biệt lí lẽ và bằng chứng của người viết.
- Những dòng chữ in nghiêng ở đoạn này (cuối đoạn 2) này lấy từ tác phẩm của ai?
- Phân biệt lí lẽ và bằng chứng của người viết:
 - Lí lẽ: "Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm nười đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác".
 - Bằng chứng: "ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc xuồng tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi".
- Những dòng chữ in nghiêng ở đoạn này (cuối đoạn 2) này lấy từ tác phẩm của Đoàn Giỏi.

Câu 3.

- Câu mở đầu phần (3) cho biết nội dung chính của phần này là gì?
- Những nhân vật nào được nhắc tới trong phần (3)?
- Câu nào nêu đánh giá chung về truyện Đất rừng phương Nam?
 - Câu mở đầu phần (3) cho biết nội dung chính của phần này là nói về con người Nam Bộ trong Đất rừng phương Nam.
 - Những nhân vật được nhắc tới trong phần (3): dì Tư Béo, lão Ba Ngủ, ông Hai, chú Võ Tòng, An, vợ ông Hai, vợ chú Võ Tòng, địa chủ.
 - Câu nêu đánh giá chung về truyện Đất rừng phương Nam: "Có thể nói, Đất rừng phương Nam đã nói được cái tinh túy của hồn đất, hồn người một vùng châu thổ Cửu Long Giang."

CÂU HỎI

Câu 1. Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" bàn luận về vấn đề gì? Nhan đề của văn bản có liên quan như thế nào với vấn đề ấy?

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ CẢNH ĐIỀU

- Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" bàn luận về vấn đề thiên nhiên và con người trong "Đất rừng phương Nam".
- Nhan đề của văn bản đã nêu rõ vấn đề ấy.

Câu 2. Hãy dẫn ra một số ví dụ về lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết. Tham khảo mẫu sau:

Lí lẽ	Bằng chứng (dẫn chứng)
Mẫu: Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác	Mẫu: ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi.

Lí lẽ	Bằng chứng (dẫn chứng)
- "Cùng với thiên nhiên được Đoàn Giỏi vẽ với những màu sắc lộng lẫy, cuộn cuộn, tràn trề sức sống là những con người Nam Bộ với những nét sắc sảo lạ lùng." - "loại tiểu thuyết Tàu vốn rất được phổ cập ở Nam Bộ. Hình thức mà cũng là nội dung".	- "Ông không nhiều lời, đôi khi chỉ vài ba nét: những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền tham đen, căng phồng, bóng mỡ của di Tư Bé; cái áo vắt vai và những câu đôi thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngủ". - "Bởi phương Nam mới khai phá, đất hoang, rừng rậm, chim trời cá nước mênh mông, làm sao người nông dân lại chịu cảnh như anh Pha, chị Dậu,... Họ có nhiều tự do hơn, trước kẻ thù (hai chân và bốn chân), họ chống trả quyết liệt. Với bạn bè giai cấp, họ gắn bó thủy chung. Họ hào hiệp, phóng khoáng kiểu Lương Sơn Bạc."

Câu 3. Trong phần (3), tác giả đã so sánh hai nhân vật: ông Hai bán rần và chú Võ Tòng. Dựa vào bài viết, em hãy chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật này.

	Ông Hai	Chú Võ Tòng
Giống	- Điều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ. - Điều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ. - Điều đánh trả và bị tù.	
Khác	- Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh. - Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rần, lấy mật, săn cá sấu,... - Gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như	- Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ. - Làm nghề săn bẫy thú. - Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo

	người trẻ, chỉ ở đôi khoe mắt và trên vàng trán cao là có xếp mấy đường nhăn	dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cạp cào...
--	--	--

Câu 4. Theo em, mục đích chính của văn bản nghị luận trên là gì? Nội dung của các phần trong văn bản đã làm rõ được mục đích ấy như thế nào?

- Mục đích chính của văn bản nghị luận trên là cho thấy đặc điểm của thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam.

- Mỗi phần trong văn bản đã làm rõ từng ý của mục đích:

+ Phần (1): Nêu khái quát đặc điểm nghệ thuật của truyện Đất rừng phương Nam.

+ Phần (2): Nêu đặc điểm thiên nhiên trong truyện Đất rừng phương Nam.

+ Phần (3): Nêu đặc điểm con người trong truyện Đất rừng phương Nam.

Câu 5. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1?

Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nội dung và mục đích của cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Hai và chú Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1.

Câu 6. Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?

Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Cụ thể: Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã cho em hiểu thêm về đặc điểm thiên nhiên và tính cách con người Nam Bộ vùng châu thổ Cửu Long Giang.

SOẠN BÀI 4 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỀ ĐẸP CỦA BÀI THƠ "TIẾNG GÀ TRƯA" **ĐỌC HIỂU**

CH 1. Yếu tố hình thức nào của khổ thơ (khổ 1) được tác giả chú ý?

Trả lời:

- Yếu tố hình thức của khổ thơ 1 được tác giả chú ý là dòng thơ thứ tư có việc lặp âm và dấu chấm lửng mô phỏng sát với tiếng gà.

CH2. Ấn tượng chuyển đổi cảm giác là gì?

Trả lời:

- Ấn tượng chuyển đổi cảm giác là hình thức tu từ dựa trên các đặc tính riêng biệt của sự vật nhất định. Được nhận biết bằng một giác quan khác. Nói cách khác, ấn tượng chuyển đổi cảm giác là dựa trên sự giống nhau về cảm giác, chuyển đổi từ hình thái cảm giác này sang hình thái cảm giác khác.

CH3. Nhịp của đoạn thơ này có gì đặc biệt?

Trả lời:

- Nhịp của đoạn thơ này là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại.

CH4. Vì sao khổ thơ này được tác giả Đinh Trọng Lạc coi là hay nhất, cảm động nhất?

Trả lời:

- Khổ thơ này được tác giả Đinh Trọng Lạc coi là hay nhất, cảm động nhất vì những dòng thơ cuối cùng của khổ thơ này xuất hiện thật bất ngờ, thật cảm động, chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà: "Để cuối năm bán gà/ Cháu được quần áo mới".

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Nội dung chính của văn bản nghị luận Về đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là gì? Nhan đề của văn bản liên quan đến nội dung chính như thế nào?

- Nội dung chính của văn bản nghị luận Về đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là nói về vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa.
- Nhan đề của văn bản liên đã thể hiện rõ nội dung chính của văn bản.

Câu 2. Bài thơ Tiếng gà trưa được tác giả phân tích theo thứ tự nào? Trong mỗi khổ, người viết đã dẫn ra những chi tiết, hình ảnh gì?

Bài thơ Tiếng gà trưa được tác giả phân tích theo thứ tự các khổ thơ. Trong mỗi khổ, người viết đã dẫn ra những chi tiết, hình ảnh:

- Khổ 1: Chi tiết tiếng gà cục tác và hình ảnh không gian nắng trưa.
- Khổ 2: Hình ảnh ổ gà, gà và trứng.
- Khổ 5: Hình ảnh bà lo lắng đàn gà toi khi gió mùa đông tới.
- Khổ cuối: Chi tiết tiếng gà cục tác, chi tiết tiếng gọi bà cảm động.

Câu 3. Hãy dẫn ra một ví dụ về ý kiến, lí lẽ và bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết mà em thấy độc đáo, sâu sắc.

Một ví dụ về ý kiến, lí lẽ và bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết mà em thấy độc đáo, sâu sắc:

- Ý kiến: "Khổ thơ cuối cùng hay nhất, cảm động nhất, nó chứa đựng những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành của tác giả và cũng là của anh chiến sĩ đang trên con đường hành quân".
- Lí lẽ và bằng chứng: "Không nén lại được tình cảm yêu quý và biết ơn đối với bà, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi thật cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động."

Câu 4. Trong văn bản, tác giả rất chú trọng cách phân tích hình thức nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật nội dung của bài thơ. Em hãy dẫn ra một ví dụ trong văn bản để làm rõ điều đó.

Trong văn bản, tác giả rất chú trọng cách phân tích hình thức nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật nội dung của bài thơ. Một số ví dụ trong văn bản để làm rõ điều đó:

- Ở đoạn (1), tác giả phân tích việc lặp âm và dấu chấm lửng trong dòng thơ thứ tư của bài thơ: Cục... cục tác cục ta
- Ở đoạn (2), tác giả phân tích kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng: này; phân tích tác dụng của việc đảo ngữ.
- Ở đoạn (3), tác giả phân tích nhịp điệu của đoạn thơ.
- Ở đoạn (4), tác giả phân tích tiếng gọi Bà ơi và điệp từ Vì.

Câu 5. Mục đích của văn bản Về đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là gì? Các phần trong văn bản đã làm rõ cho mục đích đó như thế nào?

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ Cánh DIỀU

- Mục đích của văn bản Về đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là làm rõ vẻ đẹp (nội dung và hình thức) của bài thơ Tiếng gà trưa.
- Mỗi phần trong văn bản đã làm rõ ẻ đẹp về hình thức và nội dung của từng khổ thơ của bài thơ.

Câu 6. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được gì về bài thơ Tiếng gà trưa đã học ở Bài 2?

- Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nghệ thuật trong bài thơ Tiếng gà trưa đã học ở Bài 2.

SOẠN BÀI 4 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 90)

CH1. Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

a) Đã có lúc, Văn Cao tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. (Ngọc An)

b) Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. (Đinh Trọng Lạc)

Trả lời:

Câu	Vị ngữ là cụm động từ	Động từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ
a	tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên	tưởng	mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên
b	cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ	làm	kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ

CH 2. Tìm vị ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây:

a) Cậu Cơ vẫn nét mặt hàm hàm. (Ngô Tất Tố)

b) Tía nuôi tôi tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía... (Đoàn Giỏi)

Trả lời:

a) nét mặt hàm hàm.

b) tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía...

CH3. Tìm chủ ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi chủ ngữ đó.

a) Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi lại rộng quá khổ, cứ lùng nhùng nhùng làm tôi càng thẹn thùng, khó chịu. (Đoàn Giỏi)

b) Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc phảng phất màu huyền thoại. (Bùi Hồng)

Trả lời:

Câu	Chủ ngữ là cụm danh từ	Danh từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ
a	Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi	quần áo	má nuôi tôi vừa khâu cho tôi

b	Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc	chuyện	bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc
---	---	--------	--

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 4. Tìm chủ ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây:

- Một năm nọ, trời mưa to làm nước trong giếng dâng lên. (Ếch ngồi đáy giếng)
- Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí khiến cho chị Dậu hai hàng nước mắt chạy quanh. (Ngô Tất Tố)

Chủ ngữ là cụm chủ vị trong các câu đã cho:

- trời mưa to
- Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí

Câu 5. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

Văn bản Về đẹp của bài thơ "Tiếng gà trưa" là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ Tiếng gà trưa, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi Bà ơi thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh đề cho từ Vì ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.

- Một vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ Tiếng gà trưa, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh".

- Một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "Việc Xuân Quỳnh đề cho từ Vì ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần".

SOẠN BÀI 4 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM "HAI VẠN DẠM DƯỚI ĐÁY BIỂN"**1. CHUẨN BỊ**

CH1. Đọc trước văn bản Sức hấp dẫn của tác phẩm "Hai vạn dặm dưới đáy biển", tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Lê Phương Liên.

Trả lời:

- Thông tin về tác giả Lê Phương Liên:

- Sinh năm 1951, ở khu phố cổ Hà Nội.
- Từng là cô giáo dạy sau khi tốt nghiệp khoa Toán - Lý trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.
- Được biết đến là tác giả nổi bật về văn học thiếu nhi.

- Tác phẩm: truyện vừa Những tia nắng đầu tiên và truyện ngắn Câu hỏi trẻ thơ là tác phẩm đầu tay; Khi mùa xuân đến, Hoa dại, Bức tranh còn vẽ, Ến nhỏ, Khúc hát hạnh phúc, Dòng thu, Cuộc phiêu lưu của chú rôi Tều, Khu vườn biết nói, Ký ức ánh sáng...

2. ĐỌC HIỂU

CH2. Câu nào là ý kiến của tác giả nêu trong phần (1)?

Trả lời:

- Câu nêu ý kiến của tác giả nêu trong phần (1) là: "Tác phẩm của nhà văn Giuyn Véc-nơ hấp dẫn bạn đọc mọi lứa tuổi, không chỉ bởi những yếu tố li kì mà còn bởi tính nhân văn."

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Phần (2) phát triển ý kiến nêu ở phần (1) như thế nào?

Phần (2) phát triển ý kiến nêu ở phần (1) bằng cách chỉ rõ yếu tố li kì và tính nhân văn trong tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển.

Câu 2. Nội dung phần (4) liên quan gì tới nhan đề văn bản?

- Nội dung phần (4) khẳng định sức hấp dẫn của Hai vạn dặm dưới đáy biển nằm ở nội dung của nó là một cuộc tìm hiểu biển cả cũng chính là tìm hiểu bản thân mỗi người. Như vậy, nội dung phần (4) đã tổng kết sức hấp dẫn tác phẩm của Véc-nơ - điều được nhắc tới ở nhan đề văn bản.

Câu 3. Nội dung chính của phần (5) là gì?

- Nội dung chính của phần (5) là giới thiệu những tác phẩm khác của Véc-nơ và khẳng định giá trị văn chương của Véc-nơ.

CÂU HỎI

Câu 1. Nhan đề văn bản cho em biết vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên là gì?

- Nhan đề văn bản cho em biết vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên sức hấp dẫn của tác phẩm "Hai vạn dặm dưới đáy biển".

Câu 2. Tóm tắt nội dung các phần của văn bản bằng cách nêu 1 - 2 câu hỏi ngắn gọn cho mỗi phần theo mẫu sau:

Phần (1)	Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển viết về ai, về sự kiện gì? Điều gì tạo nên sự hấp dẫn của tác phẩm?
Phần (2)	
Phần (3)	
Phần (4)	
Phần (5)	

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ CẢNH ĐIỀU

Phần (1)	Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển viết về ai, về sự kiện gì? Điều gì tạo nên sự hấp dẫn của tác phẩm?
Phần (2)	Yếu tố li kì và tính nhân văn được thể hiện trong Hai vạn dặm dưới đáy biển như thế nào?
Phần (3)	Véc-nơ có vốn hiểu biết như thế nào? Lối viết của Véc-nơ như thế nào?
Phần (4)	Điều cốt lõi trong Hai vạn dặm dưới đáy biển là gì? Đây là sức hấp dẫn của tác phẩm này?
Phần (5)	Véc-nơ còn có những tác phẩm nào? Giá trị văn chương của Véc-nơ là như thế nào?

Câu 3. Theo tác giả bài nghị luận, "những giá trị nhân văn" trong tác phẩm của Véc-nơ được thể hiện như thế nào?

+ Hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả là thuyền trưởng Nê-mô: trải qua nhiều đau khổ nên đứng trước mọi khó khăn đều quả quyết hành động dũng mãnh với một bản lĩnh sáng suốt.

+ Nhân vật tự sự - giáo sư A-rôn-nác: khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh.

Câu 4. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản Bạch tuộc (trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển) đã học ở Bài 3?

- Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được về tính cách của nhân vật Nê-mô và A-rôn-nác trong văn bản Bạch tuộc (trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển) đã học ở Bài 3.

SOẠN BÀI 4 VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích "Người đàn ông cô độc giữa rừng" (trích tiểu thuyết "Đất rừng phương Nam") của nhà văn Đoàn Giỏi.

Trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của nhà văn Đoàn Giỏi, có một nhân vật tính cách phóng khoáng, trượng nghĩa, lại pha lẫn chút ngang tàng, bụi bặm. Đó là Võ Tòng, một nhân vật cùng tên với nhân vật trong Thủy hử của Thi Nại Am. Võ Tòng trong Đất rừng phương Nam đã để lại trong tôi những ấn tượng, tình cảm sâu sắc.

Có thể nói chú Võ Tòng là một người thành thật, khảng khái, tốt bụng, có chút liều lĩnh, ngang tàng ẩn trong một hình hài hung dữ. Người đọc hẳn sẽ còn nhớ hàng sẹo khùng khiêu chạy từ thái dương xuống cổ của chú Võ Tòng. Đây chính là cái tích để người ta gọi chú là Võ Tòng giống như nhân vật trong Thủy hử. Bởi Võ Tòng trong Thủy hử là một người vô cùng khỏe mạnh, đã tay đôi đấu với hổ và giành chiến thắng. Việc đánh hổ cho thấy Võ Tòng dù là nhân vật trong tác phẩm nào cũng có một sức mạnh thật

phi thường và một bản lĩnh hiếm có. Riêng với Võ Tòng trong Đất rừng phương Nam, sức mạnh thể lực và bản lĩnh ấy đã được thể hiện bằng hàng sọc dài có phần hung dữ.

Về bề ngoài tưởng như hung dữ của Võ Tòng lại ẩn chứa bên trong là một con người có lòng tốt bụng, thành thật, gần gũi. Điều này được thể hiện qua cách ăn mặc, ngôn ngữ, hành động và suy nghĩ của nhân vật. Trong mắt cậu bé An, chú Võ Tòng là một người gần gũi, tốt tính, hào phóng. Chú ăn mặc dân dã, cởi trần, mặc chiếc quần ka ki nhưng đã lâu không giặt. Chú nói với An theo lối trêu đùa, vui vẻ; hứa với An sẽ săn một con heo hoặc nai cho cậu. Đặc biệt, tôi ấn tượng với chi tiết chú Võ Tòng lấy miếng khô nai to nhất đưa cho An để cậu nhai cho đỡ buồn miệng. Tại sao phải là miếng khô nai to nhất mà không phải một miếng khô nai nào khác? Đó là vì chú Võ Tòng quan tâm, quý mến An và cũng là sự hào phóng, tốt bụng của chú.

Sự thành thật của chú Võ Tòng được thể hiện qua hai chi tiết. Đó là khi chú giết chết địa chủ và tự đi đầu thú và dân làng đều quý chú vì sự thành thật, chân chất của chú. Chỉ với hai chi tiết này thôi, chú Võ Tòng đã hiện lên là một người đáng tin tưởng, đáng để nhận được sự tôn trọng, quý mến mà không phải là sự sợ hãi ban đầu khi nhìn thấy hàng sọc dài chạy từ thái dương xuống cổ.

Chú Võ Tòng dễ gần, dễ mến còn bởi chú là một người có suy nghĩ thấu đáo, chu toàn. Chú đã chia cho bác Hai những mũi tên mà chú đã chuẩn bị, tẩm thuốc độc để giết lũ giặc Pháp. Nhưng chú lại không nói điều đó với má nuôi của An - vợ của bác Hai vì sợ má An ngăn trở công việc, sợ rằng má An sẽ cảm thấy sợ hãi. Chính cái im im, không nói với má của An đã cho thấy chú Võ Tòng là một người có suy nghĩ thấu đáo. Cũng ở chi tiết này, người đọc còn thấy được một phẩm chất đáng quý của chú Võ Tòng như bao nhiêu người Việt Nam khác. Đó là tình yêu quê hương, đất nước, căm thù lũ giặc xâm lược. Chẳng vậy mà chú Võ Tòng đã tẩm thuốc độc vào những mũi tên để chuẩn bị đi hạ những tên lính giặc.

Như vậy, có thể thấy, chú Võ Tòng trong tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi là một nhân vật có vẻ ngoài hung dữ, nhưng ẩn chứa bên trong lại là những vẻ đẹp rất người. Đó là sự chân thành, thật thà, thẳng thắn; là sự quan tâm, chăm sóc, lo nghĩ chu đáo; là sự hào phóng, tốt bụng; là lòng yêu nước nhiệt thành. Nhân vật Võ Tòng như vậy đã đại diện cho hình ảnh con người Nam Bộ giàu sự phóng khoáng, tốt bụng và tình cảm. Đọc Đất rừng phương Nam, người đọc không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên Nam Bộ, được chiêm ngưỡng sự hiểu biết và tài năng trong lối viết của Đoàn Giỏi, và còn thấy được vẻ đẹp của con người Nam Bộ. Vẻ đẹp ấy vẫn là một sức hấp dẫn với thế hệ trẻ hôm nay.

SOẠN BÀI 4 TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI THƠ "ÔNG ĐỒ" CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

Câu 1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Kể chuyện của ông đồ
- B. Miêu tả hình ảnh ông đồ
- C. Phân tích bài thơ Ông đồ
- D. Giới thiệu nhà thơ Vũ Đình Liên

Trả lời:

- C. Phân tích bài thơ Ông đồ

Câu 2. Vì sao văn bản Về bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên nêu trên là văn bản nghị luận văn học?

- A. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh ông đồ
- B. Vì tác giả đã phân tích cái hay của bài thơ Ông đồ
- C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện về ông đồ viết chữ Nho
- D. Vì văn bản đã giúp người đọc hiểu ông đồ là ai

Trả lời:

- B. Vì tác giả đã phân tích cái hay của bài thơ Ông đồ

Câu 3. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích là gì?

- A. Ca ngợi những người viết chữ Nho
- B. Ca ngợi hình ảnh ông đồ viết chữ Nho
- C. Nêu lên tình cảnh buồn thảm của ông đồ
- D. Chỉ ra cái hay của bài thơ Ông đồ

Trả lời:

- D. Chỉ ra cái hay của bài thơ Ông đồ

Câu 4. Câu nào có bằng chứng được người viết dẫn ra từ bài thơ?

- A. Dòng thơ không phải là nỗi đau nhức nỡ, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.
- B. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".
- C. Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ.
- D. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

Trả lời:

- B. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".

Câu 5. Tác giả phân tích nghệ thuật dùng từ của nhà thơ ở câu nào?

- A. Chữ "muôn năm cũ" của dòng trên đối xuống chữ "bây giờ" của dòng dưới càng băng khuâng, luyến nhớ.
- B. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.
- C. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".
- D. Dòng thơ không phải là nỗi đau nhức nỡ, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

Trả lời:

- A. Chữ "muôn năm cũ" của dòng trên đối xuống chữ "bây giờ" của dòng dưới càng băng khuâng, luyến nhớ.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 6. Câu nào nêu nhận xét về tài năng nghệ thuật của nhà thơ Vũ Đình Liên?

- A. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại...
- B. Ông đồ đã kiên nhẫn "văn ngồi đây", nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa...
- C. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay.
- D. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.
- C. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay.

Câu 7. Người viết thể hiện rõ cảm xúc của mình về hình ảnh ông đồ ở câu nào?

- A. Hãy trở lại với dòng thơ đầu bài "Mỗi năm hoa đào nở" để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa.
- B. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.
- C. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay.
- D. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".
- B. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.

Câu 8. Ý kiến khái quát của người viết về nội dung và nghệ thuật bài thơ Ông đồ được nêu ở câu nào?

- A. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.
- B. Ông đồ đã kiên nhẫn "văn ngồi đây", nhưng năm nay không còn kiên nhẫn được nữa...
- C. Về ngữ pháp, dòng thơ này rất lạ, nhưng không thấy cộm: "Những người muôn năm cũ".
- D. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.
- D. Như vậy, cũng chỉ tám dòng, bốn mươi chữ đủ nói hết những bước chót của một thời tàn.

Câu 9. Câu nào sau đây có vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị?

- A. Đến bây giờ, chúng ta mới thấy luyện tiếc, nhưng quá muộn rồi.
- B. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta.
- C. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những người hiện đại chúng ta đã thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chơi với...
- D. Chữ "muôn năm cũ" của dòng trên đối xuống chữ "bây giờ" của dòng dưới càng bằng khuâng, luyện nhớ.
- C. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những người hiện đại chúng ta đã thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chơi với...

Câu 10. Em thích nhất đoạn nào trong văn bản Về bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên (Vũ Quần Phương)? Vì sao?

- Trong văn bản Về bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên, em thích nhất đoạn nói về quy luật "Mỗi năm hoa đào nở" ở đầu bài thơ "Ông đồ" đã không còn đúng nữa.

Em thích nhất đoạn này vì nó đã cho em có một cái nhìn sâu sắc hơn về bài thơ "Ông đồ".

BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN

SOẠN BÀI 5 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CA HUẾ

1. CHUẨN BỊ

Văn bản thông tin này giới thiệu về hoạt động hay trò chơi gì? - Hoạt động hay trò chơi đó có những quy tắc, luật lệ nào cần lưu ý?

Trả lời:

- Văn bản thông tin này giới thiệu về hoạt động trình diễn ca Huế.
- Các quy tắc cần lưu ý trong trình diễn ca Huế bao gồm quy tắc về:
 - + môi trường diễn xướng (không gian hẹp, không có ánh mặt trời)
 - + số lượng người trình diễn và người nghe
 - + số lượng nhạc cụ

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Cách trình bày của văn bản (nhan đề, sa pô, các tiểu mục, sự kết hợp kênh chữ và kênh hình,...) có tác dụng gì?

- Tác dụng của cách trình bày văn bản:
 - + Nhan đề “Ca Huế” ngắn gọn, trực tiếp đưa ra đối tượng chính của văn bản giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt được chủ đề.
 - + Văn bản được phân làm nhiều tiểu mục, mỗi tiểu mục diễn giải về một khía cạnh trong hoạt động ca Huế, bao gồm: nguồn gốc ca Huế, các quy tắc và phong cách trình diễn, sự bổ sung và sáng tạo của nghệ nhân, giá trị văn hóa của ca Huế. Cách triển khai từng ý một cách rõ ràng, mạch lạc giúp người đọc từng bước nắm được các đặc điểm chính của ca Huế.
 - + Hình ảnh ban nhạc ca Huế được đính kèm bài viết giúp người đọc có cái nhìn cụ thể và trực quan hơn về nội dung đã được giới thiệu trong văn bản.

Câu 2. Các thông tin trong văn bản có ý nghĩa thế nào đối với xã hội nói chung và với cá nhân em nói riêng?

- Thông tin trong văn bản cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động trình diễn ca Huế theo lối đơn giản, ngắn gọn, giúp đồng đảo đối tượng người đọc có thể dễ dàng tiếp cận. Từ đó, văn bản có tác dụng hiệu quả trong việc lan tỏa hiểu biết về ca Huế - một di sản văn hóa của dân tộc. Với cá nhân em, văn bản giúp em biết tới một dòng nhạc lâu đời đậm chất cổ đô và khiến em mong muốn tìm hiểu thêm về những nét văn hóa xứ Huế.

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Ở phần (2), những thông tin nào thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế?

- Những thông tin thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế bao gồm:
 - + Thông tin về môi trường diễn xướng
 - + Thông tin về số người trình diễn
 - + Thông tin về số lượng và các loại nhạc cụ.

Câu 2. Hai phong cách trình diễn ca Huế có gì khác nhau?

- Điểm khác biệt giữa hai phong cách biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách nằm ở:

+ Quan hệ giữa người biểu diễn và người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người diễn và người nghe có quen biết hoặc biết tiếng về nhau, còn trong phong cách phục vụ du khách, người dẫn chương trình sẽ làm cầu nối giữa đôi bên.

+ Độ am hiểu của người thưởng thức: Trong phong cách truyền thống, người nghe am hiểu về ca Huế, còn trong phong cách phục vụ du khách, người nghe không cần có hiểu biết rõ ràng về ca Huế.

+ Hoạt động đi kèm: Buổi biểu diễn truyền thống đi kèm hoạt động bình phẩm, đánh giá nghệ thuật, còn buổi biểu diễn phục vụ du khách đi kèm lời giới thiệu khái quát về ca Huế của người dẫn chương trình dành cho khán giả.

CÂU HỎI

Câu 1. Văn bản Ca Huế giới thiệu về hoạt động gì?

Văn bản Ca Huế giới thiệu về hoạt động trình diễn ca Huế.

Câu 2. Văn bản Ca Huế gồm ba phần. Có ý kiến cho rằng: Phần (1) nêu giá trị, phần (2) nói về nguồn gốc và phần (3) nêu môi trường diễn xướng của ca Huế. Ý kiến này chưa đúng, em hãy xác định lại nội dung từng phần cho phù hợp.

Nội dung từng phần của văn bản:

+ Phần (1): nguồn gốc ca Huế

+ Phần (2): các quy tắc trong biểu diễn (môi trường, số người, nhạc cụ) và phong cách biểu diễn của ca Huế

+ Phần (3): giá trị đã được công nhận của ca Huế

Câu 3. Văn bản giới thiệu các đặc điểm của ca Huế nhưng cũng chính là nêu lên các quy tắc, luật lệ trong hoạt động ca Huế. Hãy làm sáng tỏ điều đó bằng việc chuyển nội dung phần (2) sang những quy tắc cụ thể theo mẫu sau:

Nội dung hoạt động	Quy tắc, luật lệ
Môi trường diễn xướng	
Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế	Khoảng từ 8 đến 10 người
Số lượng người nghe ca Huế	
Số lượng nhạc công	
Số lượng nhạc cụ	
Phong cách biểu diễn	

Nội dung hoạt động	Quy tắc, luật lệ
Môi trường diễn xướng	Không gian hẹp, không có ánh mặt trời
Số lượng người trình diễn cho một buổi ca Huế	Khoảng từ 8 đến 10 người

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ CẢNH ĐIỀU

Số lượng người nghe ca Huế	Hạn chế
Số lượng nhạc công	Khoảng từ 5 đến 6 người
Số lượng nhạc cụ	4 đến 6 loại
Phong cách biểu diễn	Biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách

Câu 4. Câu văn nào trong văn bản đã khái quát được giá trị của hoạt động ca Huế?

Câu cuối cùng của văn bản đã khái quát được giá trị của hoạt động ca Huế là một Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

Câu 5. Dựa vào các thông tin từ văn bản trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) tóm tắt những hiểu biết của em về ca Huế.

Bắt nguồn từ một hình thức diễn xướng sang trọng trong cung đình, ca Huế dần chuyển hóa để gần gũi hơn với đời sống nhân dân. Ca Huế được biểu diễn trong không gian hẹp, không có ánh mặt trời với số lượng người nghe hạn chế. Ban nhạc gồm 8 đến 10 người, trong đó có 5 hoặc 6 nhạc công, chơi một trong các dàn nhạc cụ: tứ tỳ, ngũ tỳ hoặc lục tỳ. Hai phong cách: biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách phù hợp với những đối tượng người nghe khác nhau. Hiện ca Huế đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Câu 6. Hãy nêu một hoạt động ca nhạc truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hoạt động ca Huế.

Một hoạt động ca nhạc truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hoạt động ca Huế:

Ca trù, còn gọi là “hát cô đầu” hay “hát ả đào”, là loại hình diễn xướng phổ biến ở Bắc Bộ, khi xưa vốn rất được giới quý tộc và trí thức ưa chuộng. Ca trù từng phát triển mạnh tại các quán trong đô thị, là nguồn cảm hứng bất tận cho giới văn nghệ sĩ bởi sự kết hợp điêu luyện giữa thi ca và âm nhạc cũng như tương tác đặc sắc giữa ca nương (nữ ca sĩ), kép (nhạc công nam) và quan viên (người thưởng ngoạn).

SOẠN BÀI 5 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN HỘI THI THỜI CƠM

1. CHUẨN BỊ

CH1. Kể tên một số hội thi dân gian và hiện đại mà em biết. Tìm hiểu tại sao lại phải có quy tắc, luật lệ trong các hội thi, trò chơi.

Trả lời:

Một số hội thi em biết: thi kéo co, hội vật, cờ người, hội tung còn...

Trong các hội thi hay trò chơi luôn cần phải có quy tắc, luật lệ rõ ràng nhằm các mục đích sau:

- + định hướng và thống nhất cho người chơi về cách thức tiến hành.
- + tạo ra thách thức với người chơi, tăng tính thú vị cho cuộc chơi.
- + cơ sở để trọng tài đánh giá, đảm bảo tính công bằng.
- + cơ sở giúp người xem thưởng thức, đánh giá được cái tài, cái hay của người chơi.

2. ĐỌC HIỂU

CH2. Tại sao đoạn mở đầu được in đậm? Nội dung chính của đoạn này là gì?

- Đoạn mở đầu được in đậm vì đây là đoạn sa pô khái quát chủ đề của bài viết, có vai trò bước đầu thu hút sự chú ý của độc giả.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Bức ảnh minh họa cho nội dung gì?

- Bức ảnh minh họa quá trình đốt lửa thối cơm.

Câu 2. Địa điểm hội thi ở Từ Trọng có gì đặc biệt?

- Người thi phải ngồi trên thuyền thúng nổi giữa một đầm nước lộng gió. Đây là yếu tố làm tăng tính thách thức với người chơi.

Câu 3. Người dự thi và cách thi ở Hành Thiện có gì đặc biệt?

- Người dự thi: chỉ dành cho nam. Cách thi: niêu cơm không được đặt trên một bề mặt mà được treo trên ngọn tre buộc vào một người, người còn lại phải giữ lửa dưới đáy niêu. Hai người vừa nấu vừa đi quanh sân đình.

CÂU HỎI

Câu 1. Chỉ ra bố cục của văn bản Hội thi thối cơm. Mỗi phần của văn bản cung cấp cho người đọc thông tin gì? Theo em, thông tin nào là quan trọng nhất? Vì sao?

- Bố cục văn bản gồm các phần sau:

- + Phần 1: Đoạn mở đầu được in đậm
- + Phần 2: Thi nấu cơm ở hội Thị Cẩm
- + Phần 3: Thi nấu cơm ở hội làng Chuông
- + Phần 4: Thi nấu cơm ở hội Từ Trọng
- + Phần 5: Thi nấu cơm ở hội Hành Thiện

Phần 1 khái quát chủ đề văn bản, cho người đọc biết về đa dạng của các hội thi nấu cơm tại các địa phương khác nhau. Phần 2, 3, 4 và 5 cung cấp thông tin về thể lệ cuộc thi ở từng địa phương được đề cập đến.

Theo em, thông tin về thể lệ cuộc thi là quan trọng nhất vì nó cho người đọc thấy được cuộc thi sẽ diễn ra theo cách thức nào, đồng thời giúp nhận định được nét khác biệt trong hội thi của các địa phương. Có thể nói, đây chính là những thông tin làm nên giá trị của bài viết.

Câu 2. Các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo trật tự nào? (Gợi ý: trật tự thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng hoặc các đối tượng được phân loại). Cách sắp xếp thông tin đó tạo ra hiệu quả như thế nào?

Xét trên tổng thể văn bản, thông tin được sắp xếp thành từng phần tương ứng với từng địa phương. Trong mỗi một phần ấy, thông tin lại chủ yếu được sắp xếp theo trình tự thời gian, tương ứng với từng giai đoạn của cuộc thi: từ khi bắt đầu cho tới lúc tìm ra đội thắng cuộc.

Cách sắp xếp thông tin như vậy giúp tái hiện toàn bộ quá trình cuộc thi như một thước phim tuần tự hiện ra trước mắt người đọc. Qua đó, người đọc dễ dàng nắm được thể lệ cũng như các giai đoạn trong cuộc thi.

Câu 3. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau trong hội thi thối cơm của các địa phương được nói tới trong văn bản.

- **Điểm giống nhau trong các hội thi thối cơm:**

- + Nội dung thi: thối cơm trong những điều khó khăn.
- + Cách đánh giá: đội nào nấu cơm nhanh nhất và ngon nhất thì sẽ thắng cuộc.

• Điểm khác nhau:

- + Đối tượng dự thi: hội Thị Cẩm và hội Từ Trọng không bắt buộc nam hay nữ; hội làng Chuông có phần thi riêng cho nam và nữ; hội Hành Thiện chỉ có nam.
- + Địa điểm thi: hội Thị Cẩm thi trên mặt đất; hội làng Chuông nữ thi trong vòng tròn, nam thi trên thuyền; hội Từ Trọng thi trên thuyền thúng giữa đầm lộng gió; hội Hành Thiện phải đi quanh sân đình.
- + Thử thách: hội Thị Cẩm có thêm phần thi giã gạo; hội làng Chuông nữ phải cồng con và giữ con cóc trong vòng tròn, còn nam phải bơi thuyền rồi giữ thuyền khi nấu cơm; hội Từ Trọng người thi phải ngồi trên thuyền bồng bênh; hội Hành thiện nôi cơm được treo trên ngọn tre.

Câu 4. Mục đích của văn bản Hội thi thổi cơm là gì? Phân tích một số nội dung cụ thể trong văn bản để thấy người viết đã đạt được mục đích đó.

Mục đích của văn bản Hội thi thổi cơm là cung cấp thông tin về thể lệ cuộc thi nấu cơm ở địa phương khác nhau, qua đó thấy được sự đa dạng và nét đặc sắc trong lễ hội dân gian của từng địa phương.

Ngay từ đoạn mở đầu, người viết đã gợi mở về sự đa dạng này để khơi gợi sự chú ý của người đọc. Ở các phần tiếp theo, người viết lần lượt triển khai một cách chi tiết về quá trình, thể lệ thi của các vùng. Mỗi đoạn đều nhấn mạnh tới đối tượng dự thi, địa điểm thi, các yếu tố tạo thử thách và cách chọn người thắng cuộc. Qua những mô tả dẫn dắt cụ thể, người viết đã đạt được mục đích là giúp cho người đọc có cái nhìn toàn cảnh cũng như cái nhìn so sánh về hội thi nấu cơm để thấy được sự đa dạng, độc đáo của cùng một hội thi nhưng được tiến hành tại các địa phương khác nhau.

Câu 5. Văn bản giúp em hiểu thêm điều gì về hội thi thổi cơm? Hãy chỉ ra luật thi và các thi thổi cơm của một địa phương được nêu trong văn bản mà em thấy thú vị.

Văn bản giúp em hiểu thêm về cách thức và quá trình mà một thi nấu cơm diễn ra, cũng như việc hội thi ở các nơi sẽ không giống nhau mà có nét biến tấu.

Em thấy ấn tượng nhất với hội thi ở làng Chuông. Trong hội thi này, hai đối tượng thi là nam và nữ sẽ có hai cách thi riêng: Người nữ phải vừa nấu cơm trong một vòng tròn, vừa giữ trẻ và canh chừng con cóc không cho nó nhảy ra khỏi vòng tròn; còn người nam phải bơi thuyền sang bờ bên kia rồi dùng tay uớt vừa giữ thuyền vừa nhóm củi, nấu cơm. Việc tách bạch hai đối tượng nam – nữ cùng những hình thức thi khác biệt: nữ giữ trẻ, nam bơi thuyền đã phần nào cho thấy hình dung cũng như kì vọng của người xưa về vai trò và trách nhiệm riêng đối với từng giới.

Câu 6. Văn bản chỉ có một ảnh minh họa. Nếu vẽ thêm minh họa cho bài viết, em sẽ chọn nội dung nào? Vì sao em lại chọn nội dung đó để vẽ?

Nếu vẽ thêm hình minh họa cho bài viết, em sẽ vẽ cảnh hai người đàn ông đang nấu cơm bằng cái niêu được treo trên ngọn tre trong hội Hành Thiện. Do niêu cơm không được đặt cố định mà treo lơ lửng, người chơi vừa đi vừa nấu nên sẽ tạo ra hình ảnh có tính có tính chuyển động cao, rất thú vị để chuyển thành tranh vẽ.

Câu 3. Tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây. Chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ.

a) Tôi cũng đỡ phần nào áy náy vì chắc Trũi được vô sự. (Tô Hoài)

b) Dù có vấp phải cái gì, ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong. (Véc-nơ)

c) Khi ấy, nhất thiết hai đô phải dùng trận đấ để cù cầm châu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc. (Phi Trường Giang)

Câu	Trạng ngữ là cụm chủ vị	Kết từ
a	Vì chắc Trũi được vô sự	vì
b	Vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong	vì
c	để cù cầm châu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc	để

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) phát biết cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Ca Huế, trong đó có sử dụng ít nhất một trạng ngữ là cụm chủ vị.

Sau khi đọc văn bản Ca Huế, em cảm thấy thật thú vị vì được biết thêm về một hình thức âm nhạc truyền thống khai sinh từ mảnh đất cổ đô. Để người đọc hình dung ra một buổi diễn xướng ca Huế, tác giả đã mô tả một cách ngắn gọn nhưng cũng không kém phần sinh động về không gian biểu diễn cũng như thành phần ban nhạc và các loại nhạc cụ. Thông qua những dòng văn ấy, em mong muốn được tìm hiểu nhiều hơn về loại hình âm nhạc truyền thống không chỉ đẹp về giai điệu mà còn độc đáo về lối trình diễn này.

SOẠN BÀI 5 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 108)

CH1. Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó.

- Với hai lần bật cung liên tiếp, chú đã bắn gục hai tên địch. (Bùi Hồng)
- Sau nghi lễ bái tổ, hai đô thực hiện nghi thức xe đài. (Phi Trường Giang)
- Sau hồi trống lệnh, các đội đồ thóc vào xay, giã, giần, sàng. (Hội thi thổi cơm)

Trả lời:

Câu	Trạng ngữ là cụm danh từ	Danh từ trung tâm	Các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ
a	Với hai lần bật cung liên tiếp	lần	- Phụ tố trước chỉ số lượng: hai - Phụ tố sau chỉ tính chất: bật cung, liên tiếp
b	Sau nghi lễ bái tổ	nghi lễ	Phụ tố sau chỉ tính chất: bái tổ
c	Sau hồi trống lệnh	hồi	Phụ tố sau chỉ tính chất: trống lệnh

CH2. Tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong những câu dưới đây. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó.

- Từ ngày công chúa bị mất tích, nhà vua vô cùng đau đớn. (Thạch Sanh)
- Mỗi khi xuân về, những vùng quê trên đất Bắc Giang lại rộn ràng tiếng trống vật. (Phi Trường Giang)
- Khi tiếng trống châu vang lên, hai đô vật “mình trần đóng khố”, chân quỳ vai sánh, hai tay chấp sườn. (Phi Trường Giang)

Trả lời:

Câu	Trạng ngữ là cụm danh từ	Danh từ trung tâm	Thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ
a	Từ ngày công chúa bị mất tích	ngày	công chúa bị mất tích
b	Mỗi khi xuân về	khi	xuân về
c	Khi tiếng trống châu vang lên	khi	tiếng trống châu vang lên

SOẠN BÀI 5 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRÊN "ĐẤT VẬT" BẮC GIANG

CH1. “Sỏi vật” là gì? Ý nghĩa của sỏi vật hình tròn đặt trước sân đình hình vuông là gì?

Trả lời:

“Sỏi vật” là sàn đấu nơi diễn ra trận đấu vật.

Sỏi vật hình tròn được đặt trước sân đình hình vuông mang tính biểu tượng cao, bởi hình tròn tượng trưng cho trời và tính dương, còn hình vuông tượng trưng cho đất và tính âm, hai thứ kết hợp tạo thành trời đất, âm dương toàn vẹn. Mặt khác, các đồ vật nam trên sỏi cũng tượng trưng cho phần dương, qua đó người dân mong cho dương thịnh để mùa màng tươi tốt.

CH2. Nghi thức “xe đài” ở hội vật Bắc Giang có gì đặc sắc?

Trả lời:

Hội vật ở mỗi vùng đều có động tác “xe đài” đặc trưng. Ở hội vật Bắc Giang, đồ vật “xe đài” theo tư các tư thế “đại bàng tung cánh, sư tử vờn cầu”, hoặc hiền hòa và uốn lượn như “dòng sông Cầu nước chảy lơ thơ”, “dòng sông Thương nước chảy đôi dòng”. Các tư thế xe đài đều gắn bó mật thiết tới đặc điểm phong tục, địa lý của vùng đất.

CH4. Mục đích của keo vật thờ là gì?

Trả lời:

Keo vật thờ trước hết là một hoạt động có ý nghĩa tâm linh nhằm báo cáo với thần linh về hội vật và gửi gắm nguyện ước của người dân mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Bên cạnh đó, keo vật thờ diễn ra với những động tác chậm rãi, đẹp mắt được thực hiện bởi hai đô vật tài ba, đức độ. Đây chính là cơ hội để khán giả được chứng kiến nét hay, nét đẹp của môn vật và biến hội vật trở thành chiếc cầu nối truyền tải văn hóa lâu đời của dân tộc.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Nhan đề Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang cho người đọc biết gì về nội dung chính được nói tới trong văn bản? Em hãy phân biệt “sỏi vật” và “hội vật”.

- Nhan đề Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang cho người đọc biết được nội dung chính của văn bản sẽ nói về hội vật diễn ra tại Bắc Giang với những hoạt động độc đáo.

- Phân biệt “sỏi vật” và “hội vật”:

+ “Sỏi vật” là sàn đấu hình tròn đặt trước sân đình, được dùng làm nơi diễn ra các keo vật.

+ “Hội vật” là một lễ hội bao gồm phần nghi thức như “keo vật thờ” và các keo vật thi đấu với nhiều người khán giả tới xem.

Câu 2. Theo văn bản, để tổ chức một hội vật, cần chuẩn bị và tiến hành những nghi lễ, nghi thức nào?

- Để tổ chức một hội vật, người ta cần chuẩn bị hai đô vật có tiếng trong vùng, vừa có tài lại vừa có đức để thực hiện keo vật thờ. Keo vật thờ chính là phần nghi lễ mở đầu cho hội vật.

Câu 3. “Keo vật thờ” diễn ra theo trình tự như thế nào và có những quy tắc gì?

Keo vật thờ diễn ra theo trình tự và quy tắc như sau:

- + Giới thiệu một cách trang trọng về hai đô vật.
- + Trống châu vang lên lần một, hai đô vật vào tư thế chân quỳ vai sánh, hai tay chấp sườn.
- + Trống châu vang lên lần hai, hai đô vật vừa khom lưng bái tổ vừa tiến ba bước rồi lùi ba bước.
- + Trống châu vang lên lần ba, hai đô vật thực hiện nghi thức xe đài với động tác đặc trưng của vùng miền.
- + Keo vật thờ chính thức diễn ra, hai đô vật trình diễn các miếng đánh một cách chậm rãi, nhịp nhàng và đẹp mắt.
- + Kết thúc keo vật, cả hai cùng thua.

Câu 4. Văn bản mang lại cho em những hiểu biết gì về hội vật? Hãy nêu một hoạt động hội thi truyền thống ở quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hoạt động hội vật ở Bắc Giang.

Văn bản giúp em hiểu thêm về “sới vật” – sân đấu của keo vật – cùng những ý nghĩa văn hóa ẩn sâu đằng sau nó về âm dương đất trời. Bên cạnh đó em còn được biết đến quy trình của một “keo vật thờ” vừa mang ý nghĩa tâm linh kết nối với thần linh, vừa truyền tải nét đẹp văn hóa truyền thống của đất và người.

Ở vùng cao Thanh Hóa, mỗi độ Tết đến xuân về, đồng bào dân tộc Mường, Thái lại tổ chức lễ hội tung còn. Đây là dịp để người dân vui chơi, giao lưu kết bạn, thậm chí là giao duyên. Trước khi mở màn thi đấu, trọng tài thường là một cụ cao niên có uy tín trong vùng sẽ đặt hai quả còn to nhất lên mâm để làm lễ cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, con cháu đầy đàn. Khi phần lễ kết thúc, hai đội nam nữ sẽ mặc trang phục truyền thống để thi tung còn trên bãi cỏ rộng.

SOẠN BÀI 5 VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC, LUẬT LỆ TRONG MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Dựa vào các văn bản đã học ("Ca Huế", "Hội thi thổi cơm", "Những nét đặc sắc trên "đất vật" Bắc Giang"), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

Đập niêu đất là trò chơi không biết có từ bao giờ nhưng đến nay, nó đã trở thành hoạt động không thể thiếu trên quê hương em trong những ngày đầu xuân năm mới.

Đập niêu đất là một trò chơi thú vị. Vì vậy, nó đã thu hút sự tham gia cổ vũ của rất nhiều người. Trò chơi thường được làng em tổ chức vào mùng 4 Tết hàng năm. Trong làng lại có các thôn, xóm nhỏ nên các thôn, xóm sẽ cử ra hai người làm thành một đội chơi tham gia tranh tài.

Để chơi trò chơi, người ta dựng đoạn tre to, chắc khỏe cao khoảng hai mét xuống đất. Sau đó, nối hai cây lại với nhau bằng một đoạn tre nằm ngang. Lúc này ba đoạn tre đã tạo thành hình giống như một cái cổng nhà. Trên thanh tre nằm ngang, ban tổ chức sẽ treo khoảng năm, sáu niêu đất lủng lẳng. Nhiệm vụ của các đội chơi là phải cầm gậy gỗ đập hết các niêu đất đó trong thời gian sớm nhất để giành chiến thắng. Để cho cuộc chơi thêm phần hấp dẫn, ban tổ chức đã yêu cầu một đội chơi phải có một người cõng một người trên lưng, cả hai người sẽ cùng bị bịt mắt và dựa vào trí nhớ của mình để đập niêu đất.

Để công bằng, các đội chơi sẽ lần lượt chơi và có trọng tài bấm giờ. Mỗi khi có hiệu lệnh xuất phát, các đội chơi sẽ phải dựa vào trí nhớ của mình và sự chỉ dẫn của dân làng để xác định và tiến đến vị trí của niêu đất; người được cõng trên lưng sẽ cố gắng đập vỡ niêu đất, còn người cõng sẽ cố gắng đứng vững và di chuyển theo sự chỉ dẫn của dân làng. Vì thế, mỗi khi một đội chơi xuất phát là tiếng hò reo, cổ vũ lại vang lên tạo thành một bầu không khí rất vui nhộn.

Sau khi các đội chơi của các thôn, xóm đã chơi xong, người dân trong làng và du khách có thể trực tiếp tham gia trò chơi để tự mình trải nghiệm cảm giác đập niêu đất.

Em rất yêu thích và mong chờ trò chơi đập niêu đất. Trò chơi đã trở thành niềm vui, thành nét văn hóa độc đáo trên quê hương em. Nó giúp cho mọi người cảm thấy vui vẻ hơn khi tết đến, xuân về và nó cũng làm cho con người ở làng quê trở nên gần gũi, thân thuộc với nhau hơn.

SOẠN BÀI 5 TỰ ĐÁNH GIÁ TRÒ CHƠI DÂN GIAN CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Câu 1. Văn bản trên giới thiệu trò chơi gì và của dân tộc nào?

- A. Đánh khăng của người Kinh
- B. Đánh trống của người Khmer
- C. Đánh kol của người Khmer
- D. Đánh kol của người Chăm

Trả lời:

- C. Đánh kol của người Khmer

Câu 2. Theo văn bản, phần lớn người Khmer cư trú và sinh sống ở đâu?

- A. Nam Trung Bộ
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Kon Tum
- D. Đông Nam Bộ

Trả lời:

- B. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 3. Các trò chơi dân gian tiêu biểu của người Khmer thường được tổ chức ở đâu?

- A. Tại các phum, sóc, sân chùa, trường học
- B. Chỉ ở sân các trường học phổ thông
- C. Chỉ tại các sân chùa có diện tích rộng
- D. Chỉ ở các bãi đất rộng của phum, sóc

Trả lời:

- A. Tại các phum, sóc, sân chùa, trường học

Câu 4. Kol là gì?

- A. Một khúc cây trong, ngắn, dài chừng 5 đến 10 xăng-ti-mét, bằng ngón tay cái.
- B. Một khúc cây tròn, ngắn, cứng, dài khoảng 3 đến 5 xăng-ti-mét, bằng ngón tay cái
- C. Một khúc cây tròn, ngắn, cứng, dài chừng 5 đến 8 xăng-ti-mét, bằng ngón tay cái
- D. Một khúc cây tre, dài chừng 5 đến 8 xăng-ti-mét, bằng ngón tay cái, có màu xanh

Trả lời:

- C. Một khúc cây tròn, ngắn, cứng, dài chừng 5 đến 8 xăng-ti-mét, bằng ngón tay cái

Câu 5. Trò chơi đánh kol có quy định gì về số lượng người chơi?

- A. Bao nhiêu người cũng được
- B. Từ 5 đến 10 người một phe
- C. Mỗi phe 10 người
- D. Mỗi phe 5 người

Trả lời:

- B. Từ 5 đến 10 người một phe

B. Bài tập và hướng dẫn giải**Câu 6.** Phương án nào nêu quy định về kích thước của sân chơi kol?

- A. Mỗi phe đứng dàn ngang ở vạch cuối sân
- B. Giữa sân có một gạch ngang chia đôi hai bên
- C. Một khoảng sân rộng bằng non nửa sân bóng đá
- D. Giữa lần gạch có một lỗ tròn

- C. Một khoảng sân rộng bằng non nửa sân bóng đá

Câu 7. Câu nào miêu tả động tác bắt đầu cuộc chơi kol?

- A. Nếu đỡ hụt (không bắt được kol) thì người đỡ phải nhặt khúc kol chạy đến vạch cho vào lỗ
- B. Mỗi bên lần lượt cử người cầm khúc gậy gỗ dài chừng 1 mét dõ cho kol bay lên vừa tầm và đánh về phía đối phương
- C. Người cầm gậy phía bên kia bắt (chụp) được kol thì mang lại lỗ và đánh trả lại phía đối phương
- D. Người bị truy đuổi phải chuyển khúc kol lại cho phe mình và tìm cách làm sao cho kol vào lỗ là thắng

- B. Mỗi bên lần lượt cử người cầm khúc gậy gỗ dài chừng 1 mét dõ cho kol bay lên vừa tầm và đánh về phía đối phương

Câu 8. Quy định về phần thưởng cho đội thắng trong trò chơi kol thường là gì?

- A. Người thua phải công người thắng
- B. Người thua phải quỳ trước người thắng
- C. Tùy theo giao kết của hai bên

D. Người thắng được thưởng tiền

- A. Người thua phải công người thắng

Câu 9. Câu nào sau đây có trạng ngữ được mở rộng?

A. Người cầm gậy phía bên kia bắt (chụp) được kol thì mang lại lỗ và đánh trả lại phía đối phương.

B. Trên một khoảng sân rộng bằng non nửa sân bóng đá, người chơi chia làm hai phe, từ 5 đến 10 người một phe.

C. Người bị truy đuổi phải chuyển khúc kol lại cho phe mình và tìm cách làm sao cho kol vào lỗ là thắng.

D. Chơi kol gần giống như trò chơi đánh trống (Nam Bộ), đánh kháng của người Kinh (phía Bắc).

- B. Trên một khoảng sân rộng bằng non nửa sân bóng đá, người chơi chia làm hai phe, từ 5 đến 10 người một phe.

Câu 10. Tìm trong phần mở đầu văn bản, dẫn ra một câu người viết ca ngợi văn hóa truyền thống của người Khmer Nam Bộ.

Một câu trong phần mở đầu văn bản người viết ca ngợi văn hóa truyền thống của người Khmer Nam Bộ: “Cũng như các dân tộc khác, người Khmer có một nền văn hóa đậm đà bản sắc, phong phú và đa dạng.”

BÀI 6: TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ

SOẠN BÀI 6 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ĐẾO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

1. CHUẨN BỊ

CH 1. Đọc trước truyệnẾch ngồi đáy giếng. Hãy nhớ lại một số truyện ngụ ngôn đã học ở Tiểu học và tìm hiểu thêm từ các nguồn khác nhau (sách, báo, Internet,...), ghi chép lại những thông tin về truyện ngụ ngôn (đặc điểm thể loại, đề tài, nhân vật,...) và một số tác giả truyện ngụ ngôn nổi tiếng.

Trả lời:

- Một số truyện ngụ ngôn: Con cáo và chùm nho, Thầy bói xem voi, Rùa và thỏ,...
- Một số tác giả truyện ngụ ngôn: Aesop, La Fontaine, Jacob Grimm và Wilhelm Grimm,...

2. ĐỌC HIỂU

CH2. Kết thúc truyện như thế nào?

Trả lời:

- Kết thúc truyện: ếch bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Nhan đềẾch ngồi đáy giếng có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?

- Nhan đềẾch ngồi đáy giếng đã tóm gọn nội dung của toàn bộ văn bản, nêu lên được vấn đề chính, gợi nhắc đến sự hạn hẹp và thói hống hách của con người.

Câu 4. Mỗi truyện ngụ ngôn có thể đem tới nhiều bài học, em hãy nêu lên những bài học có thể rút ra từ câu chuyện này. Theo em, đâu là bài học chính của câu chuyện?

- Mỗi truyện ngụ ngôn có thể đem tới nhiều bài học, những bài học có thể rút ra từ câu chuyện này:
- + Cần biết khiêm tốn, không thể hiện sự hống hách, bắt nạt kẻ yếu hơn mình.
- + Cần trau dồi, mở rộng kiến thức, hiểu biết không ngừng.
- + Cần phải nhận thức được về bản thân.
- Theo em, bài học chính của câu chuyện là phải biết khiêm tốn và không ngừng học hỏi.

CÂU HỎI

Câu 1. Nhân vật chính trong truyện có tính cách như thế nào? Hãy nêu một số chi tiết trong truyện giúp em hiểu về tính cách của nhân vật ấy.

- Nhân vật chính trong truyện có tính cách hống hách, coi mình là nhất, không ai hơn được nữa.
- Một số chi tiết trong truyện giúp em hiểu về tính cách của nhân vật ấy:
- + Cát tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ.
- + Cứ tiếng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.
- + Khi ra ngoài, quen thói cũ, ngênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu ồm ộp.

Câu 2. Bối cảnh câu chuyện trong văn bảnẾch ngồi đáy giếng đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách và làm nổi bật ý nghĩa của truyện như thế nào?

Bối cảnh câu chuyện trong văn bảnẾch ngồi đáy giếng khiến cho nhân vật ếch tưởng mình là oai nhất, từ đó có những hành vi và thái độ coi trời bằng vung, khinh thường tất cả những con vật khác trong khi thực tế, hiểu biết của nó rất hạn hẹp. Chính thái độ và nhận thức hạn hẹp của nó khiến nó đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp. Ý nghĩa của truyện được thể hiện ở đây chính là phê phán những người nông cạn, hạn hẹp lại có thói hống hách, xem thường người khác đồng thời khẳng định những người như thế sớm muộn cũng có kết cục bi thảm.

Câu 3. Trong cuộc sống, có nhiều câu chuyện tương tự truyệnẾch ngồi đáy giếng. Em hãy nêu lên một câu chuyện như thế.

- Trong cuộc sống, có nhiều câu chuyện tương tự truyệnẾch ngồi đáy giếng. Một câu chuyện như thế:

Những bạn học giỏi trong lớp có thể nghĩ mình đã đứng thứ nhất, không ai giỏi hơn. Nhưng khi các bạn tiếp xúc với các bạn học sinh giỏi lớp khác, các bạn sẽ hiểu mình vẫn còn hạn chế và có nhiều người hiểu biết hơn mình.

Câu 6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên, trong đoạn văn có sử dụng thành ngữ ếch ngồi đáy giếng.

Sau khi đọc xong truyện ngụ ngônẾch ngồi đáy giếng, em hiểu được mỗi người đều có sự hạn chế của bản thân, dù cho họ có là người hiểu biết đến đâu. Cũng chính vì vậy mà em cảm thấy cần phải trau dồi kiến thức, kỹ năng, phát triển bản thân hàng ngày, không ngừng. "Ếch ngồi đáy giếng" không chỉ là tên một câu chuyện ngụ ngôn mà nó đã trở thành một thành ngữ để nói đến những người như chú ếch trong truyện. Đã có người từng nói: "Ai cũng là con ếch, chỉ khác nhau cái giếng mà thôi". Em rất tâm đắc với câu nói đó. Cũng vì vậy, em sẽ cố gắng trau dồi bản thân nhiều hơn.

CÂU HỎI

Câu 1. Em hãy nêu bối cảnh của truyệnĐeo càyl giữa đường.

Bối cảnh của truyện Đẽo cày giữa đường: Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.

Câu 2. Người thợ mộc hành động như thế nào sau mỗi lần được góp ý?

- Sau mỗi lần được góp ý, người thợ mộc đều nghe theo ý kiến của người góp ý.

Câu 3. Vì sao người thợ mộc lại phải chịu hậu quả: "Vốn liếng đi đời nhà ma"?

- Người thợ mộc phải chịu hậu quả "vốn liếng đi đời nhà ma" vì anh ta đã cả tin người khác, không có chính kiến của mình.

Câu 4. Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường là gì?

- Theo em, có thể rút bài học từ câu chuyện này:

+ Không tin cả tin người.

+ Cần có chính kiến.

+ Cần tìm hiểu kỹ khi muốn làm một việc gì đó.

- Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường: hành động một cách thiếu chủ kiến, quá bị động bởi ý kiến của những người xung quanh nên cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.

Câu 5. Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện Đẽo cày giữa đường và kể lại ngắn gọn sự việc đó.

Một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện Đẽo cày giữa đường: Bạn An muốn làm một chiếc đèn trung thu. Người thì bảo bạn nên làm đèn hình ông sao, người lại bảo bạn nên làm đèn kéo quân. Bạn cứ phân vân mãi không biết phải làm thế nào cho phải.

SOẠN BÀI 6 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ÉCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước truyện Đẽo cày giữa đường; tìm đọc những truyện ngụ ngôn có ý nghĩa và bài học tương tự truyện này.

Trả lời:

- Truyện ngụ ngôn có ý nghĩa và bài học tương tự truyện Đẽo cày giữa đường là truyện Treo biển.

CH2. Trước một sự việc, hiện tượng có nhiều ý kiến khác nhau, em sẽ suy nghĩ và hành động như thế nào?

Trả lời:

- Trước một sự việc, hiện tượng có nhiều ý kiến khác nhau, em sẽ xem xét về sự việc, hiện tượng đó, đồng thời xem xét các ý kiến và tự đưa ra ý kiến của riêng mình.

2. ĐỌC HIỂU

CH1. Người thợ mộc được góp ý những gì? Anh ta xử lý ra sao?

Trả lời:

- Người thợ mộc được góp ý về cách đẽo cày. Anh ta đều nghe theo lời mọi người mà không có chính kiến.

CH2. Người thợ mộc phải chịu hậu quả như thế nào?

Trả lời:

- Người thợ mộc phải chịu hậu quả là bao nhiêu gỗ của anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá, vốn liếng đi đời nhà ma.

SOẠN BÀI 6 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TỤC NGŨ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI (1)

CH1. Nhận xét về số lượng tiếng, vần, nhịp,... của các câu tục ngữ trong văn bản.

Trả lời:

Nhận xét về số lượng tiếng, vần, nhịp,... của các câu tục ngữ trong văn bản:

- Số lượng tiếng: đa số từ bốn đến mười tiếng.
- Vần đa dạng: vần lưng, vần chân, vần sát, vần cách.
- Nhịp: nhịp chẵn.

CH2. Nhận biết và chỉ ra tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu tục ngữ trên.

Trả lời:

Nhận biết và chỉ ra tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu tục ngữ trên:

- Biện pháp tu từ: điệp từ "học" trong câu 10.
- Tác dụng: nhấn mạnh vào hành động học, cho thấy việc học là quan trọng, cần thiết, và phải học rất nhiều, từ những cái nhỏ nhất.

CH3. Các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động đã phản ánh những kinh nghiệm gì? Những kinh nghiệm ấy có vai trò như thế nào đối với người lao động?

Trả lời:

- Các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động đã phản ánh những kinh nghiệm từ thực tiễn của nhân dân.
- Những kinh nghiệm ấy giúp người lao động có thể đoán biết thời tiết, biết cách trồng trọt, chăn nuôi, sinh sống, từ đó làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Câu 4. Các câu tục ngữ về con người, xã hội muốn nhắn gửi mọi người điều gì?

Trả lời:

Các câu tục ngữ về con người, xã hội muốn nhắn gửi mọi người:

- + Cần chăm chỉ, siêng năng
- + Cần có lối sống gọn gàng, sạch sẽ
- + Cần biết yêu thương, giúp đỡ người khác
- + Cần biết hợp sức để đạt được thành quả
- + Cần học tập từ những điều nhỏ nhất

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 5. Trong những câu tục ngữ trên, em thích câu nào nhất? Vì sao?

- Trong những câu tục ngữ trên, em thích câu tục ngữ số 9 nhất.
- Em thích câu số 9 nhất vì nó có hình thức là thơ lục bát và có mang màu sắc trữ tình.

Câu 6. Theo em, các câu tục ngữ trên có còn hữu ích với cuộc sống ngày nay không? Hãy nêu một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động và một câu tục ngữ về con người, xã hội mà em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày nay.

- Theo em, các câu tục ngữ trên còn hữu ích với cuộc sống ngày nay.
- Một câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày nay: "Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa".
- Một câu tục ngữ về con người, xã hội mà em thấy vẫn có ích với cuộc sống ngày nay: "Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

SOẠN BÀI 6 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 9)

Câu 1. Xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu dưới đây. Cách nói quá trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

a) Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

(Tục ngữ)

b) Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.

(Tục ngữ)

c) Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bung bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần!

(Ca dao)

Trả lời:

Câu	Biện pháp tu từ nói quá	Điều muốn biểu thị	Tác dụng
a	- chưa nằm đã sáng - chưa cười đã tối	Nói đến mùa hè ngày dài, đêm ngắn và mùa đông ngày ngắn, đêm dài.	Gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm để nói đến cảm quan về thời gian trong ngày của mùa hè và mùa đông.
b	tát biển Đông cũng cạn	Những việc to lớn, phi thường tưởng như phi thực tế đề có thể thành hiện thực.	Đề cao sự hòa thuận giữa vợ chồng trong gia đình, biểu thị sự hòa thuận thì việc khó thế nào cũng có thể làm được.
c	mồ hôi thánh thót như mưa	Mồ hôi nhiều, biểu thị sự vất vả trong việc cày cấy, làm nông.	Cho thấy được sự vất vả trong việc cày cấy, làm nông. Từ đó gửi gắm thông điệp về việc trân trọng những hạt gạo, bát cơm hay rộng ra là các sản phẩm nông nghiệp.

Câu 2. Tìm cách nói quá tương với cách nói thông thường:

Cách nói quá

1) nghìn cân treo sợi tóc

2) trăm công nghìn việc

3) hiền như đất

4) trói gà không chặt

Mẫu: 1) - d)

Trả lời:

2) - c)

3) - a)

4) - b)

Cách nói thông thường

a) rất hiền lành

b) quá yếu, không quen lao động chân tay

c) rất bận

d) ở tình thế vô cùng nguy hiểm

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu sau. Cách nói giảm - nói tránh trong mỗi trường hợp đó biểu thị điều gì? Chỉ ra tác dụng của chúng.

a) Có người thợ dựng thành đồng

Đã yên nghỉ tận sông Hồng, mẹ ơi!

(Thu Bồn)

b) Ông mất năm nao, ngày độc lập

Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao

Bà "về" năm đói, làng treo lưới

Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...

(Tố Hữu)

c) Năm ngoái, cụ Bộ Ngựa già yếu đã khuất núi.

(Tô Hoài)

Câu	Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh	Điều muốn biểu thị	Tác dụng
a	yên nghỉ tận sông Hồng	cái chết	Làm cho cách diễn đạt trở nên tế nhị, ý tứ, trang trọng, khiến cho cái chết đau buồn trở thành một sự hào hùng, mang dáng vẻ sử thi.
b	mất, về	cái chết	Tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề khi nói về cái chết của "ông" và "bà".
c	khuất núi	cái chết	Làm cho cách diễn đạt trở nên tế nhị, tránh sự thô tục, thiếu lịch sự về cái chết của cụ Bộ Ngựa già yếu.

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) về một chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh.

Sắp đến kì thi tuyển chọn học sinh giỏi, em và Lan cùng nhau ôn tập. Lan hay than thở: "Bài tập và kiến thức ngập mặt!". Em biết Lan đã rất cố gắng và bạn cũng đang cảm thấy lo lắng, áp lực. Em vẫn thường an ủi, động viên Lan rằng bạn là người học giỏi và

vượt qua được mọi thách thức. Đến ngày thi tuyển chọn, sau khi làm bài xong, mặt của em và Lan đều tươi cười rạng rỡ. Kết quả kì thi thực sự ngọt ngào cho những công sức của chúng em.

Biện pháp tu từ nói quá: "Bài tập và kiến thức ngập mặt!"

SOẠN BÀI 6 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU BỤNG VÀ RĂNG, MIỆNG, TAY, CHÂN

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước truyện Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Ê-dốp (Aesop).

Trả lời:

Các học giả từ lâu đã tranh luận về danh tính của Aesop và trên thực tế, liệu rằng ông ta có từng tồn tại hay không. Ngay cả đối với người xưa, Aesop cũng là một điều bí ẩn. Một số người nghĩ ông ấy là một nô lệ, những người khác xem ông ấy như là một cố vấn của Vua Croesus, và vẫn còn những người khác lại xem ông ấy là một người Hy Lạp, một người Thracia, một người Ethiopia, hoặc một người đến từ đảo Samos chuyên tìm ra giải pháp hay câu trả lời cho những điều bí ẩn khó hiểu, người mà đã trở thành cố vấn cho vua Babylon.

Mặc dù chúng ta có thể không bao giờ biết liệu rằng đã từng có một người đàn ông được gọi là Aesop từng đi bộ trên trái đất, sáng tác hoặc thu thập các câu chuyện ngụ ngôn, và sau đó truyền lại chúng cho những người cùng thời của mình hay không, nhưng chúng ta biết chắc chắn rằng những câu chuyện đạo đức được thu thập lại dưới tên của ông ấy từ lâu đã ảnh hưởng đến nền văn hóa của chúng ta và góp phần vào việc giáo dục những người trẻ tuổi của chúng ta.

CH2. Trong thực tế cuộc sống, em đã từng ghen tị, so bì với người khác tương tự các nhân vật ở truyện ngụ ngôn này chưa? Hãy chia sẻ về câu chuyện ấy (nếu có).

Trả lời:

- Trong thực tế cuộc sống, em chưa từng ghen tị, so bì với người khác tương tự các nhân vật ở truyện ngụ ngôn này.

2. ĐỌC HIỂU

CH1. Lí do gì khiến các thành viên cơ thể phải họp bàn?

Trả lời:

- Lí do khiến các thành viên cơ thể phải họp bàn vì họ cho rằng Bụng không làm việc gì, chỉ việc hưởng thụ.

CH2. Chú ý cách phản ứng của các thành viên cơ thể.

Trả lời:

- Cách phản ứng của các cơ thể là đình công bằng cách tuyệt thực.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Kết quả cuối cùng thế nào?

- Kết quả khi các thành viên cơ thể đình công, tất cả đều trở nên xác xơ, mệt mỏi, rã rời.

Câu 2. Khổ thơ cuối có phải là bài học của truyện hay không?

- Khổ thơ cuối chính là bài học của truyện.

CÂU HỎI

Câu 1. Dựa vào văn bản Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân, hãy kể tóm tắt câu chuyện bằng văn xuôi.

Dựa vào văn bản Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân, kể tóm tắt câu chuyện bằng văn xuôi:

Các bộ phận trên cơ thể gồm Răng, Miệng, Tay, Chân phải làm việc suốt ngày. Họ thây Bụng chẳng phải làm việc gì cả mà chỉ cần hưởng thụ. Do thấy không công bằng, họ đã quyết định đình công cho Bụng phải biết góp sức vào làm việc. Nhưng khi họ đình công bằng cách tuyệt thực, không chỉ Bụng mà tất cả các bộ phận của cơ thể đều rã rời, không có sức sống. Đến lúc này, tất cả mới hiểu Bụng không phải chỉ biết hưởng thụ thành quả từ công sức lao động của các bộ phận khác mà chính nó cũng chẳng được ngơi phút nào.

Câu 2. Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần Kiến thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khác nhau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn đã học (Gợi ý: có thể dựa vào các yếu tố đề tài, cách kể, nhân vật, nội dung, bài học,...).

Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân	Ếch ngồi đáy giếng	Đeo càyl giữa đường		
Giống nhau		- Đều là truyện ngụ ngôn, nói lên những triết lí nhân sinh và bài học trong cuộc sống.		
Khác nhau	Đề tài	Sự đoàn kết của tập thể	Sự thiếu hiểu biết và thói hống hách của con người	Chính kiến của bản thân
	Cách kể	Văn vắn	Văn xuôi	Văn xuôi
	Nhân vật	Các bộ phận của con người	Động vật	Con người
	Nội dung	Răng, Miệng, Chân, Tay cho rằng Bụng chỉ biết hưởng thụ, không làm việc nên đã đình công bằng cách tuyệt thực. Sau đó tất cả đều mệt mỏi, rã rời. Các bộ phận cơ thể mới biết chúng đã nghĩ sai về Bụng vì Bụng vẫn	Con ếch ở trong giếng nghĩ mình là to lớn nhất, kêu ộp ộp làm các con vật khác trong giếng sợ hãi. Nó cũng cứ tưởng bầu trời chỉ bé bằng miệng giếng. Một hôm trời mưa, nước cao, ếch được ra khỏi giếng. Ra ngoài, vẫn giữ thói nghênh	Một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng để mua gỗ làm nghề đeo càyl. Cửa hàng của anh ta ở đường lớn, người qua kẻ lại nhiều. Tất cả bọn họ đều góp ý cho thợ mộc. Mỗi khi có ai góp ý anh ta liền nghe theo. Cuối cùng số gỗ đeo ra không

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ CẢNH ĐIỀU

		phải làm việc, chẳng được nghỉ ngơi.	ngang nên nó đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.	dùng được. Tài sản của anh ta đi đòi nhà ma. Khi đó anh ta mới biết cả tin người là đại.
	Bài học	Bài học về sự đoàn kết.	Bài học về sự khiêm tốn và trau dồi hiểu biết của bản thân.	Bài học về việc phải có chính kiến.

Câu 3. Theo em, có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân?

- Theo em, có thể rút ra bài học từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân: Trong một tập thể, cần phải có sự yêu thương, đoàn kết, thấu hiểu với những người trong một tập thể.

Câu 4. Tìm đọc truyện ngụ ngôn Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng của Việt Nam, so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê-dốp và nêu nhận xét của em

Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân	
Giống nhau	- Các nhân vật đều là bộ phận cơ thể người. - Cùng mang thông điệp về sự đoàn kết.	
Khác nhau	- Là truyện ngụ ngôn của Việt Nam. - Các nhân vật gồm: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng. - Được kể bằng hình thức văn xuôi.	- Là truyện ngụ ngôn của Ê-dốp. - Các nhân vật gồm: Bụng, Răng, Miệng, Tay, Chân. - Được kể bằng văn vần

SOẠN BÀI 6 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU TỤC NGŨ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI (2)

1. CHUẨN BỊ

Đọc trước văn bản Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (2); tìm hiểu thêm về những câu tục ngữ có đề tài và nội dung tương tự.

Trả lời:

Những câu tục ngữ có đề tài và nội dung tương tự văn bản Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (2):

- Có của lấy của che thân, không có của lấy thân che của.
- Dây thẳng mất lòng cây gỗ cong.
- Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền.
- Trồng khoai đất lạ, gieo mạ đất quen.

2. ĐỌC HIỂU

CH2. Đề tài các câu tục ngữ ở đây có gì giống với các câu tục ngữ đã học ở trước?

Trả lời:

- Đề tài các câu tục ngữ ở văn bản này đều nói về những kinh nghiệm của người xưa về thế giới tự nhiên và đời sống con người.

B. Bài tập và hướng dẫn giải**CÂU HỎI**

Câu 1. Có thể chia các câu tục ngữ trong văn bản làm mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?

Có thể chia các câu tục ngữ trong văn bản thành 3 nhóm. Đó là các nhóm:

- Nhóm tục ngữ về thiên nhiên.
- Nhóm tục ngữ về lao động.
- Nhóm tục ngữ về con người, xã hội.

Câu 2. Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ trên.

- Cách hiểu của em về các câu tục ngữ trên: Các câu tục ngữ trên là kinh nghiệm của người xưa về thế giới thiên nhiên, về lao động, sản xuất và về cách ứng xử của con người trong xã hội.

Câu 3. Những câu tục ngữ trong văn bản có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?

- Những câu tục ngữ trong văn bản là những kinh nghiệm đã được đúc rút, giúp cho con người dựa vào đó mà biết đoán biết được thời tiết, biết cách lao động, sản xuất và cách sống trong xã hội.

Câu 4. Theo em, vì sao nói: Tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân?

- Theo em, nói tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân vì tục ngữ là những câu nói đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên và đời sống xã hội. Những kinh nghiệm đó giúp ích cho con người. Vì vậy, tục ngữ cho thấy tư duy, sự thông minh của con người. Đối với Việt Nam, tục ngữ là cả một kho tàng. Nên có thể nói tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân.

Câu 5. Hãy nêu một câu tục ngữ mà em thấy có ích đối với cuộc sống của chính mình.

- HS tự chia sẻ

SOẠN BÀI 6 VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT**B. Bài tập và hướng dẫn giải**

Đề bài: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn "Đẽo cày giữa đường".

Trong cuộc sống, sẽ có lúc con người ta phải đưa ra các lựa chọn, quyết định của riêng mình. Những lựa chọn, quyết định đó sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của ta. Vì vậy phải nghĩ cho kĩ càng và có chính kiến không phải là dễ. Tôi nhớ đến nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường. Đó là một người không có chính kiến, có phần ba phải để rồi khi nhận được bài học cho bản thân thì đã quá muộn.

Người thợ mộc trong truyện Đẽo cày giữa đường cũng có những tính chất tốt đẹp. Trước khi anh chọn nghề đẽo cày thì cũng đã có cả một gia sản. Không ai biết gia sản của anh do đâu mà có. Nhưng có thể thấy, anh đã dám bỏ ra cả gia sản để chọn một cái nghề và hy vọng vào sự thành đạt ngày sau. Nói cách khác, anh là một người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Anh ta đã chọn cái nghề đẽo cày phù hợp với danh xưng "thợ mộc" của mình. Ở đây, ta thấy được hai đặc điểm tốt ở anh. Anh thợ mộc là một người có tay nghề đồng thời đã biết chọn công việc phù hợp là đẽo cày.

Tuy đã có quyết định đúng đắn bước đầu, nhưng các quyết định phía sau của anh lại là những sai lầm. Năm lần bảy lượt anh đều nghe theo ý kiến của những người qua đường. Cả gia sản trong tay mà anh lại dùng nó thiếu tính toán kỹ lưỡng để rồi những gia sản ấy đi đời nhà ma. Có thể thấy ở đây, không những anh thợ mộc là người ba phải, mà còn cho thấy anh có mong muốn làm giàu nhưng lại thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết nên không có suy nghĩ và hành động đúng, dẫn đến kết quả thất bại thảm hại.

Truyện Đẽo cày giữa đường hướng đến đặc điểm một kiểu người trong xã hội. Đó là những người thiếu hiểu biết nên dễ thay đổi, thiếu chủ kiến và quá bị động. Nhan đề của truyện ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường đã trở thành một thành ngữ. Đó có lẽ là một cách để con người thận trọng hơn trong việc lắng nghe những ý kiến góp ý của người khác, phải biết cân nhắc, chọn lọc được ý kiến phù hợp, đúng đắn.

SOẠN BÀI 6 TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI THƠ THẦY BÓI XEM VOI VÀ TỤC NGŨ

VĂN BẢN 1: THẦY BÓI XEM VOI

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 3):

Câu 1. Để tìm hiểu con voi, mỗi ông thầy bói đã làm gì?

- A. Sờ toàn bộ con voi
- B. Tìm hiểu hoạt động của con voi
- C. Sờ vào một bộ phận của con voi
- D. Góp tiền biếu và hỏi người quản voi

Trả lời:

- C. Sờ vào một bộ phận của con voi

Câu 2. Vì sao năm ông thầy bói nói sai về con voi?

- A. Chỉ vì con voi quá to, không thể sờ hết
- B. Chỉ sờ bằng tay, không cần suy luận
- C. Chỉ tập trung tranh cãi, không nhường nhịn nhau
- D. Chỉ lấy cái bộ phận, đơn lẻ để suy ra cái tổng thể

Trả lời:

- D. Chỉ lấy cái bộ phận, đơn lẻ để suy ra cái tổng thể

Câu 3. Theo em, qua việc "xem voi" của các thầy bói, tác giả dân gian muốn nhắn nhủ điều gì?

- A. Không nên nhìn nhận sự vật, sự việc một cách phiến diện, chủ quan
- B. Để tìm hiểu đúng sự vật, sự việc, không nên tranh cãi nhau
- C. Để tìm hiểu đúng sự vật, sự việc, không nên nghe người khác
- D. Cần tự tin, chỉ dựa vào ý kiến của mình để tìm hiểu sự vật, sự việc

Trả lời:

- A. Không nên nhìn nhận sự vật, sự việc một cách phiến diện, chủ quan

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) kể lại một chi tiết mà em thích nhất trong truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi.

Trả lời:

Trong truyện Thầy bói xem voi, em thích nhất là chi tiết khi nghe thấy có voi đi qua, các thầy bói liền chung tiền biếu người quản voi để xin xem voi. Người ta sẽ phải đặt ra hoài nghi rằng thầy bói, vốn trên thông thiên văn, dưới tường địa lí, có thể đoán biết mọi sự, thế mà đến con voi cũng phải biếu tiền người khác để sờ xem nó thế nào. Vậy thì hóa ra thầy bói ở đây là thầy bói... rơm! Cũng vì thế mà nhan đề Thầy bói xem voi trở nên có phần giễu cợt, ngụ ý những người tưởng là hiểu biết mà lại chẳng biết điều gì.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):

Câu 1. Câu tục ngữ Tháng Bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt nghĩa là gì?

- A. Tháng Bảy có kiến bò ra nhiều là lúc gieo trồng phù hợp
- B. Tháng Bảy có kiến bò ra nhiều là sắp có mưa to gây lụt lội
- C. Tháng Bảy có kiến bò ra nhiều là dự báo trời sắp có nắng to
- D. Tháng Bảy có kiến bò ra nhiều báo hiệu sắp hết mưa gió, lũ lụt

- B. Tháng Bảy có kiến bò ra nhiều là sắp có mưa to gây lụt lội

Câu 2. Ý nghĩa câu tục ngữ Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền là gì?

- A. Khẳng định làm ao là có hiệu quả nhất, sau đó là làm vườn và làm ruộng
- B. Khẳng định tầm quan trọng của các cách sản xuất ở nông thôn xưa
- C. Khẳng định việc sản xuất ở nông thôn xưa có ba cách chính
- D. Khẳng định làm ruộng là có hiệu quả nhất, sau mới đến làm ao và vườn

- A. Khẳng định làm ao là có hiệu quả nhất, sau đó là làm vườn và làm ruộng

Câu 3. Biện pháp nói quá được sử dụng trong câu tục ngữ nào?

- A. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.
- B. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- C. Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền.
- D. Tháng Bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.

- A. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu tục ngữ Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo?

- A. Biện pháp nhân hóa
- B. Biện pháp ẩn dụ
- C. Biện pháp so sánh
- D. Biện pháp điệp ngữ

- B. Biện pháp ẩn dụ

BÀI 7: THƠ

SOẠN BÀI 7 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NHỮNG CÁNH BUỒM**1. CHUẨN BỊ**

CH1. Đọc trước văn bản Những cánh bướm và tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Hoàng Trung Thông.

Trả lời:

- Thông tin về tác giả Hoàng Trung Thông:
- + Hoàng Trung Thông (1925 - 1993), quê ở Nghệ An.
- + Còn có những bút danh khác như Đặc Công, Bút Châm.
- + Là nguyên tổng biên tập báo Văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Giám đốc Nhà xuất bản Văn học, nguyên Vụ trưởng Vụ Văn nghệ thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương, Viện trưởng Viện Văn học (Việt Nam).
- + Là người có học vấn uyên bác.
- + Thơ Hoàng Trung Thông ảnh hưởng mạnh mẽ và tác động tới đời sống nhiều thế hệ. "Trong thâm tâm, anh là con người nhỏ bé, của những con người nhỏ bé. "Trong thơ, anh chỉ là nhà thơ của những người nhỏ bé" và "chỉ có một Hoàng Trung Thông nhỏ bé, không hài lòng với chính mình. Đó là cái lớn của Hoàng Trung Thông". (Phan Ngọc)

CH2. Nhớ lại những ước mơ của em khi còn nhỏ. Chia sẻ với các bạn về một trong những ước mơ ấy.

Trả lời:

- Những ước mơ của em khi còn nhỏ: trở thành nghệ sĩ piano, trở thành nhà văn,... Khi còn nhỏ, em rất thích đánh đàn và làm thơ, chính vì vậy em mới có những ước mơ đó.

B. Bài tập và hướng dẫn giải**2. ĐỌC HIỂU**

Câu 1. Lưu ý các từ ngữ chỉ không gian, thời gian ở hai khổ thơ đầu.

- Các từ ngữ chỉ không gian cho thấy không gian ở biển, rộng lớn. Các từ ngữ chỉ thời gian cho thấy thời gian là buổi sáng.

Câu 2. Xác định các từ láy có trong bài thơ và tìm nghĩa của chúng.

Các từ láy có trong bài thơ và nghĩa của chúng:

- + Rực rỡ: có màu sắc tươi sáng đẹp đẽ và nổi bật hẳn lên, làm cho ai cũng phải chú ý.
- + Lênh khênh: cao quá mức, gây ấn tượng không cân đối, khó đứng vững.
- + Rả rích: từ gọi tả những âm thanh không to, không cao lặp đi lặp lại đều đều và kéo dài như không dứt.
- + Phoi phới: vẻ vui tươi đầy sức sống của cái gì đang phát triển, đang dâng lên mạnh mẽ.
- + Trầm ngâm: có dáng vẻ đang suy nghĩ nghiền ngẫm điều gì.
- + Thầm thì: nói thầm với nhau, không để người ngoài nghe thấy (nói khái quát).

Câu 1. Người cha có những cử chỉ, tâm sự như thế nào?

- Người cha có:
- + Những cử chỉ ấm áp, yêu thương người con: mỉm cười, xoa đầu.
- + Tâm sự: Những cánh bướm sẽ đưa con người đi đến những vùng đất mới, cho con người những trải nghiệm và hiểu biết mới.

Câu 2. Dấu chấm lửng trong khổ thơ này có tác dụng gì?

- Dấu chấm lửng trong khổ thơ này có tác dụng: thể hiện lời nói ngập ngừng.

Câu 3. Em hiểu ý của dòng thơ cuối bài là gì?

- Em hiểu ý của dòng thơ cuối bài có nghĩa: Người con có những ước mơ, khát vọng như người cha khi xưa, khiến người cha nhớ lại bản thân mình khi còn nhỏ/trẻ.

CÂU HỎI

Câu 1. Chỉ ra đặc điểm hình thức của bài thơ Những cánh buồm thể hiện qua các yếu tố: số tiếng ở các dòng thơ, số dòng ở mỗi khổ thơ, cách hiệp vần,...

- Số tiếng ở các dòng thơ: dài ngắn theo tùy theo nội dung.
- Số dòng ở mỗi khổ thơ: tùy theo nội dung.
- Cách hiệp vần: kết hợp cả vần lưng và vần chân.

Câu 2. Người cha và người con trò chuyện về điều gì? Dựa vào những hình ảnh có trong bài thơ, hãy tưởng tượng và miêu tả lại bằng lời của em về cảnh hai cha con đi dạo và trò chuyện trên bãi biển.

- Người cha và người con trò chuyện về phía chân trời có những gì.
- Dựa vào những hình ảnh có trong bài thơ, tưởng tượng và miêu tả lại bằng lời của em về cảnh hai cha con đi dạo và trò chuyện trên bãi biển:

Trời hừng sáng. Phía chân trời, mặt trời ló rạng những tia nắng đầu tiên, lấp lánh trên sóng biển dạt dào. Người cha dắt tay con đi dạo biên, không khí lúc này trong lành biết mấy. Cậu bé hỏi: "Bố ơi! Sao ở xa kia không có nhà, cây cối mà chỉ có mặt nước và bầu trời ạ?". Người cha xoa đầu con, cười âu yếm: "Đi theo những cánh buồm kia đến nơi xa, con sẽ thấy ở đó cũng đất, có nhà, có cây cối. Nơi đó vẫn là nước mình nhưng bố chưa đặt chân đến bao giờ". Hai cha con họ lại tiếp tục đi trên cát mịn. Lúc này ánh nắng đã nhiều hơn, chảy đầy vai họ. Cậu bé ngẫm nghĩ và nói: "Bố cho con mượn một cánh buồm trắng để con đi đến đó, bố nhé?!" Người cha nhìn con rồi lại nhìn phía chân trời xa xăm...

Câu 3. Trong bài thơ, hình ảnh "cánh buồm" được nhắc đến mấy lần? Hình ảnh đó tượng trưng cho điều gì?

- Trong bài thơ, hình ảnh "cánh buồm" được nhắc đến ba lần.
- Cánh buồm tượng trưng cho những ước mơ, khát vọng, hoài bão,... của bao thế hệ.

Câu 4. Qua những câu hỏi, lời nói của mình, người con đã bộc lộ ước mơ gì? Em có nhận xét gì về ước mơ đó?

- Qua những câu hỏi, lời nói của mình, người con đã bộc lộ ước mơ vươn ra thế giới bên ngoài để khám phá.
- Em thấy đó là một ước mơ, khát vọng tốt, có ích. Con người cần phải biết có ước mơ, vượt khỏi những giới hạn của bản thân.

Câu 5. Ước mơ của người con gợi cho người cha nhớ đến điều gì? Em hãy đóng vai người cha, diễn tả lại những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật này trước lời đề nghị của người con.

- Ước mơ của người con gợi cho người cha nhớ đến điều gì? Em hãy đóng vai người cha, diễn tả lại những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật này trước lời đề nghị của người con.

Câu 6. Em thích nhất khổ thơ hay hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?

Em thích nhất hình ảnh "ánh nắng chảy đầy vai". Vì hình ảnh này cho thấy sự tinh tế trong cái nhìn và cách miêu tả cả tác giả. Ở khổ thơ đầu và khổ thơ thứ hai, ánh nắng

được miêu tả là "rực rỡ biển xanh" và "ánh mai hồng". Những từ ngữ đó mới chỉ nói đến vẻ sáng và lấp lánh của ánh nắng. Nhưng "ánh nắng chảy đầy vai" lại cho thấy một cái nhìn khác. Đó là ánh nắng đã chiếu lên vai của con người, cụ thể ở đây là hai cha con. "Chảy" là một động từ biểu thị cho một sự vật nào đó rất nhiều, rất dài, đi từ nơi này đến nơi khác. Chỉ một từ "chảy", người đọc có thể hình dung ánh nắng lúc này không còn là nắng sớm mà đã là nắng của buổi sáng, đã nhiều hơn buổi ban mai.

SOẠN BÀI 7 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN MÂY VÀ SÓNG

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước bài thơ Mây và sóng, tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go (Rabindranath Tagore).

Trả lời:

- Thông tin về nhà thơ Ta-go:
- + Tên: Rabindranath Tagore
- + Năm sinh – năm mất: 1861 – 1941
- + Quê quán: Ấn Độ
- + Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,...

CH2. Nhớ lại những trò chơi với mẹ hoặc người thân trong gia đình khi em còn nhỏ và chia sẻ với bạn bè về cảm xúc của mình khi chơi những trò chơi đó.

Trả lời:

- Khi còn nhỏ, em đã chơi trò tập tầm vông với mẹ. Em cảm thấy vui khi mỗi khi được chơi cùng mẹ và cả hai mẹ con đều thắng.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Chú ý sự tưởng tượng của em bé và các hình ảnh đẹp trong đoạn thơ.

- Em bé tưởng tượng ra trên mây có người. Những hình ảnh đẹp trong đoạn thơ: bình minh vàng, vầng trăng bạc. Đó là những hình ảnh rất mê hoặc, hấp dẫn con người.

Câu 2. Những hình ảnh thiên nhiên nào được nhắc đến trong toàn bộ bài thơ?

- Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc đến trong toàn bộ bài thơ: mây, sóng, bình minh vàng, vầng trăng bạc, hoàng hôn.

Câu 3. Chú ý lời nói của em bé sau lời mời gọi của những người "trên mây" và "trong sóng".

- Lời nói của em bé sau lời mời gọi của những người "trên mây" và "trong sóng" luôn là lời từ chối và nghĩ đến mẹ: "Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?".

CÂU HỎI

Câu 1. Về hình thức, văn bản Mây và sóng có gì khác so với các văn bản thơ em đã học ở Bài 2 trong sách Ngữ văn 7, tập một? Bài thơ có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,...)?

- Về hình thức, văn bản Mây và sóng so với các văn bản thơ em đã học ở Bài 2 trong sách Ngữ văn 7, tập một có sự khác biệt:

+ Thể thơ của Mây và sóng là thể thơ tự do.

+ Thể thơ của các văn bản thơ ở Bài 2 trong sách Ngữ văn 7, tập một là thể thơ 4 chữ, thơ 5 chữ.

- Bài thơ có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.

Câu 2. Bài thơ có thể chia làm hai phần (phần 1: từ đầu đến "bầu trời xanh thẳm"; phần 2: còn lại). Em hãy chỉ ra những nét giống nhau và khác nhau của hai phần đó về số dòng, hình ảnh, cách tổ chức mỗi phần.

- Bài thơ có thể chia làm hai phần (phần 1: từ đầu đến "bầu trời xanh thẳm"; phần 2: còn lại). Những nét giống nhau và khác nhau:

		Phần 1	Phần 2
Giống nhau		Cách tổ chức mỗi phần	
Khác nhau	Số dòng	9 dòng	10 dòng
	Hình ảnh	- mây - bình minh vàng - vàng trắng bạc	- sóng - hoàng hôn

Câu 3. Cuộc vui chơi của những người "trên mây" và "trong sóng" hấp dẫn ở chỗ nào? Tại sao em bé không tham gia những cuộc vui chơi đó?

- Cuộc vui chơi của những người "trên mây" và "trong sóng" hấp dẫn ở chỗ họ chơi từ sáng sớm đến tận tối, họ đi ngao du, ngắm bình minh vàng, vàng trắng bạc.

- Em bé không tham gia những cuộc vui chơi đó vì em nghĩ đến mẹ, biết mẹ ở nhà đang đợi mình.

Câu 4. Theo em, vì sao những trò chơi do em bé tạo ra lại "thú vị" và "hay hơn"?

- Theo em, những trò chơi do em bé tạo ra lại "thú vị" và "hay hơn" vì em vừa thỏa mãn việc được vui chơi, vừa được chơi cùng mẹ.

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của dấu chấm lửng trong những câu dưới đây:

a) Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,.... (Hồ Chí Minh)

b) Cha mượn cho con buồm trắng nhé,

Để con đi...

(Hoàng Trung Thông)

c) Về đây mới thấy, sen xứng đáng để... ngợp. (Văn Công Hùng)

d) Nhưng... xin lỗi... - Từ đầu dây bên kia có giọng kinh ngạc phản đối - Tôi không thể...! (Brét-bơ-ry)

Tác dụng của dấu chấm lửng trong những câu dưới đây:

a) Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.

b) Thể hiện lời nói ngập ngừng.

c) Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

d) Thể hiện lời nói bỏ dờ hay ngập ngừng, ngắt quãng vì lí do gì đó.

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) giải thích nghĩa của các từ in đậm trong hai dòng thơ dưới đây và cho biết em dựa vào đâu để xác định được nghĩa của mỗi từ đó:

Ngày ngày Mặt Trời đi qua trên lăng

Thấy một Mặt Trời trong lãng rất đỏ.

(Viễn Phương)

Hai dòng thơ của Viễn Phương đều xuất hiện từ "Mặt Trời". Thế nhưng mỗi từ "Mặt Trời" lại có ý nghĩa khác nhau. Ở dòng thứ nhất, với các từ "ngày ngày", "đi qua trên lãng", người đọc có thể hiểu "Mặt Trời" ở đây được dùng với nghĩa gốc - chỉ một thiên thể. Ở dòng thơ thứ hai, "Mặt Trời" không còn là từ với nghĩa gốc mà đã trở thành một từ mang nghĩa tạm thời của ngữ cảnh. Không có một Mặt Trời thiên thể nào thực sự ở trong lãng cả! Đó chỉ là cách nói ẩn dụ về Bác Hồ cũng đã soi sáng cho dân tộc Việt Nam và mãi mãi bất tử. Cách nói ấy cho thấy Mặt Trời vĩnh hằng, và Bác Hồ cũng vĩnh hằng như vậy.

SOẠN BÀI 7 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 25)

CH1. Dựa vào ngữ cảnh, xác định nghĩa của các từ ngữ in đậm trong khổ thơ dưới đây:

Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái
Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mồi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?

(Nguyễn Khoa Điềm)

Trả lời:

- quả: kết tinh, sản phẩm của xã hội.
- quả non xanh: đã trưởng thành, nhưng chưa có sự chín chắn, chưa có nhiều kinh nghiệm sống, vẫn còn nhiều vụng dại,...

CH2. Tìm biện pháp tu từ được sử dụng trong các dòng thơ dưới đây. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó đối với việc miêu tả sự vật.

Cha lại dắt con đi trên cát mịn
Ánh nắng chảy đầy vai

(Hoàng Trung Thông)

Trả lời:

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong các dòng thơ đã cho: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.
- Cụ thể: Ánh nắng được miêu tả bằng từ "chảy" - từ vốn được dùng cho các chất lỏng khiến cho ánh nắng không chỉ đơn thuần là nguồn ánh sáng không định hình, mà giờ đây có thể cảm nắng được.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của dấu chấm lửng trong những câu dưới đây:

a) Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... (Hồ Chí Minh)

b) Cha mượn cho con buồm trắng nhé,

Để con đi...

(Hoàng Trung Thông)

c) Về đây mới thấy, sen xứng đáng để... ngợp. (Văn Công Hùng)

d) Nhưng... xin lỗi... - Từ đầu dây bên kia có giọng kinh ngạc phản đối - Tôi không thể...! (Brét-bơ-ry)

Tác dụng của dấu chấm lửng trong những câu dưới đây:

- Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.
- Thể hiện lời nói ngập ngừng.
- Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.
- Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng vì lí do gì đó.

SOẠN BÀI 7 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU MẸ VÀ QUẢ

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Mẹ và quả; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Khoa Điềm.

Trả lời:

- Thông tin về tác giả Nguyễn Khoa Điềm:

- + Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên Huế.
- + Tốt nghiệp khoa Văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- + Từng tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa III, là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam khóa V, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, từng là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Sau Đại hội X của Đảng, ông về nghỉ hưu ở Huế; tiếp tục làm thơ.
- + Thuộc thế hệ nhà thơ thời kì chống Mỹ. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Năm 2000, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.
- + Tác phẩm chính: Đất ngoại ô (thơ, 1972), Mặt đường khát vọng (trường ca, 1974), Ngôi nhà có ngọn lửa ấm (thơ, 1986), Thơ Nguyễn Khoa Điềm (tuyển chọn, 1990), Cõi lặng (thơ, 2007).

CH2. Khi nghĩ về cha mẹ, điều gì khiến em xúc động nhất? Hãy chia sẻ điều đó với các bạn.

Trả lời:

- Khi nghĩ về cha mẹ, điều khiến em xúc động nhất là cha mẹ đã làm việc vất vả để nuôi em khôn lớn.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Số tiếng ở mỗi dòng, vần và nhịp của bài thơ.

Từ "lặn" và "mọc" ở đây nghĩa là gì?

- Số tiếng ở mỗi dòng: 7 - 8 tiếng xen kẽ nhau
- Vần: vần chân cách
- Nhịp: 3/4, 3/5, 3/2/3, 2/5.
- Từ "lặn" và "mọc" được sử dụng trong bài thơ có ý nghĩa mùa qua hết rồi mùa quả lại tới, là sự đều đặn, tuần hoàn cũng giống như cái lặn và mọc tuần hoàn của Mặt Trời và Mặt Trăng.

Câu 2. Hình ảnh này minh họa cho nội dung nào của bài thơ?



- Hình ảnh trong tranh minh họa cho nội dung người mẹ trồng bí, bầu và đã đến lúc được thu hoạch ("Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên/ Còn những bí và bầu thì lớn xuống").

Câu 3. Từ "quả" ở khổ 1 và từ "quả" ở khổ 3 có gì giống và khác nhau về nghĩa?

Từ "quả" ở khổ 1 và từ "quả" ở khổ 3 giống và khác nhau về nghĩa:

+ Giống: cùng chỉ kết quả của một quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc

+ Khác:

"Quả" ở khổ 1 chỉ bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển mà thành, bên trong có chứa hạt.

"Quả" ở khổ 3 chỉ con người, cụ thể là những đứa con ("lũ chúng tôi") của người mẹ.

CÂU HỎI

Câu 1. Bài thơ là lời của ai, nói với ai và về điều gì? Tâm trạng và thái độ của người nói như thế nào?

- Bài thơ là lời của người con - nhân vật xưng "tôi", nói với độc giả về hình ảnh người mẹ tảo tần, làm lụng để nuôi những đứa con và nỗi lòng của người con.

Câu 2. Người mẹ trong bài thơ không được miêu tả trực tiếp, nhưng người đọc vẫn nhận ra được phẩm chất của bà qua những dòng thơ nào?

- Người mẹ trong bài thơ không được miêu tả trực tiếp, nhưng người đọc vẫn nhận ra được phẩm chất của bà qua những dòng thơ ở khổ 1, khổ 2 và hai câu thơ đầu khổ 3.

Câu 3. Phân tích nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua một trong các yếu tố: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...

Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua biện pháp tu từ ẩn dụ:

- Sử dụng từ ngữ chỉ tính chất của Mặt Trời và Mặt Trăng để nói về những mùa quả.
- Sử dụng từ "quả" để nói về sự trưởng thành của những người con.

Câu 4. Ở hai dòng thơ cuối, vì sao nhà thơ lại "hoảng sợ" khi nghĩ mình vẫn còn là "một thứ quả non xanh"? (Gợi ý: "Quả non xanh" chỉ điều gì? Tại sao điều ấy làm tác giả "hoảng sợ"?). Bài thơ thể hiện được vẻ đẹp gì trong suy nghĩ, tình cảm của nhà thơ?

- Ở hai dòng thơ cuối, nhà thơ "hoảng sợ" khi nghĩ mình vẫn còn là "một thứ quả non xanh" vì nhà thơ sợ người mẹ đã phải làm lụng vất vả một đời, đến khi già yếu, trông mong, chờ đợi vào con cái thì con cái vẫn chưa lớn, chưa trưởng thành.

- Bài thơ thể hiện tình yêu thương mẹ của nhà thơ.

Câu 5. Em thích dòng thơ, khổ thơ nào nhất? Bài thơ nói giúp em điều gì khi nghĩ về cha mẹ mình?

- Em thích khổ thơ thứ ba nhất.
- Khi nghĩ về cha mẹ mình, bài thơ đã nói giúp em về tình yêu thương cha mẹ dành cho em, và cho em biết mình cần phải yêu thương, quý trọng cha mẹ.

SOẠN BÀI 7 VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ

Đề bài: Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông).

Trả lời:

Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông là một bài thơ viết về hình ảnh cha con để nói lên những ước mơ, khát vọng. Nhiều người khi đọc bài thơ này hẳn sẽ ấn tượng với hình ảnh cánh buồm, nhưng em lại ấn tượng với hình ảnh ánh nắng in lên vai hai cha con: "Ánh nắng chảy đầy vai". "Chảy" vốn là một từ được dùng cho chất lỏng, không phải cho ánh sáng. Vậy mà nhà thơ lại sử dụng nó để miêu tả sự chiếu sáng của ánh nắng. Vậy là từ một thứ không cầm nắm được, giờ đây ánh sáng đã được cụ thể hóa. Chính việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ này đã làm cho câu thơ gợi cảm hơn, khiến cho người đọc có nhiều liên tưởng hơn. Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông không chỉ có ý nghĩa về mặt nội dung, mà ở hình thức nghệ thuật của nó cũng thật ý nghĩa vì đã tạo nên những liên tưởng gợi cảm.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Mây và sóng (Ta-go).

Bài thơ Mây và sóng của Ta-go là một bài thơ giàu hình ảnh ẩn dụ và đề cao tình mẫu tử thiêng liêng. Hẳn nhiều người sau khi đọc xong bài thơ này sẽ ấn tượng với tình mẫu tử của hai mẹ con trong bài thơ, nhưng với tôi, tôi lại ấn tượng bởi cách tác giả tạo lập bài thơ. Đó là cách tác giả sử dụng hình ảnh ẩn dụ như mây, sóng để nói đến những điều kì thú của thiên nhiên, những điều hấp dẫn của thế giới. Đó là cách tác giả tạo nên cấu trúc hai đoạn thơ đầu trong bài. Chúng được sắp xếp theo một trình tự: Những điều hấp dẫn đang mời gọi đứa trẻ; Đứa trẻ rất háo hức nhưng nghĩ đến tình cảm mẹ dành cho mình nên đã từ chối. Việc lặp lại hình thức hai đoạn thơ đầu trong bài cũng là một cách lập rất... thơ! Người đọc tưởng như đến đoạn ba, cũng sẽ tiếp tục là một sự "cám dỗ" nào đó và em bé sẽ vượt qua. Nhưng không, ở đoạn thơ thứ ba, đó là sự thay đổi, em bé đã chủ động nghĩ ra những trò chơi thú vị và chơi cùng mẹ. Chính ở đoạn thơ này, tình mẫu tử được thể hiện rõ nét nhất, và đó cũng là thông điệp mà cả bài thơ hướng đến. Ai đó đã từng nói: "Nội dung là nội dung của hình thức. Hình thức là hình thức của nội dung". Cấu trúc trong bài thơ Mây và sóng quả thực đã góp phần thể hiện thành công tư tưởng của chính nó.

Đề bài: Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm).

Sau khi đọc xong bài thơ Mẹ và quả của Nguyễn Khoa Điềm, tôi đặc biệt ấn tượng với khổ thơ cuối trong đó. Ở khổ thơ cuối, ta có thể thấy được tình cảm của chủ thể trữ

tình dành cho mẹ. Đó là sự yêu thương xen lẫn với lo lắng. Sự lo lắng ở đây là chỉ sợ khi mẹ đã già yếu mà "lũ chúng tôi" vẫn chưa lớn khôn, vẫn chưa trở thành nơi dựa cho mẹ cậy nhờ, trông đợi. Tình mẫu tử luôn là một đề tài hay, nhưng nói cái gì trong đó mới tạo nên ấn tượng? Sự lo lắng khi mẹ già mà mình chưa lớn, chưa thành chỗ dựa cho mẹ là một nội dung cảm động và mới mẻ. Chưa cần nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ này, chỉ với nội dung, bài thơ Mẹ và quả của Nguyễn Khoa Điềm cũng đã đủ để chúng ta đọc và suy ngẫm.

SOẠN BÀI 7 TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI THƠ RỜI NGÀY MAI CON ĐI

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
- B. Bốn chữ
- C. Năm chữ
- D. Tự do

Trả lời:

- D. Tự do

Câu 2. Tác giả gieo vần nào trong toàn bài thơ?

- A. Vần lưng
- B. Vần chân
- C. Vần liền
- D. Vần hỗn hợp

Trả lời:

- D. Vần hỗn hợp

Câu 3. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào qua cụm từ "con xuống núi"?

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nói quá

Trả lời:

- B. Hoán dụ

Câu 4. Nghĩa của từ "ngỡ ngàng" trong bài thơ trên là gì?

- A. Không tin vào những gì nhìn thấy, nghe thấy lần đầu tiên
- B. Hết sức ngạc nhiên trước những điều mới lạ
- C. Tổ ra ngại, không dám làm việc gì
- D. Mất cảm giác do bị tác động đột ngột và quá mạnh

Trả lời:

- B. Hết sức ngạc nhiên trước những điều mới lạ

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 5. Theo tác giả, khi "con xuống núi", mỗi lần "vấp", con sẽ nhớ đến ai?

- A. Người bố
- B. Người mẹ
- C. Người thầy
- D. Mọi người

- C. Người thầy

Câu 6. Theo tác giả, đâu là hành trang quan trọng nhất đối với người con khi xuống núi?

- A. Cán rìu, lưỡi hái do bố mẹ cho
- B. Mo com, tay nải mà bố mẹ chuẩn bị
- C. Ngọn lửa hồng trong tim con do thầy giáo thắp lên
- D. Chiếc gậy, tay nải của người con

- C. Ngọn lửa hồng trong tim con do thầy giáo thắp lên

Câu 7. Phương án nào dưới đây liệt kê đúng và đầy đủ các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ năm?

- A. So sánh, liệt kê, ẩn dụ, điệp ngữ
- B. So sánh, tương phản, ẩn dụ, điệp ngữ
- C. Liệt kê, điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa
- D. Ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh

- A. So sánh, liệt kê, ẩn dụ, điệp ngữ

Câu 8. Người con trong bài thơ được căn dặn điều gì?

- A. Chăm chỉ học hành để có tương lai tươi sáng
- B. Cần tin tưởng vào bản thân mình
- C. Đừng quên mạch đá cội nguồn
- D. Hãy chảy như suối về với biển

- C. Đừng quên mạch đá cội nguồn

Câu 9. Em hiểu nội dung của hai dòng thơ sau như thế nào?

Đi như suối chảy về với biển

Chớ quên mạch đá cội nguồn

Hai dòng thơ Đi như suối chảy về với biển/ Chớ quên mạch đá cội nguồn là lời nhắn gửi của chủ thể trữ tình đối với người con miền núi đi xuống miền xuôi. Nội dung của lời nhắn gửi: Hãy tiến bước đi lên phía trước để đến với những phương trời rộng lớn hơn và trên chặng đường ấy hãy luôn nhớ đến cội nguồn, gìn giữ và phát huy bản sắc nguồn cội.

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc bài thơ Rồi ngày mai con đi.

Bài thơ Rồi ngày mai con đi là lời nhắn gửi tâm tình, động viên, cổ vũ của chủ thể trữ tình dành cho người con. Là một người từng trải, chủ thể trữ tình đã lường trước những điều có thể xảy ra như người con có thể bị vấp ngã, lạc lõng giữa ngã bảy, ngã mười hay sẽ ngỡ ngàng khi gặp lòng người đỏ, vàng, đen, trắng... Để vượt qua được những khó khăn, những lần vấp ngã, chủ thể trữ tình khuyên người con hãy nhớ về những bài học đã được thầy cô dạy dỗ. Những kiến thức ấy sẽ là hành trang đi theo con trong suốt cuộc đời, sẽ mang lại cho con cơm ăn, áo mặc. Trên hết, tác giả mong rằng người con miền núi sẽ mang trong mình ý thức về nguồn cội để vững bước đi về phía trước, vươn ra với biển lớn với những phương trời rộng mở.

BÀI 8: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

SOẠN BÀI 8 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**1. CHUẨN BỊ**

CH1. Đọc trước văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Tìm hiểu thêm các tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh và giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) của nhân dân ta để hiểu hơn hoàn cảnh ra đời, mục đích, ý nghĩa của văn bản.

Trả lời:

- + Hồ Chí Minh - Tiểu sử, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật
- + Góp phần tìm hiểu Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Nguyễn Thành, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
- + President Hồ Chí Minh and The Capital of Hà Nội, Nhà xuất bản Thế Giới
- Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) của nhân dân Việt Nam:
- + Sau Cách mạng tháng Tám, chủ tịch Hồ Chí Minh công bố Tuyên ngôn Độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Nhưng thực dân Pháp từ lâu đã có ý đồ xâm lược trở lại Đông Dương. Quân Pháp đã theo gót quân Anh vào miền Nam và gây hấn đánh chiếm Nam Bộ, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam bắt đầu.
- + Vào thời điểm này, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ đang đứng trước muôn vàn khó khăn, không thể tiến hành một cuộc chiến tranh quy mô cả nước với thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng chủ trương hòa hoãn nhân nhượng, cố gắng giải quyết cuộc xung đột Pháp - Việt bằng con đường hòa bình và đã trì hoãn được cuộc chiến tranh để có thời gian chuẩn bị lực lượng.
- + Không từ bỏ ý đồ xâm lược, Pháp ngày càng lấn tới đòi nhân dân Việt Nam hạ vũ khí đầu hàng. Khả năng hòa hoãn không còn, với tinh thần "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", đêm 19/12/1946, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung Ương Đảng, cả nước đứng lên kháng chiến. Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

2. ĐỌC HIỂU

CH2. Vai trò của phần (1) là gì?

Trả lời:

- Vai trò của phần (1) là để vào đề, giới thiệu vấn đề nghị luận và khẳng định: Nhân dân Việt Nam có một lòng nồng nàn yêu nước.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử ở phần (2) có tác dụng gì?

- Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử ở phần (2) có tác dụng làm bằng chứng, khẳng định cho các ý kiến và lí lẽ:

- + "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước."
- + "Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta."

Câu 2. Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong phần (2).

Lí lẽ	Bằng chứng
-------	------------

"Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta."	Những anh hùng dân tộc tiêu biểu cho một dân tộc anh hùng: Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...
"Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước."	- Các cụ già tóc bạc, các cháu nhi đồng trẻ thơ - Kiêu bào nước ngoài, đồng bào vùng tạm chiến, nhân dân miền ngược, miền xuôi - Những chiến sĩ ngoài mặt trận, công chức ở hậu phương - Phụ nữ khuyên chồng đi bộ đội, còn mình xung phong vận tải - Những bà mẹ chiến sĩ - Công nhân, nông dân

Câu 3. Nội dung chính của phần (3) là gì?

- Nội dung chính của phần (3) nói đến việc phải ra sức làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người được thực hành vào công việc yêu nước, kháng chiến.

Câu 4. Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta viết về vấn đề gì? Câu văn nào ở phần (1) khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong văn bản?

- Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta viết về vấn đề tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.
- Câu văn ở phần (1) khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong văn bản: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước."

Câu 5. Xác định nội dung chính của từng phần trong văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Phần 1 (từ đầu... "lũ bán nước và lũ cướp nước"): Khẳng định tinh thần yêu nước và truyền thống quý báu của dân tộc.
- Phần 2 (tiếp theo... "lòng nồng nàn yêu nước"): Tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ và hiện tại.
- Phần 3 (đoạn còn lại): Phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc trong thực tế là nhiệm vụ quan trọng.

Câu 6. Hãy dẫn ra một số ví dụ về ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong văn bản; theo mẫu sau:

Ý kiến	
Mẫu: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.	
Lí lẽ	Bằng chứng (dẫn chứng)
Mẫu: Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.	Mẫu: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...

Ví dụ về ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong văn bản:

Ý kiến

"Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước."	
Lí lẽ	Bằng chứng (dẫn chứng)
"Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước."	"Từ các cụ già... quyền đất ruộng cho Chính phủ,..."

Câu 7. Đọc phần (2) và cho biết:

- a) Các bằng chứng trong phần này được sắp xếp theo trình tự nào?
- b) Mô hình liệt kê theo mẫu câu: "Từ... đến..." đã giúp tác giả thể hiện được điều gì?
 - a) Các bằng chứng trong phần (2) được sắp xếp theo trình tự thời gian.
 - b) Mô hình liệt kê theo mẫu câu: "Từ... đến..." đã giúp tác giả thể hiện được các bằng chứng một cách hệ thống.

Câu 8. Theo em, mục đích của văn bản này là gì? Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?

- Theo em, mục đích của văn bản này là để khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam, từ đó nhằm hun đúc tinh thần yêu nước ấy trong kháng chiến.
- Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy:
 - + Lí lẽ và bằng chứng đầu tiên làm sáng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam trong lịch sử (ở thời điểm bài viết ra đời).
 - + Lí lẽ và bằng chứng thứ hai làm sáng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam "ngày nay" (ở thời điểm bài viết ra đời).

Câu 9. Qua văn bản này, em học được gì về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội (lựa chọn vấn đề nghị luận, bố cục bài viết, lựa chọn và nêu bằng chứng, diễn đạt,...)?

- Qua văn bản này, em đã học được về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội. Đầu tiên đó là phải chọn được vấn đề nghị luận. Sau đó, lên dàn ý cho bài nghị luận. Cần phải có ý kiến, lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, cụ thể và phải có một lập luận vững chắc, sắc sảo.

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Phần (1) nêu vấn đề trực tiếp hay gián tiếp? Câu nào chứa đựng thông tin chính?

- Phần 1 nêu vấn đề gián tiếp.
- Câu chứa đựng thông tin chính là: "Rất lạ lùng, rất kì diệu là trong 60 năm của một cuộc đời đầy sóng gió... Bác Hồ vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sỹ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp."

Câu 2. Lí lẽ được dùng kết hợp với dẫn chứng trong phần (2) như thế nào?

Lí lẽ được dùng kết hợp với dẫn chứng trong phần 2 là:

- + Lí lẽ: Bác Hồ là người sống giản dị.
- + Dẫn chứng: Bữa cơm chỉ có vài 3 món giản đơn, lúc ăn Bác không hề để rơi vãi một hạt cơm; Cái nhà sàn của Bác chỉ vẹn vẹn vài ba phòng; Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác, người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay...

Câu 3. Phần (3) nêu lí lẽ hay bằng chứng?

Phần (3) nêu cả lí lẽ và bằng chứng:

- + Lí lẽ: Bác sống giản dị nhưng không phải sống khắc khổ theo lối người tu hành.

+ Bằng chứng: Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống văn mình mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay.

CÂU HỎI

Câu 1. Vấn đề chính mà tác giả Phạm Văn Đồng nêu lên trong văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ là gì? Người viết đã làm sáng tỏ vấn đề đó từ những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác?

Vấn đề chính mà tác giả Phạm Văn Đồng nêu lên trong văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ là: Bác Hồ là người sống giản dị và tính giản dị của Bác Hồ cũng giống như là những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như thời đại là sự giản dị: "Không có gì quý hơn độc lập tự do!" "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... chân lí đó không bao giờ thay đổi".

- Tác giả đã làm sáng tỏ vấn đề đó từ những phương diện trong đời sống và con người của Bác như:

+ Bữa ăn của Bác chỉ có vài ba món giản đơn.

+ Nhà sàn của Bác chỉ có vài ba phòng.

+ Bác làm việc từ việc lớn như cứu nước đến những việc rất nhỏ như trồng cây trong vườn, viết thư cho một đồng chí...

+ Những việc Bác có thể tự làm Bác không cần người giúp, bên cạnh Bác người phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay.

+ Không chỉ giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người mà Bác cũng luôn giản dị trong lời nói và bài viết để quần chúng nhân dân hiểu, làm theo.

Câu 2. Chỉ ra trình tự triển khai nội dung, từ đó, nêu bố cục của văn bản.

- Trình tự triển khai nội dung nội dung:

(1) Hồ Chủ tịch luôn giữ nguyên được phẩm chất cao quý của người chiến sĩ cách mạng, vì nước, vì dân.

(2) Đời sống bình thường, giản dị của Bác Hồ.

(3) Bác không sống khắc khổ như nhà tu hành mà sống thanh tao theo kiểu nhà hiền triết. Đời sống vật chất càng giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, cao đẹp.

(4) Hồ Chủ tịch không chỉ giản dị trong đời sống mà giản dị trong cả lời nói và bài viết, giống như những chân lí lớn, chân lí của thời đại cũng luôn giản dị.

- Bố cục văn bản chia làm 4 phần.

+ Phần 1: Từ đầu... tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.: Giới thiệu về Hồ Chí Minh và sự trong sáng, thanh bạch của Người.

+ Phần 2: Tiếp... Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi!: Sự giản dị của Hồ Chí Minh trong nếp sống.

+ Phần 3: Tiếp... Bác Hồ nêu gương sáng trong thế hệ ngày nay.: Đời sống vật chất giản dị của Hồ Chí Minh hòa với đời sống tâm hồn phong phú.

+ Phần 4: Phần còn lại: Sự giản dị trong tác phong của Hồ Chí Minh hòa quyện với những chân lí lớn của nhân dân cũng như thời đại.

Câu 3. Nhận xét về cách viết nghị luận của tác giả ở phần (2). Điều gì làm nên sức thuyết phục của phần này?

- Cách viết nghị luận của tác giả ở phần (2): nêu lí lẽ kết hợp với dẫn chứng theo lối diễn dịch.

- Điều làm nên sức thuyết phục của phần này là tác giả đã nêu lí lẽ kết hợp với việc liệt kê rất nhiều dẫn chứng, chứng minh cho sự giản dị của Bác Hồ.

Câu 4. Trong phần (4), để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, người viết đã thuyết phục như thế nào?

Trong phần (4), để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, người viết đã thuyết phục bằng cách dẫn ra một ví dụ về sự giản dị của Hồ Chí Minh trong lời nói và bài viết. Khẳng định về ví dụ đó đã làm lay động trái tim của con người Việt Nam, trở thành sức mạnh vô địch đánh bay mọi kẻ thù.

Câu 5. Theo em, tác giả muốn khẳng định điều gì qua câu kết: "Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng các mạng."?

Theo em, qua câu kết: "Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng các mạng.", tác giả muốn khẳng định: Sự giản dị trong lời nói và bài viết của Bác Hồ đã làm lay động trái tim của những người Việt Nam. Sự giản dị ấy đã tạo nên sức mạnh to lớn, đánh bay mọi kẻ thù.

Câu 6. Qua văn bản, em hiểu như thế nào là đức tính giản dị? Em sẽ làm gì để rèn luyện đức tính ấy?

- Qua văn bản, em hiểu về đức tính giản dị: giản dị được biểu hiện trong các khía cạnh:

+ Giản dị trong đời sống cá nhân, với mọi người, trong tác phong.

+ Giản dị trong lời nói và bài viết.

- Để rèn luyện đức tính giản dị, em sẽ tập sống theo lối sống đơn giản, suy nghĩ mạch lạc, không làm phức tạp vấn đề.

Câu 3. Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây (ở văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ của Phạm Văn Đồng). Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.

a) Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ.

b) Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật.

Vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây (ở văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ của Phạm Văn Đồng). Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.

Câu	Cụm động từ	Động từ trung tâm	Thành tố phụ
a	- quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người - kính trọng như thế nào người phục vụ	- quý trọng - kính trọng	- biết bao kết quả sản xuất của con người - như thế nào, người phục vụ

b	sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật	sống	khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật
---	---	------	--

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận xã hội đã học. Chỉ ra tính mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó.

Sau khi học xong bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta của Hồ Chí Minh, em được hiểu thêm về một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc. Đó là những năm tháng tất cả đều có một lòng nồng nàn yêu nước, thực hiện vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến chống Pháp. Bài viết Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngắn gọn, nhưng đầy đủ. Cái đầy đủ ở đây là đầy đủ về việc nêu lên được lòng yêu nước của con người Việt Nam từ xa xưa đến hiện tại của bài viết. "Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ra ngày trước". Cái "ngày nay" trong văn bản của Bác Hồ và hiện tại cuộc sống là hai thời điểm khác nhau. Nhưng em tin rằng, câu văn đó cũng sẽ đúng cả với những người Việt Nam hiện đại.

- Tính mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn em viết:

+ Tính mạch lạc: Tất cả các câu trong đoạn văn đều nhằm nói về cảm nhận của em sau khi học xong bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn:

+ Phép thế: "Những năm tháng tất cả đều có một lòng nồng nàn yêu nước, thực hiện vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến chống Pháp" thay thế cho "một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc".

+ Phép lặp: Lặp từ "công việc", "đầy đủ", "ngày nay".

+ Phép nối: Sử dụng các từ ngữ có chức năng nối giữa các câu: "Đó là", "Nhưng".

2. ĐỌC HIỂU

- Ý khái quát được nêu trong phần (1) là gì?

- Phép lặp ở phần (2) có tác dụng biểu đạt điều gì?

- Ở thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu thêm gì về nội dung bài viết?

- Ý khái quát được nêu trong phần (1) là: con người Việt Nam luôn có sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc.

- Phép lặp ở phần (2) có tác dụng làm cho câu ăn trở nên có nhịp điệu, cá từ ngữ lặp lại được nhấn mạnh, tạo ấn tượng mạnh với người đọc.

- Thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu nội dung bài viết là nhân dịp ngày Thương binh liệt sĩ, tác giả viết bài để tưởng nhớ công ơn những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

CÂU HỎI

Câu 1. Văn bản Tượng đài vĩ đại nhất viết về vấn đề gì? Vì sao có thể cho rằng vấn đề đó rất đáng quan tâm?

- Mục đích của văn bản là để cho người đọc thấy được sự hi sinh của con người Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến và cho người đọc hiểu được "tượng đài vĩ đại nhất" là gì.

- Lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó:

+ Lí lẽ (1):

"Mỗi làng quê Việt Nam, dù ở vùng nào, giai đoạn nào, cũng lưu giữ những câu chuyện về sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc."

"Sự hi sinh, đóng góp công của, sức lực, trí tuệ vì non sông đất nước của người Việt Nam là vô bờ bến."

+ Bằng chứng (1):

"Trên dải đất hình chữ S này, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tác đất đều thành sự tích, đều in hình bóng những anh hùng liệt sĩ xả thân vì dân tộc..."

"Trên mọi nẻo đường đất nước, từ Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên,..., từ con đường Trường Sơn đến con đường trên Biển Đông và cả con đường trên không, có nơi đâu không có dấu tích của cuộc chiến tranh vệ quốc; có nơi đâu không lưu giữ hình hài, vóc dáng của những người con ưu tú đất Việt! Mảnh đất có máu xương chiến sĩ trộn hòa trở nên vô cùng thiêng liêng; đây chính là phen giậu, pháo đài, cột mốc vững bền."

+ Lí lẽ (2): "Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước."

+ Bằng chứng (2):

"Biết bao nhà yêu nước cách mạng ra pháp trường, biết đầu rơi, máu chảy vẫn lạc quan, tin vào ngày mai chiến thắng."

"Hàng ngàn, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt bỏ tù đầy, tra tấn bằng đủ thứ cực hình, vẫn một dạ trung kiên."

"Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng giặc; những thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận, biết mình có thể hi sinh vẫn không chùn bước..."

Câu 2. Mục đích của văn bản này là gì? Hãy chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó.

- Mục đích của văn bản là để cho người đọc thấy được sự hi sinh của con người Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến và cho người đọc hiểu được "tượng đài vĩ đại nhất" là gì.

- Lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó:

+ Lí lẽ (1):

"Mỗi làng quê Việt Nam, dù ở vùng nào, giai đoạn nào, cũng lưu giữ những câu chuyện về sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc."

"Sự hi sinh, đóng góp công của, sức lực, trí tuệ vì non sông đất nước của người Việt Nam là vô bờ bến."

+ Bằng chứng (1):

"Trên dải đất hình chữ S này, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tác đất đều thành sự tích, đều in hình bóng những anh hùng liệt sĩ xả thân vì dân tộc..."

"Trên mọi nẻo đường đất nước, từ Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên,..., từ con đường Trường Sơn đến con đường trên Biển Đông và cả con đường trên không, có nơi đâu không có dấu tích của cuộc chiến tranh vệ quốc; có nơi đâu không lưu giữ hình hài, vóc dáng của những người con ưu tú đất Việt! Mảnh đất có máu xương

chiến sĩ trộn hòa trở nên vô cùng thiêng liêng; đây chính là phen giậu, pháo đài, cột mốc vững bền."

+ Lí lẽ (2): "Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước."

+ Bằng chứng (2):

"Biết bao nhà yêu nước cách mạng ra pháp trường, biết đầu rơi, máu chảy vẫn lạc quan, tin vào ngày mai chiến thắng."

"Hàng ngàn, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt bỏ tù đầy, tra tấn bằng đủ thứ cực hình, vẫn một dạ trung kiên."

"Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng giặc; những thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận, biết mình có thể hi sinh vẫn không chùn bước..."

Câu 3. Em hiểu "tượng đài vĩ đại nhất" mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là "tượng đài vĩ đại nhất"?

- Em hiểu "tượng đài vĩ đại nhất" mà tác giả muốn nói tới là hình hài Tổ quốc.

- Đó lại là "tượng đài vĩ đại nhất" vì trong hình hài Tổ quốc có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của lớp lớp anh hùng, liệt sĩ qua bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn, tròn đầy.

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) giải thích vì sao thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn".

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam, em thích nhất là câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Câu tục ngữ này nói đến việc con người phải biết ghi nhớ công ơn của những người đã tạo ra cho mình thành quả để thụ hưởng. Câu tục ngữ này đồng thời cũng nói lên một truyền thống của người Việt Nam ta, đó là truyền thống "uống nước nhớ nguồn". Ngày nay, thế hệ trẻ càng nên phát huy truyền thống này. Bởi lẽ, đây là một truyền thống đẹp đẽ, thể hiện sự có trước, có sau, biết ơn của người Việt Nam. Đồng thời, khi thế hệ trẻ hiểu rằng để có một đất nước hòa bình, ấm no như ngày nay, cha ông từ bao đời trước đã phải đánh đổi bằng mồ hôi, xương máu, công sức, trí tuệ. Đó là những vất vả, hi sinh lớn lao của thế hệ trước, thế hệ mà chỉ có thể hi vọng vào tương lai. Mà tương lai lại chính là thế hệ trẻ ngày nay. Chắc chắn, những bạn trẻ Việt Nam và trên thế giới đều biết ơn những thành quả tốt đẹp mà các thế hệ trước để lại, đều biết phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn".

SOẠN BÀI 8 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ và tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng.

Trả lời:

Phạm Văn Đồng (1906 - 2000): Nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn hóa lớn, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông tham gia cách mạng từ năm 1925, đã giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm. Ông là học trò và người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phạm Văn Đồng có nhiều công trình, bài nói và viết về văn hóa, văn nghệ, về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các danh nhân văn hóa của dân tộc.

Những tác phẩm của Phạm Văn Đồng lôi cuốn người đọc bằng tư tưởng sâu sắc và giản dị, tình cảm sôi nổi, lời văn trong sáng, hấp dẫn.

CH2. Suy tầm một số mẫu chuyện về đức tính giản dị của Bác Hồ.

Trả lời:

+ Bà Nguyễn Thị Liên, nguyên cán bộ Văn phòng Phủ Chủ tịch kể áo Bác rách, có khi vá đi vá lại, Bác mới cho thay. Chiếc áo gối màu xanh hòa bình của Bác, được ông Cần (người phục vụ Bác) đưa bà vá đi vá lại. Cầm chiếc áo gối của Bác, bà rung rung nước mắt, bà nói với ông Cần thay áo gối khác cho Bác dùng nhưng Bác chưa đồng ý.

+ Ở Việt Bắc, có một buổi Bác đi công tác về muộn, về qua văn phòng, Bác nghỉ lại một lát vì mệt. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng, bảo vệ của Bác nói với bà: "Bác mệt không ăn được cơm. Cô nấu cho Bác bát cháo.". Bác đang nằm nghỉ nghe thấy thế liền bảo bà: "Cô nấu cháo cho Bác bằng cơm nguội ấy, vừa chóng chín, vừa tiết kiệm được gạo, khỏi bỏ phí cơm thừa."

CH3. Trong cuộc sống hằng ngày, em đã gặp một người có lối sống giản dị chưa? Hãy chuẩn bị giới thiệu về một người có lối sống giản dị mà em biết (ông, bà, bố, mẹ hoặc thầy giáo, cô giáo, bạn bè cùng lớp,...).

Trả lời:

Trong cuộc sống hằng ngày, em đã gặp một người có lối sống giản dị. Đó là mẹ em. Mẹ đã tảo tần để nuôi hai anh em em. Mẹ dành dụm tiền để chúng em được ăn no, mặc ấm. Nhưng mẹ lại cố gắng tiết kiệm chi tiêu cho bản thân mình.

SOẠN BÀI 8 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 42)

Câu 1. Hãy làm rõ tính mạch lạc của văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của văn bản này đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự rất hợp lí.

Trả lời:

+ (1) Giới thiệu về Hồ Chí Minh và sự giản dị của Hồ Chí Minh.

+ (2) Sự giản dị của Hồ Chí Minh trong nếp sống.

+ (3) Đời sống vật chất giản dị của Hồ Chí Minh hòa với đời sống tâm hồn phong phú.

+ (4) Sự giản dị trong lời nói và bài viết của Hồ Chí Minh hòa quyện với những chân lí lớn của nhân dân cũng như thời đại.

Câu 2. Phân tích tính liên kết của văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh):

a) Các câu trong đoạn văn thứ nhất (từ đầu đến "lũ cướp nước") và đoạn văn thứ hai (từ "Lịch sử ta" đến "dân tộc anh hùng") được liên kết với nhau bằng những từ ngữ nào? Hãy chỉ ra những từ ngữ đó.

b) Xác định những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản trên.

Trả lời:

a) Các câu trong đoạn văn thứ nhất (từ đầu đến "lũ cướp nước") và đoạn văn thứ hai (từ "Lịch sử ta" đến "dân tộc anh hùng") được liên kết với nhau bằng những từ ngữ:

+ Lặp lại các từ "Bác", "giản dị".

+ Sử dụng các từ gần nghĩa: "giản dị", "trong sáng", "thanh bạch".

b) Những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản trên:

- Câu thứ nhất đoạn (3) liên kết với đoạn (2): "Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật."
- Câu thứ nhất đoạn (4) liên kết với đoạn (2) và đoạn (3): "Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được."

SOẠN BÀI 8 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU TƯỢNG ĐÀI VĨ ĐẠI NHẤT

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Tượng đài vĩ đại nhất; tìm hiểu thêm thông tin về thời điểm ra đời của bài viết (ghi ở cuối bài).

Trả lời:

- Bài viết Tượng đài vĩ đại nhất: ngày 27-7-2012 (kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ) nhằm tưởng nhớ tới công ơn của những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

CH2. Liên hệ với văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta và hiểu biết của em về những tấm gương hi sinh cao cả của những lớp người đi trước để hiểu thêm văn bản nghị luận này.

Trả lời:

- Nếu văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta nhấn mạnh vào lòng yêu nước của con người Việt Nam thì văn bản Tượng đài vĩ đại nhất nhấn mạnh vào sự hi sinh của con người Việt Nam để bảo vệ Tổ quốc. Có thể coi sự hi sinh của con người Việt Nam chính là biểu hiện của lòng nồng nàn yêu nước.

2. ĐỌC HIỂU

CH1. Ý khái quát được nêu trong phần (1) là gì?

Trả lời:

- Ý khái quát được nêu trong phần (1) là: con người Việt Nam luôn có sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc.

CH2. Phép lặp ở phần (2) có tác dụng biểu đạt điều gì?

Trả lời:

- Phép lặp ở phần (2) có tác dụng làm cho câu ăn trở nên có nhịp điệu, cá từ ngữ lặp lại được nhấn mạnh, tạo ấn tượng mạnh với người đọc.

CH3. Ở thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu thêm gì về nội dung bài viết?

Trả lời:

- Thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu nội dung bài viết là nhân dịp ngày Thương binh liệt sĩ, tác giả viết bài để tưởng nhớ công ơn những anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

CÂU HỎI

Câu 1. Văn bản Tượng đài vĩ đại nhất viết về vấn đề gì? Vì sao có thể cho rằng vấn đề đó rất đáng quan tâm?

- Văn bản Tượng đài vĩ đại nhất viết về vấn đề sự hi sinh của con người Việt Nam.
- Có thể cho rằng vấn đề đó rất đáng quan tâm vì sự hi sinh đó là sự đánh đổi cuộc sống, máu xương, mạng sống của con người để đổi lấy tương lai tương sáng về sau, cho các thế hệ tiếp theo.

Câu 2. Mục đích của văn bản này là gì? Hãy chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó.

- Mục đích của văn bản là để cho người đọc thấy được sự hi sinh của con người Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến và cho người đọc hiểu được "tượng đài vĩ đại nhất" là gì.

- Lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong văn bản để làm sáng tỏ mục đích đó:

+ Lí lẽ (1):

- "Mỗi làng quê Việt Nam, dù ở vùng nào, giai đoạn nào, cũng lưu giữ những câu chuyện về sự hi sinh cao cả vì nghĩa lớn, vì cộng đồng, dân tộc."
- "Sự hi sinh, đóng góp công của, sức lực, trí tuệ vì non sông đất nước của người Việt Nam là vô bờ bến."

+ Bằng chứng (1):

- "Trên dải đất hình chữ S này, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tấc đất đều thành sự tích, đều in hình bóng những anh hùng liệt sĩ xả thân vì dân tộc..."
- "Trên mọi nẻo đường đất nước, từ Tây Bắc, Việt Bắc đến miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên,..., từ con đường Trường Sơn đến con đường trên Biển Đông và cả con đường trên không, có nơi đâu không có dấu tích của cuộc chiến tranh vệ quốc; có nơi đâu không lưu giữ hình hài, vóc dáng của những người con ưu tú đất Việt! Mảnh đất có máu xương chiến sĩ trộn hòa trở nên vô cùng thiêng liêng; đây chính là phen giậu, pháo đài, cột mốc vững bền."

+ Lí lẽ (2): "Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước."

+ Bằng chứng (2):

- "Biết bao nhà yêu nước cách mạng ra pháp trường, biết đầu rơi, máu chảy vẫn lạc quan, tin vào ngày mai chiến thắng."
- "Hàng ngàn, hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt bỏ tù đầy, tra tấn bằng đủ thứ cực hình, vẫn một dạ trung kiên."
- "Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng giặc; những thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận, biết mình có thể hi sinh vẫn không chùn bước..."

Câu 3. Em hiểu "tượng đài vĩ đại nhất" mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là "tượng đài vĩ đại nhất"?

- Em hiểu "tượng đài vĩ đại nhất" mà tác giả muốn nói tới là hình hài Tổ quốc.

- Đó lại là "tượng đài vĩ đại nhất" vì trong hình hài Tổ quốc có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của lớp lớp anh hùng, liệt sĩ qua bao thăng trầm vẫn nguyên vẹn, tròn đầy.

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 - 8 dòng) giải thích vì sao thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn".

Trong kho tàng tục ngữ Việt Nam, em thích nhất là câu: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Câu tục ngữ này nói đến việc con người phải biết ghi nhớ công ơn của những người

đã tạo ra cho mình thành quả để thụ hưởng. Câu tục ngữ này đồng thời cũng nói lên một truyền thống của người Việt Nam ta, đó là truyền thống "uống nước nhớ nguồn". Ngày nay, thế hệ trẻ càng nên phát huy truyền thống này. Bởi lẽ, đây là một truyền thống đẹp đẽ, thể hiện sự có trước, có sau, biết ơn của người Việt Nam. Đồng thời, khi thế hệ trẻ hiểu rằng để có một đất nước hòa bình, ấm no như ngày nay, cha ông từ bao đời trước đã phải đánh đổi bằng mồ hôi, xương máu, công sức, trí tuệ. Đó là những vất vả, hi sinh lớn lao của thế hệ trước, thế hệ mà chỉ có thể hi vọng vào tương lai. Mà tương lai lại chính là thế hệ trẻ ngày nay. Chắc chắn, những bạn trẻ Việt Nam và trên thế giới đều biết ơn những thành quả tốt đẹp mà các thế hệ trước để lại, đều biết phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn".

SOẠN BÀI 8 VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Viết bài văn trả lời cho câu hỏi: "Thế nào là lối sống giản dị?".

Trong cuộc sống, có rất nhiều người thường bị cuốn theo bởi những thứ xa hoa, cầu kì. Đối với họ, những thứ cầu kì, xa hoa ấy chính là biểu hiện của một đẳng cấp nào đó. Tuy nhiên, những thứ đó xét đến cùng cũng chỉ là hình thức bề ngoài và có phần phù phiếm. Sự giản dị có thể coi là một thái cực đối ngược với xa hoa, cầu kì. Sự giản dị rất dễ đi vào lòng bất cứ ai.

Giản dị là một tính từ chỉ trạng thái, tính chất đơn giản một cách tự nhiên, không có gì rắc rối. Khi nói đến giản dị, người ta thường ngầm nói đến lối sống của con người. Cũng có khi giản dị được dùng cho những vấn đề hay lĩnh vực khác. Lối sống giản dị là một lối sống không trọng vật chất, cầu kì, xa hoa hay phô trương lãng phí.

Tôi được biết đến sự giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cách ăn mặc. Chúng ta vẫn thường quen thuộc với hình ảnh Bác Hồ mặc bộ kaki trắng, bộ quần áo màu nâu hay đôi dép cao su. Tôi cũng được biết đến Mark Zuckerberg - ông chủ Facebook thường mặc áo phông xám hàng ngày. Đó là những ví dụ điển hình về sự giản dị trong cách ăn mặc. Tuy nhiên, tôi không có ý nói bất cứ ai cũng chỉ nên mặc một kiểu đồ hay áo một màu. Vì như vậy khiến cho cuộc sống thật đơn điệu, nhàm tẻ. Sự giản dị trong lối sống chỉ nhằm để con người tránh sự xa xỉ, cầu kì, lãng phí.

Biểu hiện của một lối sống giản dị còn nằm trong cách nói, giao tiếp hay cách viết. Khi nói đến sự giản dị trong cách viết, tôi lại nhớ đến Nguyễn Khuyến với bài thơ Khóc Dương Khuê. Dương Khuê là một người bạn của Nguyễn Khuyến, là một tiến sĩ, vị quan nhà Nguyễn. Khi Dương Khuê mất, Nguyễn Khuyến đã viết một bài thơ chữ Hán với nhan đề: Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương thượng thư. Việc viết một bài thơ bằng chữ Hán khi xưa thể hiện sự trang trọng, điển chương. Thế nhưng, chính Nguyễn Khuyến đã tự dịch bài thơ chữ Hán của mình sang thơ Nôm thành bài thơ Khóc Dương Khuê. Tại sao Nguyễn Khuyến lại phải dịch sang thơ chữ Nôm? Đó phải chăng là vì thơ chữ Nôm dễ hiểu hơn thơ chữ Hán, biểu đạt được những tâm tình của người Việt hơn thơ chữ Hán? Chính Nguyễn Khuyến đã dịch một bài thơ mang tính điển chương thành một bài thơ giản dị, dễ đi vào lòng người.

Ngày nay, dù cuộc sống của con người có tốt đẹp hơn, hiện đại hơn, giàu sang hơn thì giản dị vẫn là một lối sống nên có. Nó giúp cho con người tránh được những thứ phù phiếm của cuộc đời, biết hướng tới chân, thiện, mỹ. Những thứ xa hoa chưa chắc đã là cái đẹp, tinh tế. Khi ai đó buồn, nếu giàu có, ta có thể dẫn họ đi đến những nơi mà tiền bạc có thể mua được. Nhưng ta cũng có thể lựa chọn cho họ một cái ôm thật chặt, chân thành, cảm thông, chia sẻ. Sự giản dị lúc này trở thành một sự an ủi hữu hiệu. Khi ai đó mệt, ta có thể để cho họ nghỉ ngơi chỉ bằng cách cho họ có không gian yên tĩnh. Ta sẽ nhẹ nhàng khép cánh cửa lại. Sự giản dị ấy thật tinh tế biết bao.

Như vậy, có thể thấy lối sống giản dị đã có từ xưa, và đến nay vẫn còn tồn tại, vẫn còn phát huy những giá trị của nó. Tôi không phải một người cả tuần đều mặc áo phông màu xám, không phải người sẽ sống theo phong cách tối giản của người Nhật, nhưng tôi biết rằng, tự bản thân tôi cũng có một lối sống giản dị, không chạy theo thị hiếu của tha nhân, ngay cả đó là thị hiếu về "lối sống giản dị".

SOẠN BÀI 8 TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ BÀI THƠ SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 9):

Câu 1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

- A. Đánh giá của người nước ngoài về tiếng Việt
- B. Tầm quan trọng của tiếng Việt
- C. Sự giàu đẹp của tiếng Việt
- D. Ý nghĩa của việc học tiếng Việt

Trả lời:

- C. Sự giàu đẹp của tiếng Việt

Câu 2. Đoạn trích trên được viết theo kiểu văn bản nào?

- A. Miêu tả
- B. Nghị luận
- C. Tự sự
- D. Thuyết minh

Trả lời:

- B. Nghị luận

Câu 3. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

- A. Ca ngợi tiếng Việt của chúng ta rất giàu và rất đẹp
- B. Khẳng định tầm quan trọng không thể phủ nhận của tiếng Việt
- C. Khuyến khích mọi người yêu quý và học tập tiếng Việt
- D. Thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt để thêm trân quý, tự hào

Trả lời:

- D. Thấy được sự giàu đẹp của tiếng Việt để thêm trân quý, tự hào

Câu 4. Câu nào dưới đây là bằng chứng làm rõ cho ý kiến: Tiếng Việt rất đẹp về tính nhạc?

- A. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người "nghe" và chỉ nghe thôi.
- B. Từ vựng tiếng Việt qua các thời kì diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều.

C. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phân cấu tạo từ ngữ cũng như về hình thức diễn đạt.

D. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng.

Trả lời:

- A. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người "nghe" và chỉ nghe thôi.

Câu 5. Câu "Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc." và câu "Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người "nghe" và "chỉ nghe thôi." trong phần (2) đoạn trích đóng vai trò gì?

- A. Lí lẽ trong văn bản nghị luận
- B. Ý kiến khái quát của văn bản
- C. Bằng chứng trong văn bản nghị luận
- D. Vừa là lí lẽ, vừa là bằng chứng

Trả lời:

- D. Vừa là lí lẽ, vừa là bằng chứng

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 6. Câu "Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc." đóng vai trò gì trong văn bản?

- A. Là bằng chứng trong văn bản nghị luận
- B. Vừa là bằng chứng, vừa là lí lẽ
- C. Là lí lẽ trong văn bản nghị luận
- D. Là ý kiến chung của cả văn bản

- C. Là lí lẽ trong văn bản nghị luận

Câu 7. Tính mạch lạc trong phần (2) đoạn trích được thể hiện như thế nào?

- A. Có nhiều bằng chứng phong phú
- B. Có những lí lẽ thuyết phục
- C. Có đầy đủ lí lẽ và bằng chứng
- D. Tập trung vào một chủ đề

- C. Có đầy đủ lí lẽ và bằng chứng

Câu 8. Biện pháp liên kết chủ yếu nào được sử dụng để liên kết văn bản ở phần (2)?

- A. Biện pháp lược
- B. Biện pháp lặp từ vựng
- C. Biện pháp thế
- D. Biện pháp nối

- B. Biện pháp lặp từ vựng

Câu 9. Phần (3) đoạn trích khẳng định điều gì?

- A. Người Việt cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
- B. Cấu tạo tiếng Việt là biểu hiện về sức sống của nó
- C. Vẻ đẹp của tiếng Việt là vẻ đẹp thanh điệu
- D. Sự giàu có của tiếng Việt thể hiện ở từ vựng
- B. Cấu tạo tiếng Việt là biểu hiện về sức sống của nó

Câu 10. Trong bài Tiếng Việt, nhà thơ Lưu Quang Vũ viết:

Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát

Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh

Như gió nước không thể nào nắm bắt

Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.

Đoạn thơ trên muốn nói về vẻ đẹp gì của tiếng Việt? Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 - 8 dòng) nêu lên suy nghĩ của mình về vẻ đẹp ấy.

Nhiều người vẫn thường nói rằng tiếng Việt là một thứ tiếng có nhạc tính vì nó có thanh điệu. Em tự ngâm điều này và thấy nó có những hạt nhân hợp lí. Chỉ cần thay đổi thanh ngang và thanh huyền, cũng đã đến sự thay đổi về nghĩa. Trong tiếng Anh, hay tiếng Nhật mà em được học, điều này không hề xảy ra. Tiếng Việt có một hệ thống từ tượng thanh phong phú. Nó có thể mô phỏng âm thanh của tiếng mưa, tiếng gió, của tiếng cười, tiếng nước chảy, tiếng chim hót,... Tiếng Việt không những chỉ có vẻ đẹp về âm thanh, nó còn có vẻ đẹp của việc chuyển tải ý nghĩa. Đôi khi cả hai vẻ đẹp ấy được đồng thời thể hiện: "Dưới trăng quỳên đã gọi hè/ Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông" (Nguyễn Du). Hai câu Kiều của Nguyễn Du này đặc sắc ở việc sử dụng từ láy và việc lặp phụ âm đầu tạo nên tính nhạc cho câu thơ bên cạnh hình ảnh thơ đã được miêu tả. Em yêu tiếng Việt vô cùng bởi nó đẹp và là tiếng mẹ đẻ của mình. Tuy vậy, em biết rằng những thứ tiếng khác trên thế giới cũng đều có vẻ đẹp riêng.

BÀI 9: TÙY BÚT VÀ TÙY

SOẠN BÀI 9 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CÂY TRE VIỆT NAM

ĐỌC HIỂU

CH1. Điểm giống nhau giữa các loại tre, nứa, trúc, mai, vầu là gì?

Trả lời:

- Điểm giống nhau giữa các loại tre, nứa, trúc, mai, vầu là đều có mầm non mọc thẳng.

CH2. Câu kết phần (2) khái quát điều gì?

Trả lời:

- Câu kết phần (2) khái quát tre gắn bó với toàn bộ cuộc đời con người.

CH3. Nội dung chính của phần (3) là gì?

Trả lời:

- Nội dung chính của phần (3): Tre gắn bó với con người Việt Nam trong sản xuất, chiến đấu, đời sống, học tập.

CH4. Chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn này. (Gậy tre... chiến đấu!)

Trả lời:

- Biện pháp tu từ trong đoạn Gậy tre... chiến đấu!: điệp từ "tre". Tác dụng: nhấn mạnh, làm nổi bật hình ảnh tre gắn bó với con người như thế nào; tạo nhịp điệu cho câu văn, làm tăng sức gọi hình, gọi cảm cho sự diễn đạt.

CH5. Chỉ ra tác dụng của biện pháp điệp trong đoạn này. (Nhạc của trúc... của trúc, của tre.)

Trả lời:

- Tác dụng của biện pháp điệp trong đoạn Nhạc của trúc... của trúc, của tre: gợi hình ảnh cánh điều và âm thanh sáo tre, sáo trúc vang trời.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Nội dung chính của phần (4) là gì?

- Nội dung chính của phần (4) là vị trí của cây tre trong tương lai khi Việt Nam đi vào công nghiệp hóa.

Câu 2. Đoạn kết toàn bài muốn khẳng định điều gì?

- Đoạn kết toàn bài muốn khẳng định cây tre là hình ảnh trường tồn, tượng trưng cho người hiền, "quân tử", là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

CÂU HỎI

Câu 1. Nội dung chính mà tác giả muốn làm nổi bật qua bài tùy bút này là gì?

- Nội dung chính mà tác giả muốn làm nổi bật qua bài tùy bút này: Cây tre là người bạn thân thiết lâu đời của nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Câu 2. Những câu hoặc đoạn văn nào thể hiện rõ tình cảm yêu mến và tự hào của tác giả về cây tre Việt Nam?

- Tre là thẳng thắn, bất khuất. Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng đánh giặc.
- Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.
- Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền, là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

Câu 3. Nhận biết và chỉ ra tác dụng của một biện pháp tu từ nổi bật trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam.

- Biện pháp tu từ điệp ngữ: thường là "cây tre"/ "tre".
- Tác dụng: Nhấn mạnh vào các điệp ngữ, làm hình ảnh tre trở nên nổi bật; tạo nhịp điệu cho câu văn, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Câu 4. Dẫn ra một hoặc hai câu văn mà em cho là đã thể hiện rõ đặc điểm: Ngôn ngữ của tùy bút rất giàu hình ảnh và cảm xúc.

- "Buổi đầu, không một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre."

Câu 5. Hình ảnh cây tre trong bài tùy bút tiêu biểu cho những phẩm chất nào của con người Việt Nam? Nội dung của bài tùy bút có ý nghĩa sâu sắc như thế nào?

- Hình ảnh cây tre trong bài tùy bút tiêu biểu cho những phẩm chất của con người Việt Nam: thanh cao, giản dị, chí khí, thẳng thắn, bất khuất, chung thủy, can đảm.
- Nội dung của bài tùy bút có ý nghĩa sâu sắc: Tác giả mượn hình ảnh cây tre để nói đến phẩm chất cao quý của người Việt Nam và khẳng định những phẩm chất đó là trường tồn. Từ đó gián tiếp khẳng định sự trường tồn của đất nước Việt Nam.

Câu 6. Em hãy dẫn ra một số bằng chứng để thấy tre, nứa vẫn gắn bó thân thiết với đời sống con người Việt Nam.

- Những sản phẩm từ mây, tre đan
- Các nhà hàng sử dụng tre làm chất liệu
- Ống hút tre
- Than tre
-

SOẠN BÀI 9 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGƯỜI NGỒI ĐỢI TRƯỚC HIỀN NHÀ

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Người ngồi đợi trước hiên nhà; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Huỳnh Như Phương.

Trả lời:

- Huỳnh Như Phương (sinh năm 1955), là giảng viên cao cấp tại Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM.

CH2. Tìm hiểu những hi sinh, mất mát của nhân dân ta trong thời kì chống Mỹ cứu nước.

Trả lời:

- Những hi sinh, mất mát của nhân dân ta trong thời kì chống Mỹ cứu nước: sự hy sinh, mất mát, tổn thất xương máu cha anh.

2. ĐỌC HIỂU

CH1. Tranh minh họa và nhan đề văn bản có mối liên hệ gì?

Trả lời:

- Tranh minh họa vẽ hình một người phụ nữ già đang ngồi trước thềm nhà, nhìn ra xa như đang ngóng đợi điều gì đó. Tranh minh họa minh họa cho nhan đề Người ngồi đợi trước hiên nhà.

CH2. Vì sao dì Bảy biết dưỡng Bảy vẫn còn sống?

Trả lời:

- Dì Bảy biết dưỡng Bảy vẫn còn sống vì dưỡng Bảy đã kịp nhờ một người đi đường báo tin cho gia đình và gửi tặng dì một chiếc nón bài thơ mua được trên đường hành quân.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 1. Trước hoàn cảnh của dì Bảy, tác giả có suy nghĩ gì?

- Trước hoàn cảnh của dì Bảy, tác giả có suy nghĩ nếu ngày đó dì đi bước nữa, thì liệu dì có được hưởng hạnh phúc không.

Câu 2. Việc nhắc tên thật của dì Bảy ở đây có tác dụng gì?

- Việc nhắc tên thật của dì Bảy có tác dụng khiến cho người đọc tin những gì tác giả viết là sự thật, và dì Bảy cũng là có thật.

CÂU HỎI

Câu 1. Bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà viết về ai, về sự việc gì?

Bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà viết về dì Bảy và sự việc dì Bảy đã chờ đợi dưỡng Bảy (chồng của dì) trở về.

Câu 2. Sắp xếp các sự kiện chính sau đây theo trật tự như tác giả đã kể trong văn bản:

a) Dưỡng Bảy ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, trên đường tiến vào Sài Gòn.

- b) Dì Bảy năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết.
 c) Dượng Bảy cùng nhiều người con đất Quảng lên đường ra Bắc tập kết.
 d) Ngày hòa bình, dì tôi đã qua tuổi 40. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì, nhưng lòng dì không còn rung động.
 e) Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng Bảy vẫn liên lạc với gia đình.
 c) Dượng Bảy cùng nhiều người con đất Quảng lên đường ra Bắc tập kết.
 e) Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng Bảy vẫn liên lạc với gia đình.
 a) Dượng Bảy ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, trên đường tiến vào Sài Gòn.
 d) Ngày hòa bình, dì tôi đã qua tuổi 40. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì, nhưng lòng dì không còn rung động.
 b) Dì Bảy năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết.

Câu 3. Trong bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà, tác giả đã kết hợp phương thức tự sự nào với phương thức nào? Chỉ ra tác dụng của việc kết hợp đó.

- Trong bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà, tác giả đã kết hợp phương thức tự sự nào với phương thức miêu tả.
- Tác dụng của việc kết hợp đó: thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết bên cạnh việc kể chuyện.

Câu 4. Tìm và phân tích một số câu hoặc đoạn văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả.

- Một số câu hoặc đoạn văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả:
- + "Mỗi lần về thăm, ngồi bên mâm cơm đạm bạc với dì, tôi chợt nghĩ nếu ngày đó dì đi bước nữa, thì liệu bây giờ dì có được hạnh phúc hay không. [...]"
- + "Nguyện cầu hồn thiêng những người đã ngã xuống độ trì cho dì bình an, trường thọ."
- Các câu văn này thể hiện tình cảm của tác giả đối với dì Bảy: yêu thương, quan tâm, vui buồn cùng dì.

Câu 5. Bài tản văn cho người đọc thấy sự hi sinh thầm lặng mà lớn lao của những người phụ nữ trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề ấy gợi cho em suy nghĩ gì khi được sống trong hòa bình?

- Bài tản văn cho người đọc thấy sự hi sinh thầm lặng mà lớn lao của những người phụ nữ trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề ấy gợi cho em suy nghĩ khi được sống trong hòa bình cần phải biết ơn những người đã ngã xuống, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 6. Có người nói: Dì Bảy trong bài tản văn giống như hình tượng hồn Vọng Phu ở các câu chuyện cổ. Ý kiến của em như thế nào?

Có người nói: Dì Bảy trong bài tản văn giống như hình tượng hồn Vọng Phu ở các câu chuyện cổ. Theo em, mặc dù câu chuyện về hồn Vọng Phu có chút khác biệt (khi cặp vợ chồng lại là anh em ruột) thì hình tượng Dì Bảy cũng giống như hình tượng hồn Vọng Phu. "Vọng Phu" vốn có nghĩa là chờ chồng, trông ngóng chồng. Dì Bảy trong bài tản văn này cũng vậy, cũng chờ chồng mòn mỏi cả một đời người.

SOẠN BÀI 9 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 62)

Câu 1. Tìm từ Hán Việt trong những câu dưới đây (trích tuý bút Cây tre Việt Nam của Thép Mới). Xác định nghĩa của các từ Hán Việt đã tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó.

- Tre ấy trông thanh cao, giản dị... như người.
- Dưới bóng tre xanh,... người dân cày ... dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.
- Tre là cánh tay của người nông dân.
- Tre là thẳng thắn, bất khuất.

Trả lời:

Câu	Từ Hán Việt	Nghĩa của các từ Hán Việt	Nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó
a	thanh cao	trong sạch và cao thượng	- thanh: trong sạch, liêm khiết - cao: vượt hơn thế tục, khác hẳn bậc thường
b	khai hoang	khai phá vùng đất hoang	- khai: mở - hoang: quặng, đá quặng
c	nông dân	người lao động sống bằng nghề làm ruộng	- nông: nghề làm ruộng - dân: người
d	bất khuất	không chịu phục	- bất: không - khuất: cong, không thẳng, không đủ vững, co lại, cúi xuống

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 2. Phân biệt nghĩa của các yếu tố cấu tạo Hán Việt đồng âm trong các từ Hán Việt sau:

- giác: tam giác, tứ giác, ngũ giác, da giác / khứu giác, thị giác, thính giác, vị giác.
- lệ: luật lệ, điều lệ, ngoại lệ, tục lệ / điểm lệ, hoa lệ, mỹ lệ, tráng lệ.
- thiên: thiên lí, thiên lí mã, thiên niên kỉ / thiên cung, thiên nga, thiên đình, thiên tư/ thiên cư, thiên đô.
- trường: trường ca, trường độ, trường kì, trường thành / chiến trường, ngư trường, phi trường, quang trường.

Từ/câu	a	b	c	d
Từ số 1	giác: góc, xó	lệ: quy tắc, thói quen	thiên: nghìn	trường: dài
Từ số 2	giác: hiểu biết, cảm nhận, cảm thụ	lệ: đẹp dễ	thiên: trời	trường: vùng, sân, bãi, nơi tụ họp đông người

Câu 3. Chọn các từ trong ngoặc đơn phù hợp với ô trống:

(phu nhân, vợ)	Tham dự buổi chiêu đãi có ngài đại sứ và [?].
	Về nhà, ông lão đem câu chuyện kể cho [?] nghe.

SOẠN BÀI MÔN NGỮ VĂN 7 – BỘ CẢNH ĐIỀU

(phụ nữ, đàn bà)	[?] Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.
	Giặc đến nhà, [?] cũng đánh.
(nhi đồng, trẻ em)	Ngoài sân, [?] đang vui đùa.
	Các tiết mục của đội văn nghệ [?] thành phố được cổ vũ nhiệt liệt.

Từ/câu	a	b	c	d
Từ số 1	giác: góc, xó	lệ: quy tắc, thói quen	thiên: nghìn	trường: dài
Từ số 2	giác: hiểu biết, cảm nhận, cảm thụ	lệ: đẹp dễ	thiên: trời	trường: vùng, sân, bãi, nơi tụ họp đông người

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cây tre được tác giả Thép Mới thể hiện trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam, trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt. Giải thích nghĩa của các từ Hán Việt đó.

- Một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cây tre được tác giả Thép Mới thể hiện trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam, trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt:

Hình ảnh cây tre trong tùy bút Cây tre Việt Nam của Thép Mới vừa là một hình ảnh thực, cũng là một hình ảnh ẩn dụ. Bài viết của Thép Mới đã nói đến sự gắn bó của cây tre đối với con người Việt Nam. Ông còn so sánh hình ảnh cây tre với con người Việt Nam vì có những nét tương đồng: thẳng thắn, dũng cảm, bất khuất, thủy chung. Đã so sánh tre với con người, vậy vì sao còn nói tre là một hình ảnh ẩn dụ? Nói thế bởi tùy bút Cây tre Việt Nam không chỉ đơn thuần nói về cây tre, mà sâu xa hơn là nói về những phẩm chất, tính cách của người Việt Nam, để từ đó khẳng định sự bền vững của đất nước.

- Giải thích nghĩa của các từ Hán Việt đó:

+ Tương đồng: giống nhau.

+ Thủy chung: trước sau vẫn một lòng, vẫn có tình cảm gắn bó không thay đổi.

SOẠN BÀI 9 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU TRƯA THA HƯƠNG

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước tùy bút Trưa tha hương và tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Trần Cư.

- Tên thật là Trần Ngọc Cư, sinh ngày 3-4-1918 tại Hải Phòng, quê gốc là làng Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội). Ông có cả thầy 7 anh chị em nhưng 3 người trong số đó mất sớm. Trần Cư là anh cả, và cũng là người được ăn học đến nơi đến chốn nhất.
- Là tú tài triết học và học cả ngành bưu điện Đông Dương. Ông từng có thời gian sống ở Campuchia.
- Từng dạy văn, viết báo. Trước Cách mạng tháng 8/1945, ông cộng tác lâu dài nhất với tờ báo Tiểu thuyết thứ bảy. Nhiều người cùng thời giờ vẫn còn nhớ những tác phẩm khá chắc tay của ông như Trưa tha hương (17-7-1943), Trên lá

thần (12-1944)... Âm hưởng sáng tác của Trần Cu thời kì này có nhiều nét buồn, như tâm trạng chung của cả thế hệ nhà văn mất nước khi đó.

- Từ 1945, ông còn viết phóng sự, xã luận, ghi chép, đưa tin về nhiều mảng của đời sống xã hội. Ông cũng viết rất nhiều bài báo bằng hình thức vè, thơ lục bát quen thuộc trong dân gian, nhằm phổ cập những kinh nghiệm đấu tranh, cách thức sử dụng súng cướp được của địch, phương pháp giữ bí mật cho đồng bào thiếu số.

CH2. Tìm hiểu điệu hát ru của miền Bắc.

- Điệu hát ru của miền Bắc thường có các từ ngữ như "à ơi". Những bài hát ru thường là cao dao.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Từ "nạo" trong câu: "Tiếng văng đưa kéo kệt như nạo vào hồn." diễn tả được điều gì?

- Từ "nạo" trong câu: "Tiếng văng đưa kéo kệt như nạo vào hồn." diễn tả tâm trạng buồn nhớ da diết quê nhà của tác giả.

CH2. Tại sao tiếng hát ru lại khiến nhân vật "tôi" nhớ nhà?

- Tiếng hát ru lại khiến nhân vật "tôi" nhớ nhà vì trong kí ức của tác giả, quê nhà gắn liền với tiếng hát ru.

Câu 3. Tiếng hát ru đã giúp "tôi" nhận ra điều gì?

- Tiếng hát ru đã giúp "tôi" nhận ra ở giữa gia đình người cái hạnh phúc hằng ngày vẫn có ở chính trong gia đình "tôi".

Câu 4. Nhân vật "tôi" thấy hình ảnh gì của quê hương qua tiếng hát ru?

- Qua tiếng hát ru, nhân vật "tôi" thấy hình ảnh những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám của quê hương.

CÂU HỎI

Câu 1. Bài tùy bút Trưa tha hương viết về chuyện gì? Đề tài và bối cảnh của câu chuyện có gì đặc biệt?

- Bài tùy bút Trưa tha hương viết về chuyện không gian ở Chúp khiến nhân vật "tôi" nhớ nhà.

- Đề tài: sự thân thuộc của cố hương.

- Bối cảnh của câu chuyện đặc biệt ở chỗ nó không phải ở Việt Nam mà là ngoại quốc.

Câu 2. Tiếng hát ru đã làm nhân vật "tôi" nhớ đến những gì?

Tiếng hát ru đã làm nhân vật "tôi" nhớ:

+ Nhà và những kỉ niệm lúc ở nhà.

+ "Những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhộn nhịp, đơn sơ, đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương".

Câu 3. Dẫn ra một số câu văn, đoạn văn thể hiện rõ tình cảm xúc động và những suy nghĩ sâu lắng của tác giả khi nghe tiếng hát ru.

- "Tự nhiên tôi nhớ nhà. Phải chăng tôi đã gặp linh hồn của đất nước. Hình như xa lắm, đã lâu rồi, ở mãi títt phương Bắc, trong gia đình tôi cũng có những buổi trưa oi ả với tiếng văng đều đều..."

- "Tôi bỗng nhớ nhà như một đứa trẻ. Và ngạc nhiên sao lại nằm ở đây, ở chốn rừng rú này. Thì ra tôi đã phải đi mất hàng ngàn cây số mới nhận thấy ở giữa gia đình người cái hạnh phúc hằng ngày vẫn có ở chính trong gia đình tôi. [...]"

- "Tiếng ru đều đều hòa với tiếng văng kéo kệt có một cái gì đặc biệt Việt Nam - nhất là một buổi trưa ở chốn xa xôi, nghe một câu hát ru của quê hương mình, thấm thía và buồn mang mang quá!"

- "Tôi bỗng thấy tâm hồn bớt cô đơn hơn một chút. Bởi vì ở chốn xa lạ này, bên vách kia còn có một linh hồn cô đơn, lạnh lùng hơn, nhưng âm thầm, tằm tối hơn, cho nên tha hương hơn nữa..."

- "Thì ra, cho dù có đi quanh thế giới này đi nữa, trong khi Trái Đất mang ta, ta cũng mang trong lòng cả một thế giới."

- "Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọt trẹ, giọng có pha, nhưng tâm hồn vẫn vậy. [...]"

Câu 4. Qua một số câu văn cụ thể trong văn bản, phân tích đặc điểm của tùy bút: ngôn ngữ rất giàu hình ảnh và cảm xúc.

- Trong đoạn: "Thế rồi tiếng kéo kệt nổi lên cùng với tiếng ru em nảo nê, trong khi mẹ tôi ra sân phơi nốt mấy cái quần áo của người nhà mới giặt. Màu trắng của vải ướt ra ngoài nắng cũng sáng chói lên và hắt vào buồng học của tôi như cái dòng ánh sáng gòn gòn, rung rinh chảy trên mảnh tường xa xôi là bên Chúp này.", ta thấy được đặc điểm của tùy bút. Đặc điểm đó được thể hiện ở đây là ngôn ngữ giàu hình ảnh. Người đọc có thể cảm nhận được vẻ đẹp của ánh nắng. Đó là một thứ ánh sáng động, lấp lánh: "rung rinh".

- Trong đoạn: "Tiếng ru đều đều hòa với tiếng văng kéo kệt có một cái gì đặc biệt Việt Nam - nhất là một buổi trưa ở chốn xa xôi, nghe một câu hát ru của quê hương mình, thấm thía và buồn mang mang quá!", người đọc có thể thấy được đặc điểm của tùy bút. Đặc điểm đó được thể hiện ở đây là ngôn ngữ giàu cảm xúc.

Câu 5. Bài tùy bút cho em hiểu thêm được gì về điệu hát ru miền Bắc?

- Bài tùy bút cho em hiểu điệu hát ru miền Bắc thường là những bài ca dao. Đó là nơi giữ nguyên vẹn tâm hồn người nhà quê Việt Nam.

SOẠN BÀI 9 VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ MỘT CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Viết bài văn biểu cảm về sự hi sinh thầm lặng của dì Bảy trong bài tản văn "Người ngồi đợi trước hiên nhà" của tác giả Huỳnh Như Phương.

Dân tộc Việt Nam để có được hòa bình như hôm nay đã phải trải qua biết bao nhiêu cuộc chiến. Trong những cuộc chiến đó, luôn có sự hi sinh của các anh hùng, liệt sĩ. Họ là những chiến sĩ trên chiến trường, nói cách khác là nơi tiền tuyến. Ở hậu phương, trong những năm tháng chiến tranh, cũng có biết bao là sự hi sinh thầm lặng của người

phụ nữ. Nhắc đến đây, tôi nghĩ tới nhân vật dì Bảy trong bài tản văn Người ngồi đợi trước hiên nhà của Huỳnh Như Phương.

Dì Bảy là một nhân vật đã để lại trong tôi nhiều sự thương mến và cảm phục. Dì lấy chồng khi mới 20 tuổi. Dượng Bảy lại phải đi tập kết và chiến đấu. Vậy là từ ngày cưới, cả hai vợ chồng dì chưa được ở cạnh nhau bao lâu. Họ gặp nhau chỉ qua những cánh thư. 20 năm sau, Dượng Bảy mới có thể nhờ người gửi chiếc nón bài thơ cho dì làm quà và để chứng tỏ tình cảm của mình, để an ủi những người đang chờ mong. Thế nhưng, trước khi chiến tranh kết thúc khoảng mười ngày, dì Bảy đã trở thành người phụ nữ góa chồng. Vậy là suốt hơn 20 năm chờ đợi, biết bao thương nhớ, biết bao buồn tủi, biết bao là những nỗi lo lắng, bồn chồn, cuối cùng dượng Bảy đã không thể cho dì được một hạnh phúc trọn vẹn.

Mất chồng, dì Bảy vẫn cứ lầm lũi ngồi bên bậc thềm, nhìn ra xa như trông đợi điều gì. Dì Bảy đã phải hi sinh hạnh phúc cá nhân mình vì nghĩa lớn. Tôi biết, không chỉ có dì Bảy, mà còn có rất nhiều người phụ nữ trên dải đất hình chữ S này cũng chung cảnh ngộ như dì. Họ đều đã hi sinh thân mình, cao cả cho cuộc kháng chiến, để đất nước được thống nhất và phát triển. Chúng ta, những thế hệ hôm nay phải biết ơn và làm được điều gì để đền đáp được công ơn đó.

Dì Bảy đã cho tôi hiểu về đức hi sinh của con người. Tôi tin rằng thế hệ tôi và những thế hệ mai sau sẽ đều ghi nhớ công ơn của các thế hệ trước. Nhưng tôi cũng mong sẽ không còn ai phải chịu cảnh ngộ, phải hi sinh như dì Bảy.

SOẠN BÀI 9 TỰ ĐÁNH GIÁ TIẾNG CHIM TRONG THÀNH PHỐ

Câu 1. Nội dung chính của phần (1) trong văn bản Tiếng chim trong thành phố là gì?

- A. Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có rất nhiều cây
- B. Tái hiện một thành phố Hà Nội có nhiều con phố nổi tiếng
- C. Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có đầy tiếng chim
- D. Tái hiện một thành phố Hà Nội có rất nhiều công viên, vườn hoa

Trả lời:

- C. Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có đầy tiếng chim

Câu 2. Nội dung chính của phần (2) trong văn bản Tiếng chim trong thành phố là gì?

- A. Nêu lên niềm vui của người viết về tiếng chim trong thành phố
- B. Phản ánh hiện trạng Hà Nội bây giờ đã vắng đi rất nhiều tiếng chim
- C. Phản ánh hiện thực Hà Nội bây giờ đang xây dựng nhiều nhà cao tầng
- D. Nêu lên cảnh Hà Nội bây giờ rất nhiều người nuôi chim trong lồng

Trả lời:

- B. Phản ánh hiện trạng Hà Nội bây giờ đã vắng đi rất nhiều tiếng chim

Câu 3. Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả các loài chim trong thành phố?

- A. Liệt kê tên các loài chim
- B. Miêu tả thời điểm hoạt động
- C. Tái hiện âm thanh tiếng hót
- D. Tái hiện hình dáng, màu sắc

Trả lời:

- D. Tái hiện hình dáng, màu sắc

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 4. Theo bài viết, các loài chim trong thành phố Hà Nội được thoải mái bay lượn, không sợ săn bắn vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng cuối những năm 60 thế kỉ trước
- B. Khoảng giữa những năm 50 thế kỉ trước
- C. Khoảng đầu những năm 50 thế kỉ trước
- D. Khoảng giữa những năm 60 thế kỉ trước

- D. Khoảng giữa những năm 60 thế kỉ trước

Câu 5. Câu văn nào sau đây nêu được nội dung khái quát cho ba câu còn lại?

- A. Hà Nội những năm 50, 60 của thế kỉ trước là một sân chim vô cùng phong phú.
- B. Những con chích choè than đậu chót vót trên ngọn cây cất tiếng hót từng hồi dài.
- C. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hoà Bình xôn xao trò chuyện.
- D. Ngoài bãi sông, trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sóng.

- A. Hà Nội những năm 50, 60 của thế kỉ trước là một sân chim vô cùng phong phú.

Câu 6. Câu văn nào sau đây như một lời than buồn bã của tác giả trước hiện thực thành phố vắng tiếng chim?

- A. Chim chào mào dạn người sống khắp nơi trong thành phố.
- B. Loài chim này rất hiếm khi người ta có thể nhìn thấy chúng
- C. Lũ chào mào coi tất cả cây cối như nhà riêng của chúng.
- D. Giờ người Hà Nội chỉ chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng.

- D. Giờ người Hà Nội chỉ chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng.

Câu 7. Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người như thế nào?

- A. Có tình yêu tha thiết với các thành phố nhiều cây xanh
 - B. Có hiểu biết phong phú và rất yêu quý tiếng chim
 - C. Có ý thức bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp
 - D. Có thái độ phê phán việc nuôi chim cảnh trong thành phố
- A. Có tình yêu tha thiết với các thành phố nhiều cây xanh
 - B. Có hiểu biết phong phú và rất yêu quý tiếng chim
 - D. Có thái độ phê phán việc nuôi chim cảnh trong thành phố

Câu 8. Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu nào?

- A. Những con quạ đen khè khà kêu khoái trá trên những cây gạo ngoài bãi sông cùng với chim khách, chim cà cưỡng.
 - B. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hoà Bình xôn xao trò chuyện.
 - C. Ngoài bãi sông, trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sóng.
 - D. Giọng sơn ca thỉnh thoảng vút cao giữa tầng không trong vắt như nhạc xuống từ trời.
- A. Những con quạ đen khè khà kêu khoái trá trên những cây gạo ngoài bãi sông cùng với chim khách, chim cà cưỡng.

- B. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hòa Bình xôn xao trò chuyện.

Câu 9. Thông điệp chính mà tác giả muốn chuyển đến bạn đọc qua văn bản Tiếng chim trong thành phố là gì?

- A. Hà Nội cần phải nuôi thêm rất nhiều chim để được như những ngày xưa
- B. Hà Nội cần trồng thêm nhiều cây xanh để đón được nhiều chim về làm tổ
- C. Hà Nội không thể thiếu tiếng chim, nhưng tiếng chim đang thưa vắng dần
- D. Hà Nội cần có chính sách và quy định bảo vệ các loài chim trong thành phố

- C. Hà Nội không thể thiếu tiếng chim, nhưng tiếng chim đang thưa vắng dần

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng 6 -8 dòng) đề xuất cách bảo vệ các loài chim.

Các loài chim là một phần quý giá không thể thiếu trong tự nhiên do đó con người phải có ý thức bảo vệ chúng. Để làm được điều này, chúng ta phải giữ gìn và duy trì màu xanh của tự nhiên, không chặt phá cây, phá rừng bừa bãi. Khi xây dựng, nếu chặt phá đi một cây xanh phải trồng lại năm cây xanh để làm nơi cư ngụ, sinh sống cho các loài chim. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải có quy định và chế tài để xử lý nghiêm các hành vi săn bắn chim. Có như vậy, chúng mới có thể tự do sinh sống trên bầu trời, làm bạn với thiên nhiên và con người.

BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN

SOẠN BÀI 10 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN GHE XUỒNG NAM BỘ

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Ghe xuồng Nam Bộ; tìm hiểu thêm về các phương tiện được nêu trong văn bản.

Trả lời:

- Em biết những phương tiện đi lại mang tính đặc trưng ở mỗi vùng miền ở nước ta: Ở vùng sông nước Nam Bộ, hay ven biển, thường có thuyền, ghe, xuồng.

CH2. Em biết những phương tiện đi lại nào mang tính đặc trưng của người dân ở mỗi vùng miền trên đất nước ta? Trong số đó, em thích phương tiện nào nhất? Vì sao?

Trả lời:

- Miền núi: đi bộ

=> Do địa hình đồi núi cao

- Người sống ở đồng bằng và thành phố chủ yếu là xe máy hoặc xe ô tô

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Phần (1) cho biết bài viết sẽ triển khai ý tưởng và thông tin theo cách nào?

- Phần (1) cho biết bài viết triển khai ý tưởng và thông tin theo cách thuyết minh. Tác giả căn cứ vào đặc điểm sản xuất và phương thức hoạt động để phân chia ghe xuồng Nam Bộ.

Câu 2. Trong phần (2) có mấy đối tượng được nhắc đến?

- Trong phần (2) có sáu đối tượng được nhắc tới là: xuồng ba lá, xuồng năm lá, xuồng tam bản, xuồng vỏ gòn, xuồng độc mộc, xuồng máy.

Câu 3. Phần (3) giới thiệu về loại phương tiện gì? Chú ý các loại nhỏ trong đó.

- Phần (3) giới thiệu về ghe.

Câu 3. Ở đoạn này người viết có triển khai thông tin theo cách phân loại không?

- Ở đoạn này, người viết có triển khai thông tin theo cách phân loại.

Câu 4. Nội dung chính của phần (4) là gì?

- Nội dung phần (4) khẳng định ghe xuồng ở Nam Bộ là loại phương tiện giao thông hữu hiệu, gắn bó mật thiết với cư dân vùng sông nước, lại ẩn chứa giá trị văn hóa độc đáo. Ghe xuồng sẽ là loại phương tiện không thể thay thế được trong đời sống của người dân Nam Bộ.

Câu 5. Các tài liệu tham khảo được tác giả sắp xếp theo trình tự nào?

- Các tài liệu được sắp xếp theo tên tác giả và được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái.

Câu 1. Xác định bố cục của văn bản Ghe xuồng Nam Bộ. Nêu nội dung chính của mỗi phần trong văn bản.

Bố cục văn bản Ghe xuồng Nam Bộ: 4 phần:

- Phần 1: Từ đầu... ta có thể phân chia thành nhiều loại. Nội dung: Giới thiệu, đưa thông tin ban đầu về ghe xuồng Nam Bộ.
- Phần 2: Tiếp... nhất là trong giới thương hồ. Nội dung: Giới thiệu về 6 loại xuồng ở Nam Bộ.
- Phần 3: Tiếp... do những thợ thủ công ở Bình Đại (Bến Tre) đóng. Nội dung: Giới thiệu về các loại ghe ở Nam Bộ.
- Phần 4: Phần còn lại. Nội dung: Khẳng định công dụng và giá trị của ghe xuồng đối với người dân Nam Bộ.

Câu 2. Mục đích của văn bản là gì? Các nội dung trình bày trong văn bản Ghe xuồng Nam Bộ đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?

- Mục đích của văn bản nhằm giới thiệu về ghe xuồng Nam Bộ và công dụng, giá trị của nó đối với người Nam Bộ.
- Các nội dung trình bày trong văn bản Ghe xuồng Nam Bộ đã làm sáng tỏ mục đích ấy bằng cách:
 - + Miêu tả về các loại ghe, xuồng thường được sử dụng.
 - + Giới thiệu công dụng của các loại ghe xuồng đối với đời sống của người dân Nam Bộ.
 - + Khẳng định giá trị văn hóa của ghe, xuồng Nam Bộ đối với văn hóa của người Nam Bộ.

Câu 3. Người viết đã chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản? Chỉ ra những biểu hiện cụ thể và hiệu quả của cách triển khai ấy.

- Người viết đã chọn cách thuyết minh, giới thiệu để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản.
- Những biểu hiện cụ thể và hiệu quả của cách triển khai:
 - + Giới thiệu cho người đọc hình dung được hình dáng, cách chế tạo các loại ghe, xuồng.
 - + Thuyết minh về công dụng và sự hiệu quả của từng loại ghe, xuồng đối với đời sống của nhân dân vùng Nam Bộ.

Câu 4. Các cước chú (“tam bản”, “chài”) và tài liệu tham khảo trong văn bản có mục đích gì? Em thấy có cần chú thích thêm những từ ngữ, kí hiệu nào khác trong văn bản không?

- Các cước chú (“tam bản”, “chài”) trong văn bản có mục đích giải thích cho từ ngữ trong văn bản có thể chưa rõ cho người đọc. Tài liệu tham khảo có mục đích khẳng định các

nội dung trong văn bản được tác giả nghiên cứu, tìm hiểu cặn kẽ, đồng thời giúp độc giả có thể tìm đọc các tài liệu đó để mở rộng thêm kiến thức.

- Không cần có thêm chú thích cho những từ ngữ, kí hiệu khác trong văn bản. Vì các từ ngữ trong văn bản đều là từ phổ thông, rõ nghĩa.

Câu 5. Qua văn bản, em có nhận xét gì về ghe, xuồng nói riêng và các phương tiện đi lại ở Nam Bộ nói chung?

+ Là công cụ được người dân lao động sáng tạo bằng trí óc thông minh.

+ Là công cụ có công dụng lớn đối với đời sống của bà con nhân dân.

+ Mang theo giá trị văn hóa của vùng, miền.

Câu 6. Tìm hiểu thêm từ nhiều nguồn thông tin khác nhau để nêu một số nét thay đổi về phương tiện đi lại, vận chuyển hiện nay của vùng sông nước Nam Bộ.

+ Sử dụng các phương tiện hiện đại có sức chở hàng, chở người lớn như tàu thủy, thuyền, phà...

+ Các ghe, xuồng được cải tiến nhiều hơn, có thể được đầu tư gắn máy để giảm sức của con người.

SOẠN BÀI 10 ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TỔNG KIỂM SOÁT PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

1. CHUẨN BỊ

CH1. Tìm hiểu từ nhiều nguồn thông tin về tình hình giao thông và các vi phạm của người tham gia giao thông ở nước ta trong thời gian gần đây. Ghi lại một số thông tin đáng lưu ý.

Trả lời:

- Tình hình giao thông nước ta ở các khu đô thị rất phức tạp. Hầu hết là tình trạng tắc đường, xe cộ tranh làn của nhau. Ở đường quốc lộ dễ xảy ra các vụ tai nạn nghiêm trọng nguy hiểm đến tính mạng con người.
- Một số vi phạm giao thông thường gặp: vượt đèn đỏ, không xi nhan, không bật đèn pha, không đội mũ bảo hiểm.
- Nguyên nhân của các vi phạm giao thông thường là do chưa có đầy đủ nhận thức về sự nguy hiểm của tai nạn giao thông.
- Suy nghĩ về nguyên nhân của các vi phạm và bài học rút ra khi tham gia giao thông.

CH2. Suy nghĩ về nguyên nhân của các vi phạm và bài học rút ra khi tham gia giao thông.

Trả lời:

- Bài học rút ra khi tham gia giao thông: cần tuân thủ nghiêm túc luật giao thông để đảm bảo an toàn cho mọi người và chính bản thân mình.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Theo văn bản, loại phương tiện giao thông nào vi phạm nhiều nhất?

- Theo văn bản, loại phương tiện giao thông nào vi phạm nhiều nhất là xe mô tô với 287085 trường hợp vi phạm.

Câu 2. Có bao nhiêu lỗi vi phạm phổ biến.

- Có 5 lỗi vi phạm phổ biến: Giấy phép lái xe, tốc độ, quy định về nồng độ cồn, chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu, tải trọng.

Câu 1. Nhan đề của văn bản cho biết thông tin gì?

- Nhan đề của văn bản cho biết thông tin: Việc tổng kiểm soát phương tiện giao thông trong thời gian từ 15-5 đến 14-6 năm 2020 đã xử phạt hơn 401 000 người điều khiển vi phạm.

Câu 2. Xác định bố cục của văn bản Tổng kiểm soát phương tiện giao thông và chỉ ra thông tin chính của mỗi phần.

- Phần 1: Tiêu đề văn bản. Nội dung: Thông báo về việc tổng kiểm soát giao thông trong một tháng đã xử lý bao nhiêu trường hợp vi phạm luật giao thông.

- Phần 2: Các trường hợp vi phạm bị xử phạt. Nội dung: thông báo về tổng các trường hợp vi phạm vi xử phạt phân theo loại phương tiện và một số tổng số trường hợp bị xử phạt nặng.

- Phần 3: Các lỗi vi phạm phổ biến. Nội dung: Thống kê và đưa ra tổng số trường hợp vi phạm với các lỗi phổ biến.

Câu 3. Tìm thông tin thu được từ bản đồ họa trên và ghi vào vở nội dung trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi	Trả lời
a) Việc tổng kiểm soát phương tiện giao thông diễn ra vào thời gian nào?	Mẫu: Từ 15-5 đến 14-6 năm 2020.
b) Trong thời gian đó, có bao nhiêu người điều khiển phương tiện tham gia giao thông bị xử phạt? Con số đó nói lên điều gì?	
c) Các con số in đậm 401 027, 61 563 và 27 293 cho biết thông tin gì? Các cột cao thấp và các chấm tròn to nhỏ khác nhau biểu thị điều gì?	
d) Vi phạm nào phổ biến nhất? Vi phạm đó nói lên điều gì về giao thông ở Việt Nam?	
e) Những từ ngữ nào trong bản đồ họa trên được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực giao thông?	

Câu hỏi	Trả lời
a) Việc tổng kiểm soát phương tiện giao thông diễn ra vào thời gian nào?	Mẫu: Từ 15-5 đến 14-6 năm 2020.
b) Trong thời gian đó, có bao nhiêu người điều khiển phương tiện tham gia giao thông bị xử phạt? Con số đó nói lên điều gì?	- Có 401 027 trường hợp vi phạm - Con số này cho thấy số lượng người vi phạm luật giao thông trong một tháng là rất nhiều, ý

	thức tham gia giao thông của nhiều người là không cao, đáng bị phê phán.
c) Các con số in đậm 401 027, 61 563 và 27 293 cho biết thông tin gì? Các cột cao thấp và các chấm tròn to nhỏ khác nhau biểu thị điều gì?	- Số 401 027 cho biết tổng số phương tiện vi phạm; số 61 563 cho biết tổng số phương tiện bị tạm giữ; số 27 293 cho biết tổng số trường hợp bị tước giấy phép lái xe. - Các cột cao thấp và các chấm tròn to nhỏ khác nhau biểu thị: số trường hợp vi phạm theo biểu đồ hình cột.
d) Vi phạm nào phổ biến nhất? Vi phạm đó nói lên điều gì về giao thông ở Việt Nam?	- Vi phạm phổ biến nhất là lỗi về giấy phép lái xe với 49 715 trường hợp. - Vi phạm này nói lên rằng nhiều người tham gia giao thông không tôn trọng quy định của pháp luật.
e) Những từ ngữ nào trong bản đồ họa trên được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực giao thông?	- Những từ ngữ được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực giao thông là: vi phạm, phương tiện.

Câu 4. Văn bản Tổng kiểm soát phương tiện giao thông sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của các phương tiện đó là gì?

- Văn bản Tổng kiểm soát phương tiện giao thông sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ là hình ảnh, đồ họa.

- Tác dụng của các phương tiện đó là làm cho văn bản trở nên có tính thẩm mỹ cao, dễ hiểu, dễ truyền đạt các nội dung trọng tâm.

Câu 5. Hãy chuyển thông tin về các lỗi vi phạm phổ biến trong bản đồ họa trên thành một văn bản chỉ sử dụng kênh chữ. Ví dụ: Lỗi vi phạm nhiều nhất là lỗi về giấy phép lái xe, trong vòng một tháng có 49 715 người vi phạm.

- Theo nguồn tin từ Cục Cảnh sát giao thông, trong thời gian từ ngày 15/5 – 14/6/2020 đã diễn ra cuộc tổng kiểm soát phương tiện giao thông. Qua đó đã xử phạt hơn 401 000 người điều khiển phương tiện vi phạm. Trong đó, số trường hợp vi phạm bị xử phạt khi điều khiển mô tô là 287 085 trường hợp, xe tải là 32 174 trường hợp, xe con là 32 174 trường hợp... Đã tạm giữ 61 563 phương tiện vi phạm, trong đó có 55 110 xe mô tô và 6 453 loại phương tiện khác. Đã tước giấy phép lái xe của 27 293 người.

Các lỗi vi phạm phổ biến trong thời gian tổng kiểm soát: gấp phép lái xe với 49 715 trường hợp, tốc độ với 33 316 trường hợp, quy định về nồng độ cồn với 20 120 trường hợp.

Câu 6. Bản đồ họa thông tin trên mang lại cho em hiểu biết gì mới và nhắc nhở em điều gì khi tham gia giao thông?

+ Cách bố cục văn bản trong đồ họa

+ Cách sử dụng các hình ảnh, bảng biểu để minh họa cho bản đồ họa.

+ Các lỗi vi phạm giao thông phổ biến và các loại phương tiện giao thông thường xuyên vi phạm.

- Bản đồ họa nhắc nhở em cần tôn trọng luật giao thông để không vi phạm luật và tham gia giao thông văn minh.

SOẠN BÀI 10 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TRANG 82)

Câu 1. Xếp các thuật ngữ ở cột A vào lĩnh vực khoa học phù hợp ở cột B:

A. Thuật ngữ	B. Lĩnh vực khoa học
1) danh từ, động từ, tính từ, chủ ngữ, vị ngữ	a) toán học
2) số tự nhiên, số hữu tỉ, phân số, góc vuông	b) hóa học
3) hệ thần kinh, lưỡng cư, tế bào, vi khuẩn	c) ngôn ngữ học
4) đơn chất, kim loại, phim kim, hóa trị	d) vật lí học
5) dao động, tần số, vận tốc, điện tích	e) sinh học

Mẫu: 1) - c)

Trả lời:

- 1) - c) 2) - a); 3) - e); 4) - b); 5 - d).

Câu 2. Tìm và xếp các thuật ngữ trong những câu dưới đây vào lĩnh vực khoa học phù hợp: toán học, vật lí học, hoá học, sinh học, ngôn ngữ học.

a) Oxit là hợp chất của hai nguyên tố trong đó có một nguyên tố là oxi. Oxit gồm hai loại chính: oxit axit và oxit bazơ.

b) Trùng roi là một cơ thể đơn bào có thể tự dưỡng như thực vật nhưng cũng có thể dị dưỡng như động vật.

c) Ta gọi tam giác có ba góc nhọn là tam giác nhọn, tam giác có một góc tù là tam giác tù.

d) Cường độ dòng điện và hiệu điện thế có đặc điểm gì trong đoạn mạch nối tiếp và đoạn mạch song song?

e) Từ đơn là từ chỉ có một tiếng. Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng.

Trả lời:

a - hoá học

b - sinh học

c - toán học

d - vật lí học

e - ngôn ngữ học

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 3. Yếu tố nào trong các từ ghép dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa các loại xuông, ghe? Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp.

xuông ba lá, xuông năm lá, xuông tam bản, xuông độc mộc, xuông chèo, xuông máy, ghe câu, ghe cào tôm

a) Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật, ví dụ: (xuông) ba lá.

b) Chỉ cách vận hành sự vật, ví dụ: (xuông) chèo.

c) Chỉ công dụng của sự vật, ví dụ: (ghe) câu.

a) Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật: xuống ba lá, xuống năm lá, xuống tam bản, xuống độc mộc.

b) Chỉ cách vận hành sự vật: xuống chèo, xuống máy.

c) Chỉ công dụng của sự vật: ghe câu, ghe cào tôm.

Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) giới thiệu khái quát về các từ loại hoặc các thành phần câu em đã học. Chỉ ra một thuật ngữ được sử dụng trong đoạn văn.

- Trong ngữ pháp học, từ loại được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau như lớp từ, lớp từ vựng,... Từ loại được hiểu là một lớp ngôn ngữ học được xác định bằng các hiện tượng cú pháp hoặc các hiện tượng hình thái học của mục từ vựng trong câu nói. Thông thường, các ngôn ngữ được phân loại thành danh từ, động từ và các từ loại khác. Trong tiếng Việt, có các từ loại điển hình như: danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, lượng từ, phó từ, chỉ từ,... Mỗi loại từ có cách sử dụng khác nhau.
- Thuật ngữ được sử dụng trong đoạn văn: lớp từ, lớp từ vựng, hiện tượng cú pháp, hiện tượng hình thái học, từ vựng...

SOẠN BÀI 10 THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM NGÀY XƯA

1. CHUẨN BỊ

CH1. Đọc trước văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa; tìm hiểu thêm về các phương tiện được nói đến trong văn bản này.

Trả lời:

Hình ảnh thuyền đuôi én:



CH2. Em biết những dân tộc thiểu số nào trên đất nước ta? Người dân của các dân tộc đó sử dụng phương tiện nào để vận chuyển?

Trả lời:

- Em biết các dân tộc thiểu số nào trên đất nước ta: Mông, Tày, Nùng, Dao, Chứt, Chơ-ro, Pa-kô,... Ngày nay, người dân đồng bào dân tộc thiểu số cũng đã có các phương tiện hiện đại.

B. Bài tập và hướng dẫn giải

2. ĐỌC HIỂU

Câu 1. Văn bản triển khai ý tưởng và thông tin theo cách nào?

- Văn bản triển khai ý tưởng và thông tin theo cách: Giới thiệu về con người các dân tộc miền núi phía Bắc và cách di chuyển, vận chuyển của họ.

Câu 2. Phần 1 nhắc đến các phương tiện vận chuyển nào? Mỗi phương tiện gắn với những dân tộc nào?

- Phần 1 nhắc đến các phương tiện vận chuyển như: thuyền đuôi én, bè, mảng, xe quệt trâu kéo, ngựa.

Câu 3. Chỉ ra sự phù hợp của các phương tiện vận chuyển đối với đặc điểm của những dân tộc được nhắc đến trong văn bản.

- Sự phù hợp của các phương tiện vận chuyển đối với đặc điểm của những dân tộc được nhắc đến trong văn bản: Người Mông dùng sức ngựa để vận chuyển đồ đạc, hàng hóa hay đi chợ. Điều này là ưu việt nhất ở vùng núi hiểm trở.

Câu 4. Người Tây Nguyên sử dụng các phương tiện vận chuyển nào?

Người Tây Nguyên sử dụng các phương tiện vận chuyển như: dùng sức voi, sức ngựa vào việc vận chuyển, thuyền độc mộc.

Câu 5. Việc đưa tên các tài liệu tham khảo vào cuối bài nhằm mục đích gì?

+ Giúp người đọc có thể từ tài liệu tham khảo mà tìm ra các tài liệu gốc.

+ Làm đúng nguyên tắc: Khi trích dẫn một tài liệu, một ý kiến, một kết quả của một tác giả khác cần phải ghi rõ ý kiến này của ai, trích dẫn từ đâu trong phần tài liệu tham khảo.

CÂU HỎI

Câu 1. Văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa cung cấp những thông tin chính nào? Tóm tắt các thông tin đó bằng một sơ đồ tư duy.

+ Phương tiện vận chuyển của người dân tộc miền núi phía Bắc

+ Cách chế tạo phương tiện vận chuyển

+ Cách vận hành của phương tiện vận chuyển

+ Các phương tiện vận chuyển giúp ích gì cho người dân tộc thiểu ở miền núi phía Bắc.

- Tóm tắt các thông tin đó bằng một sơ đồ tư duy:

Phương tiện vận chuyển gắn với cuộc sống của dân tộc nào gắn với công dụng của phương tiện vận chuyển đó gắn với đời sống như thế nào.

Câu 2. Tác giả đã triển khai thông tin theo cách nào? Nêu tác dụng của cách thức triển khai ấy.

Tác giả đã triển khai thông tin theo cách giới thiệu chung, khái quát về phương thức di chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc trong khoảng thế kỷ X- XVIII. Sau đó, giới thiệu cụ thể về các phương tiện di chuyển phổ biến gắn với các dân tộc có loại phương tiện đó.

Cách thức triển khai thông tin như vậy có tác dụng giúp người đọc có cái nhìn chung về cách thức di chuyển của người miền núi nói chung trong một khoảng thời gian xác định. Đồng thời, cho người đọc biết các cách di chuyển khác của các dân tộc khác nhau trong cùng khoảng thời gian ấy. Qua đó, giúp người đọc hình dung được bức tranh về cách di chuyển, vận chuyển của người dân tộc miền núi phía Bắc trong khoảng thế kỷ X – XVIII.

Câu 3. Có những phương tiện vận chuyển nào được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỷ X - XVIII sử dụng? Các phương tiện đó có đặc điểm gì? Vì sao chúng được sử dụng?

Những phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỷ X - XVIII sử dụng là: Thuyền, bè, mảng, xe quệt trâu kéo, ngựa, sức voi, thuyền độc mộc.

- Đặc điểm của các phương tiện:

+ Thuyền đuôi én: được đục đẽo, chế tạo từ một thân gỗ tròn, thân thuyền thon, dài, mũi có đuôi nhọn. Phần đuôi được thiết kế cong lên và có dáng dấp hình đuôi chim én. Thuyền đuôi én có loại 2 mái chèo, 6 mái chèo, 12 mái chèo...

+ Thuyền độc mộc: làm bằng gỗ, nhẹ, xộp, dai, ít nứt, thuyền to, rộng, vách thuyền dày khoảng hơn chục xăng-ti-mét.

+ Bè: gồm nhiều tấm tre, nứa hay gỗ được kết hợp lại với nhau.

+ Mảng: Bè nhỏ, dùng để di chuyển trên mặt nước.

+ Xe quệt trâu kéo: đóng bằng gỗ, tre, đầu mắc dây cho trâu kéo được nâng cao hơn bởi độ dày của hai càng quệt.

+ Ngựa, sức voi: dùng sức ngựa, sức voi để di chuyển, chở hàng hóa.

- Chúng được sử dụng vì nó giúp cho đời sống của nhân dân trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn. Đồng thời, chúng được sử dụng bởi nó phù hợp với địa hình của miền núi cũng như địa hình gần với các dân tộc sinh sống (người Thái, La Ha sống gần sông Đà thì dùng thuyền, bè; người Mông sống ở núi cao thì dùng ngựa; người Tây Nguyên dùng sức voi...).

Câu 4. Nêu tác dụng của việc trích dẫn và đưa tên các tài liệu tham khảo vào văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa.

+ Thông tin được đưa ra được người đọc tin tưởng hơn vì nó đã được tham khảo qua các tài liệu khác.

+ Giúp người đọc tìm, tiếp cận với tài liệu tham khảo gốc hoặc nghiên cứu mở rộng vấn đề.

+ Tôn trọng sự sáng tạo, nghiên cứu của các tác giả khác và đảm bảo không vi phạm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Câu 5. Tìm hiểu thêm về các phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong cuộc sống hiện nay. Chỉ ra những sự thay đổi về việc sử dụng các phương tiện vận chuyển ở những dân tộc thiểu số này (nếu có) và lí giải nguyên nhân của sự thay đổi đó.

Các phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong cuộc sống hiện nay gồm: sức ngựa, xe đạp, xe máy, ô tô, thuyền, ca nô, xuồng máy...

Hiện nay, người dân tộc miền núi chủ yếu dùng các phương tiện vận chuyển là xe máy, ô tô, tàu thuyền có công suất lớn. Sở dĩ có thay đổi này là do có sự phát triển của khoa học công nghệ đã chế tạo ra các phương tiện hữu hiệu hơn để phục vụ mục đích của con người. Đồng thời, các tỉnh miền núi cũng được Chính phủ quan tâm, tạo điều kiện để xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện, giúp đời sống của người dân ngày một tốt lên, nhờ đó người dân có cuộc sống ấm no và có thể sở hữu các phương tiện hiện đại để phục vụ cuộc sống của mình.

SOẠN BÀI 10 VIẾT TÓM TẮT VĂN BẢN THEO YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Đề bài: Tóm tắt văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa theo hai yêu cầu: 5 – 6 dòng và 10 – 12 dòng.

- Tóm tắt văn bản 5 – 6 dòng:

Từ thế kỉ thứ X – XVIII, các dân tộc vùng núi phía Bắc chủ yếu di chuyển theo cách đi bộ. Tuy nhiên, ở một số dân tộc đã xuất hiện các cách vận tải, di chuyển dựa vào các phương tiện khác như: Người La Ha, Thái dùng thuyền, bè, mảng; người Sán Dìu dùng xe quệt trâu; Người mông, Hà Nhì, Dao dùng sức ngựa. Khác với các dân tộc vùng núi phía Bắc, các dân tộc ở Tây nguyên lại chủ yếu dùng sức voi, ngựa để vận chuyển. Ở các buôn làng ven sông, suối thì lại sử dụng các thuyền độc mộc.

- Tóm tắt văn bản 10 – 12 dòng

Trong khoảng thế kỷ X – XVIII, các dân tộc miền núi phía Bắc di chuyển bằng cách đi bộ là chính. Một số tộc người sinh sống ven sông Đà, sông Mã hay sông Lam đã biết đóng thuyền và vận chuyển, lưu thông trên sông suối lớn. Người Thái, người Kháng thường chế tạo và sử dụng thuyền đuôi én. Người Sán Dìu lại dùng xe quệt trâu để vận chuyển. Những tộc người ở vùng núi cao như Mông, Hà Nhì, Dao thường cưỡi người và dùng sức ngựa để vận chuyển đồ đạc, hàng hóa. Khác với một số dân tộc miền núi phía Bắc dùng trâu làm sức kéo, các dân tộc vùng Tây Nguyên thường dùng sức voi, sức ngựa vào việc vận chuyển, nhất là người Gia-rai, Ê đê, Mnông. Ở các buôn, làng gần sông, suối, người Tây Nguyên thường sử dụng thuyền độc mộc để vận chuyển, thuyền không khác nhiều so với thuyền của các dân tộc ở miền núi phía Bắc. Việc dùng thuyền trên sông ở Tây Nguyên chỉ phổ biến với đàn ông, phụ nữ ít tham gia vào loại hình vận chuyển, đi lại này.

SOẠN BÀI 10: VIẾT BẢN TƯỜNG TRÌNH

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Bài tập: Học sinh chọn một trong hai yêu cầu sau để làm bài:

(1) Cho sự việc sau: Em và một bạn trong lớp có xe đạp giống nhau. Một hôm, tan học, em vội về nên lấy nhầm xe của bạn. Bạn ấy ra về không thấy xe nên đã báo bác bảo vệ về việc bị mất xe. Sau khi tìm hiểu, bác bảo vệ đã biết em lấy nhầm xe của bạn và yêu cầu em viết tường trình. Em hãy viết bản tường trình gửi cho phòng bảo vệ của trường.

(2) Tự chọn một sự việc cụ thể để viết bản tường trình.

Chọn đề 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2022

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc: Lấy nhầm xe đạp của bạn học cùng lớp)

Kính gửi: Phòng Bảo vệ Trường THPT Duyên Hà

Họ Tên: Nguyễn Trần Linh Đan

Ngày tháng năm sinh: 03/02/2006.

Quê quán: Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội.

Công việc chính hiện nay đang đảm nhiệm: Học sinh.

Thời điểm xảy ra hoặc phát hiện: ngày 03 tháng 04 năm 2022

Trình tự diễn biến sự việc: Vào hồi 12h, ngày 03 tháng 04 năm 2022, sau khi tan học tôi đã nhanh chóng di chuyển ra nhà xe để lấy chiếc xe đạp điện màu đen nhãn hiệu Honda để về nhà. Khi về đến nhà, tôi mới được bác bảo vệ tên Nguyễn Văn A gọi điện báo rằng tôi đã lấy nhầm xe đạp của bạn Nguyễn Văn B cùng lớp. Ngay sau đó, tôi đã đi chiếc xe đạp điện mà tôi lấy nhầm đến trường gặp bác bảo vệ và đã bàn giao lại xe cho bạn Nguyễn Văn B dưới sự chứng kiến của bác bảo vệ Nguyễn Văn A.

Nguyên nhân dẫn đến sự việc xảy ra: Tôi và bạn Nguyễn Văn B học chung một lớp nên chỗ để xe được sắp xếp chung một khu. Xe của bạn B và tôi lại giống hệt nhau từ màu sắc, nhãn hiệu, độ mới... Do đang cần về nhà gấp nên tôi đã không nhớ và phân biệt được vị trí lúc đỗ xe buổi sáng, khi cắm chìa khóa vào xe vẫn có thể khởi động và di chuyển được do đó tôi không ý thức được rằng tôi đang đi nhầm xe của bạn Nguyễn Văn B về nhà.

Tôi hứa sẽ trả lại xe của bạn Nguyễn Văn B nguyên vẹn và sẽ không tái phạm.

Người viết tường trình

Nguyễn Trần Linh Đan

SOẠN BÀI 10: TỰ ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CỦA TƯƠNG LAI

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

Câu 1. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

- A. Giới thiệu một số phương tiện giao thông trong tương lai
- B. Giới thiệu một số phương tiện giao thông tự lái trong tương lai
- C. Giới thiệu một số phương tiện giao thông tự bay trong tương lai
- D. Giới thiệu một số phương tiện giao thông chạy bằng điện trong tương lai

Trả lời:

- A. Giới thiệu một số phương tiện giao thông trong tương lai

Câu 2. Văn bản sắp xếp thông tin theo trật tự nào?

- A. Trật tự thời gian
- B. Quan hệ nguyên nhân - kết quả
- C. Mức độ quan trọng
- D. Phân loại đối tượng

Trả lời:

- D. Phân loại đối tượng

Câu 3. Các thông tin chính trong văn bản được làm nổi bật bằng cách nào?

- A. In đậm
- B. Phóng to
- C. In hoa
- D. Tô màu

Trả lời:

- A. In đậm

B. Bài tập và hướng dẫn giải

Câu 4. Điểm giống nhau giữa các phương tiện được nói đến trong văn bản là gì?

- A. Điều giúp con người có thể rút ngắn thời gian đi lại một cách tối đa
- B. Điều giúp con người tiết kiệm được một khối lượng nhiên liệu lớn
- C. Điều giúp con người tránh được các tai nạn giao thông một cách tuyệt đối
- D. Điều khắc phục được những hạn chế của những phương tiện ra đời trước đó

Câu 5. Ý tưởng sáng chế các phương tiện nêu trong văn bản cho thấy điều gì ở con người?

- A. Sự chăm chỉ, cần cù
- B. Sự thông minh, sáng tạo
- C. Sự năng động, dũng cảm
- D. Sự khéo léo, tinh tế

- B. Sự thông minh, sáng tạo

Câu 6. Tác dụng chính của các hình ảnh được đưa vào văn bản là gì?

- A. Để trang trí, làm cho hình thức của văn bản đẹp hơn
- B. Định hướng cách đọc văn bản cho người đọc
- C. Giúp người đọc dễ hình dung ra loại phương tiện đang được giới thiệu
- D. Giúp người đọc hình dung ra cách triển khai thông tin của văn bản

- C. Giúp người đọc dễ hình dung ra loại phương tiện đang được giới thiệu

Câu 7. Từ nào không được coi là thuật ngữ trong lĩnh vực mà văn bản đề cập đến?

- A. Tốc độ
- B. Thuật toán
- C. Siêu tốc
- D. Phương tiện

- B. Thuật toán

Câu 8. Nhận định nào sau đây không đúng về ngôn ngữ của văn bản?

- A. Diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu
- B. Dùng nhiều biện pháp tu từ
- C. Sử dụng thuật ngữ thuộc lĩnh vực mà văn bản đề cập
- D. Chủ yếu sử dụng dạng câu trần thuật

- C. Sử dụng thuật ngữ thuộc lĩnh vực mà văn bản đề cập

Câu 9. Em học được những điều gì về cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên?

- + Thông tin chính được in đậm để giúp người đọc nhận biết
- + Dùng câu văn trần thuật, ngắn gọn, xúc tích, đi thẳng vào vấn đề
- + Sử dụng hình ảnh minh họa để giúp độc giả dễ hình dung về những điều được thuyết minh.

Câu 10. Phương tiện giao thông mà em kì vọng trong tương lai là gì? Hãy nêu ngắn gọn đặc điểm và công dụng của phương tiện đó.

- Đặc điểm và công dụng của phương tiện:

- + Có thể dài 3000m, rộng 2.000m, chở tối đa lên tới 20.000 người hoặc 1.000 chiếc máy bay.
- + Thân tàu được làm bằng kim loại cứng nhất là Crom, vỏ tàu được đắp các khối kim loại quý có giá trị cao nhất là rhodium do đó tàu có độ bền, chắc chắn và không lo bị các tác nhân bên ngoài làm hư hại.
- + Tốc độ đạt 30km/s, bằng 1/10 vận tốc ánh sáng. Do đó việc đi từ trái đất đến mặt trăng hay các hành tinh khác chỉ là chuyện đơn giản.
- + Tàu cũng được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại nhất của loài người để đề phòng người ở các hành tinh khác có ý định trộm tàu về làm của riêng.